



NEO
Premium Quality

NEW★STAR

SINCE 1919
MADE IN JAPAN

KHÓA CỬA & PHỤ KIỆN **LOCKS & HARDWARE**

2020 **CATALOGUE**

CÔNG TY TNHH VLXD NGUYỄN ĐẠT

GIỚI THIỆU INTRODUCTION

Kính chào quý khách hàng thân mến!

Được thành lập và đi vào hoạt động từ những năm đầu thập niên 90 đến nay là một quá trình gian nan và thử thách, nếu không có sự đóng góp to lớn của quý khách hàng thì công ty chúng tôi đã không đạt được những thành tựu như ngày hôm nay. Một lần nữa công ty Nguyễn Đạt xin gửi đến quý khách hàng những lời tri ân sâu sắc nhất.

Kính thưa quý vị, hơn hai thập niên đã trôi qua, công ty chúng tôi đã không ngừng nỗ lực và phấn đấu nhằm đem lại cho quý vị những sản phẩm tốt nhất. Đẹp về hình thức, tốt về chất lượng cùng sự phục vụ tận tình của đội ngũ nhân viên.

Từ những mặt hàng truyền thống: khóa cửa, bản lề sàn, tay đẩy hơi, kẹp kính, tay nắm cửa kính... của các nước Châu Âu và Nhật Bản với những thương hiệu uy tín chất lượng như : **NEWSTAR (NHẬT BẢN)**, **OMV (ITALY)**, **YANK (THÁI LAN)**, **NEWNEO**... tập thể nhân viên năng động, nhiệt huyết, giàu kinh nghiệm cùng với sự đa dạng hàng hóa sản phẩm từ nhiều quốc gia khác nhau nhằm đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng của quý khách hàng và thị hiếu luôn đổi mới.

Để có được như ngày hôm nay và vì sự phát triển của ngày mai thì sự tin tưởng của quý khách hàng đối với công ty chúng tôi đó chính là chìa khóa của thành công. Chúng tôi luôn hy vọng sẽ mãi mãi là người bạn đồng hành của quý vị. Những ý kiến phản hồi của quý vị sẽ là động lực để công ty chúng tôi hoàn thiện hơn trong lĩnh vực kinh doanh và mang lại cho quý vị sự an tâm tuyệt đối khi đến với chúng tôi.

Chúng tôi luôn đề cao khẩu hiệu

"Sự an toàn của bạn là niềm đam mê của chúng tôi."

Your security, Our passion

PHÂN PHỐI ĐỘC QUYỀN

EXCLUSIVE DISTRIBUTION

 Premium Quality	 SINCE 1919 MADE IN JAPAN	 MADE IN ITALY	 MADE IN JAPAN
 MADE IN THAILAND	 MADE IN JAPAN	 MADE IN SPAIN	 MADE IN KOREA
 MADE IN ITALY	 MADE IN ITALY	 MADE IN ITALY	

MỤC LỤC - INDEX

BẢN LỀ SÀN / FLOOR HINGES

PAGE

▪ NEWSTAR	01
▪ OMV	02
▪ YANK	03
▪ NEWNEO.....	04

KẸP KÍNH / PATCH FITTINGS

▪ NEWSTAR	05
▪ YANK	07
▪ NEWNEO Liên Doanh (Xịn).....	09
▪ NEWNEO.....	12

TAY ĐẨY HỜI / DOOR CLOSERS

▪ NEWSTAR	14
▪ YANK	18
▪ NEWNEO.....	21

KHÓA TAY GẠT ĐỒNG THAU / BRASS LOCKS

▪ MESTRE - Made in Spain.....	22
▪ CLASS - Made in Italy.....	29
▪ FORME - Made in Italy.....	30
▪ AOPO	34
▪ NEWNEO.....	36

KHÓA TAY GẠT / LEVER HANDLES

▪ FADEX - Made in Italy (Thân + Ruột).....	44
▪ NEWNEO (Dài 300mm + 260mm + 200mm)	47
▪ TAY GẠT PHÂN THỂ NEWNEO	64

KHÓA TRÒN / KNOB LOCKETS

▪ NEWNEO.....	65
---------------	----

KHÓA CỐC / DEADBOLTS

▪ HYUNDAE + NEWNEO	68
--------------------------	----

MỤC LỤC - INDEX

PAGE

PHỤ KIỆN CỬA KÍNH PHÒNG TẮM / BATHROOM FITTINGS

- NEWNEO..... 69

THANH THOÁT HIỂM / PANIC EXIT DEVICES

- NEWNEO..... 74

CÁC PHỤ KIỆN KHÁC / HARDWARES

- PHỤ KIỆN CỬA KÍNH (TAY NẮM + KHÓA KÍNH)..... 77
- BẢN LỀ BẬT HƠI 79
- RAY 2 TẦNG / 3 TẦNG - RAY 3 TẦNG GIẢM CHẤN..... 80
- TAY CHỐNG HƠI 82
- KHÓA TỬ / KHÓA CỐP..... 82
- KHÓA CỔNG 83
- MẮT THẦN (AMEX + NEWNEO)..... 84
- CHỐT MẬP / CHỐT ÂM..... 86
- HÍT CỬA 87
- BẢN LỀ LÁ / BẢN LỀ ÂM DƯỠNG / BẢN LỀ MINI 90
- KHÓA ÂM LÙA (NEO + AMEX) 92
- LÔNG NHEO..... 94
- KHÓA BÓP (AMEX + RARLUX + SHENGLI) 95
- RON KẸP KÍNH 96

KHÓA ĐIỆN TỬ / ELECTRONIC SMART LOCKS

- KHÓA VÂN TAY 106
- KHÓA ĐIỆN TỬ..... 115
- KHÓA KHÁCH SẠN 119
- CHẤM CÔNG & KIỂM SOÁT RA VÀO 136

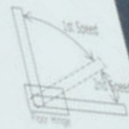
CỬA TRƯỢT / SLIDING DOOR SYSTEMS

- CỬA TRƯỢT DAIKEN..... 99
- CỬA TRƯỢT TỰ ĐỘNG (NEWNEO + YANK)..... 144



Part No.
HS-533

Closing Speed Adjustment
- To adjust the closing speed,
turn the closing speed valves
in the direction of the arrows.
- Adjust the 1st speed
after adjusting the 2nd speed.



1st Speed
Adjusting
Valve
Fast Slow

2nd Speed
Adjusting
Valve
Fast Slow

NS 266950

NEW

SIN
MADE



BẢN LỀ SÀN

Floor Hinges

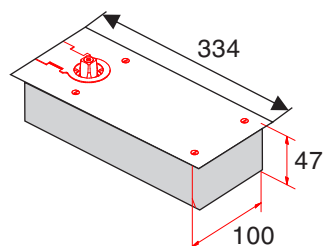
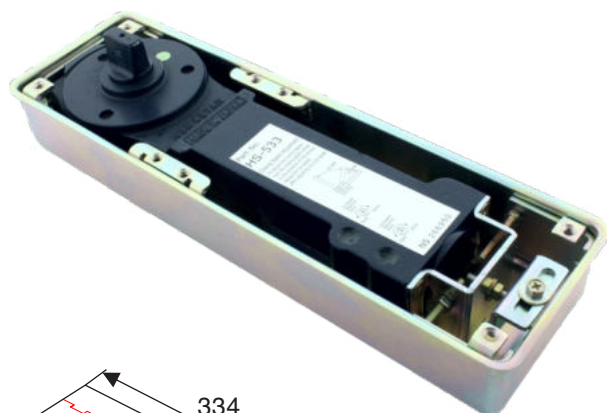


SINCE 1919
MADE IN JAPAN



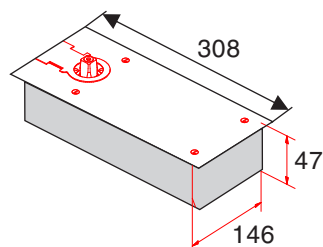


SINCE 1919
MADE IN JAPAN



BẢN LỀ SÀN NEWSTAR SERIES 500	NEWSTAR FLOOR HINGES 500 SERIES
- Chất liệu: thép, nắp dây inox (bóng) - Màu sắc: inox bóng - Phù hợp cho cửa trái và phải - Cửa mở 2 chiều - Đạt 3.000.000 lần mở cửa dựa trên tiêu chuẩn của Nhật Bản JIS	- Material: SUS 304, Steel body - Finish: PS - Double action right or left hand - Inward or Outward opening - Passed 3.000.000 cycles test based on JIS standard

Mã sản phẩm Model No.	Tải trọng tối đa Maximum Door Weight	Kích thước cửa Applicable Door Dimensions
NEWSTAR - 511	75kg	900 x 2100 MM
NEWSTAR - 522	105kg	950 x 2100 MM
NEWSTAR - 533	150kg	1050 x 2400 MM
NEWSTAR - 533AQ (Chống nước / Waterproof)	150kg	1050 x 2400 MM

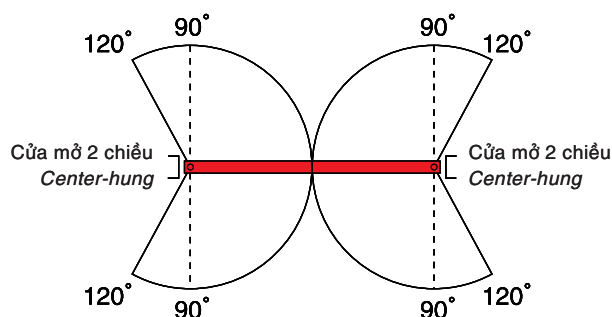


BẢN LỀ SÀN NEWSTAR SERIES 200	NEWSTAR FLOOR HINGES 200 SERIES
- Chất liệu: thép, nắp dây inox (bóng) - Màu sắc: inox bóng - Phù hợp cho cửa trái và phải - Cửa mở 2 chiều - Đạt 2.000.000 lần mở cửa dựa trên tiêu chuẩn của Nhật Bản JIS	- Material: SUS 304, Steel body - Finish: PS - Double action right or left hand - Inward or Outward opening - Passed 2.000.000 cycles test based on JIS standard

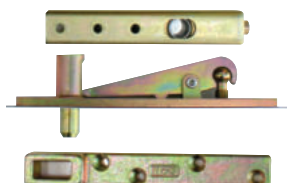
Mã sản phẩm Model No.	Tải trọng tối đa Maximum Door Weight	Kích thước cửa Applicable Door Dimensions
NEWSTAR - 211	75kg	900 x 2100 MM
NEWSTAR - 222	105kg	950 x 2100 MM
NEWSTAR - 233	150kg	1050 x 2400 MM
NEWSTAR - 233G	185kg	1200 x 2400 MM

Góc mở

Opening Angle



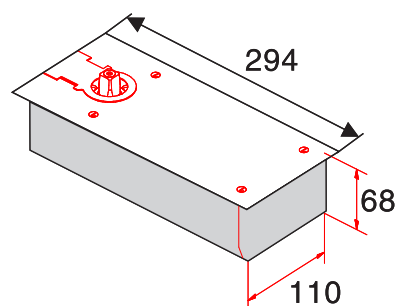
Phụ kiện bản lề sàn



- Chất liệu : Hợp kim
- Material : Zinc Alloy



MADE IN ITALY

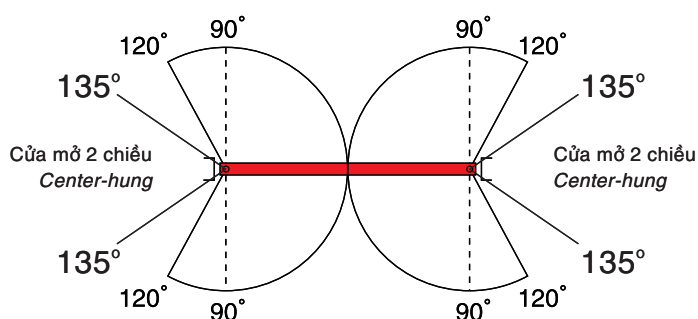


BẢN LỀ SÀN OMV	OMV FLOOR HINGES
● Chất liệu: thép, nắp đậy inox (bóng) ● Màu sắc: inox bóng ● Phù hợp cho cửa trái và phải ● Cửa mở 2 chiều	● Material: SUS 304, Steel body ● Finish: PS ● Double action right or left hand ● Inward or Outward opening

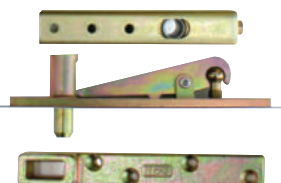
Mã sản phẩm Model No.	Tải trọng tối đa Maximum Door Weight	Kích thước cửa Applicable Door Dimensions
OMV 50150 RS	180kg	1200 x 2400 MM
OMV 50150-P-RS	220kg	1300 x 2400 MM

Góc mở

Opening Angle



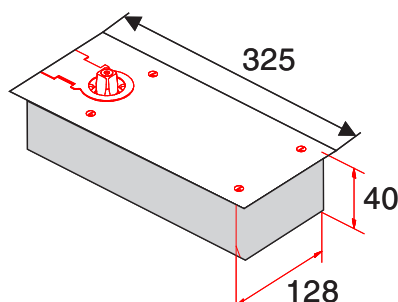
Phụ kiện bản lề sàn



- Chất liệu : Hợp kim
- Material : Zinc Alloy

YANK

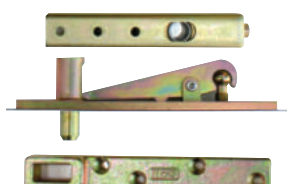
MADE IN JAPAN



BẢN LỀ SÀN YANK	YANK FLOOR HINGES
● Chất liệu: thép, nắp đậy inox (bóng) ● Màu sắc: inox bóng ● Phù hợp cho cửa trái và phải ● Cửa mở 2 chiều	● Material: SUS 304, Steel body ● Finish: PS ● Double action right or left hand ● Inward or Outward opening

Mã sản phẩm Model No.	Tải trọng tối đa Maximum Door Weight	Kích thước cửa Applicable Door Dimensions
YANK - 1230	75kg	900 x 2100 MM
YANK - 1240	105kg	950 x 2100 MM
YANK - 1250	150kg	1050 x 2400 MM
YANK - 1260	180kg	1200 x 2400 MM

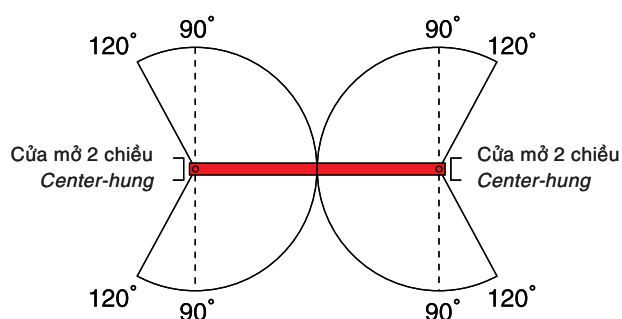
Phụ kiện bản lề sàn

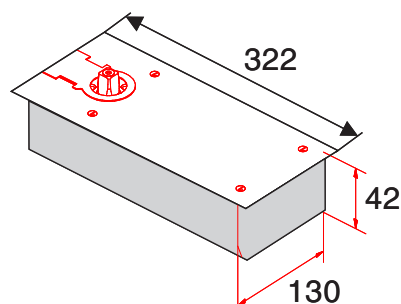


- Chất liệu : Hợp kim
- Material : Zinc Alloy

Góc mở

Opening Angle

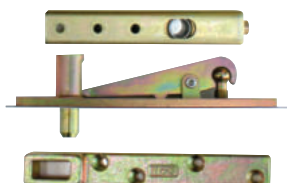




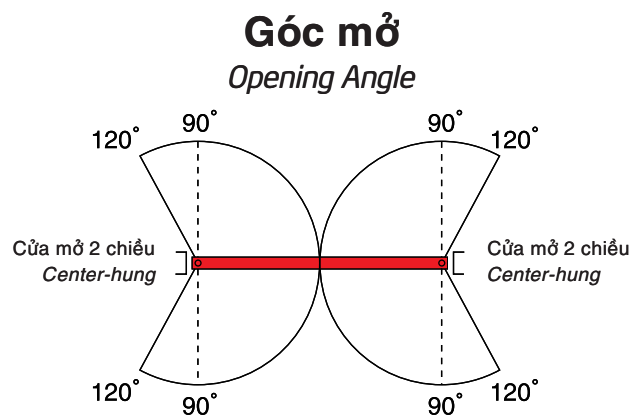
BẢN LỀ SÀN NEO	NEO FLOOR HINGES
● Chất liệu: thép, nắp đậy inox (bóng) ● Màu sắc: inox bóng ● Phù hợp cho cửa trái và phải ● Cửa mở 2 chiều	● Material: SUS 304, Steel body ● Finish: PS ● Double action right or left hand ● Inward or Outward opening

Mã sản phẩm Model No.	Tải trọng tối đa Maximum Door Weight	Kích thước cửa Applicable Door Dimensions
NEO - 8622	105kg	1050 x 2400
NEO - 8623	150kg	1100 x 2400

Phụ kiện bản lề sàn



- Chất liệu : Hợp kim
- Material : Zinc Alloy





SINCE 1919
MADE IN JAPAN



MADE IN JAPAN



Premium Quality





KẸP KÍNH

Patch Fitting

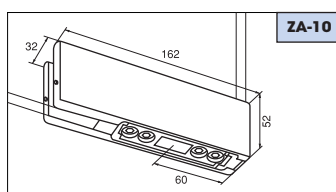


SINCE 1919
MADE IN JAPAN



Mã sản phẩm / Model No.

ZA10



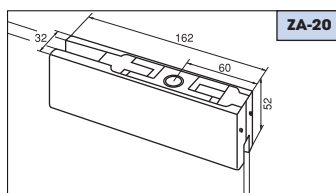
- Màu sắc : inox bóng
- Chất liệu : inox SUS 304 / Nhôm đúc
- Độ dày kính : 10 -12 mm

- Finish : PS
- Material : SUS 304 / Die-cast Aluminum
- Glass thickness : 10 -12 mm



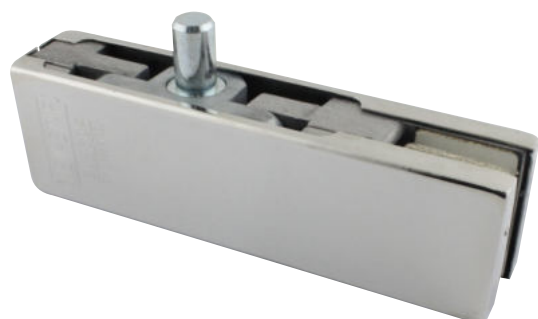
Mã sản phẩm / Model No.

ZA20



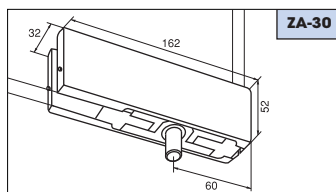
- Màu sắc : inox bóng
- Chất liệu : inox SUS 304 / Nhôm đúc
- Độ dày kính : 10 -12 mm

- Finish : PS
- Material : SUS 304 / Die-cast Aluminum
- Glass thickness : 10 -12 mm



Mã sản phẩm / Model No.

ZA30

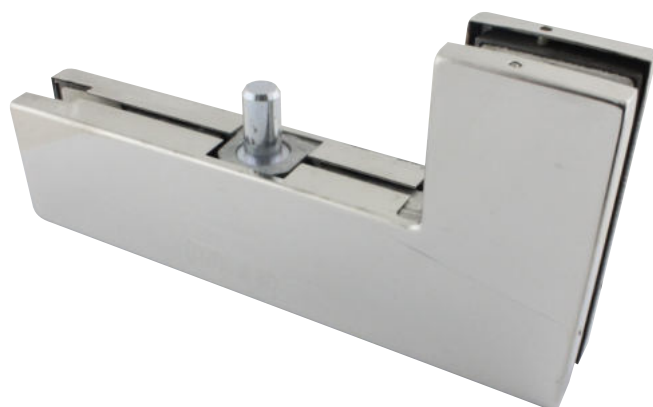


- Màu sắc : inox bóng
- Chất liệu : inox SUS 304 / Nhôm đúc
- Độ dày kính : 10 -12 mm

- Finish : PS
- Material : SUS 304 / Die-cast Aluminum
- Glass thickness : 10 -12 mm



SINCE 1919
MADE IN JAPAN

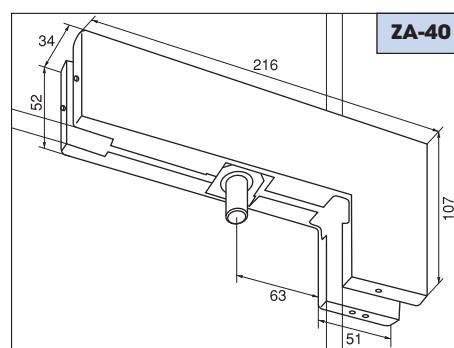


Mã sản phẩm / Model No.

ZA40

- Màu sắc : inox bóng
- Chất liệu : inox SUS 304 / Nhôm đúc
- Độ dày kính : 10 -12 mm

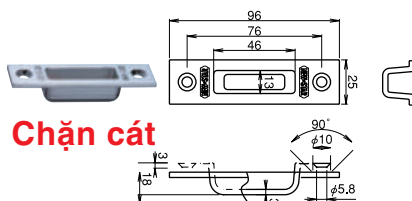
- Finish : PS
- Material : SUS 304 / Die-cast Aluminum
- Glass thickness : 10 -12 mm



Mã sản phẩm / Model No.

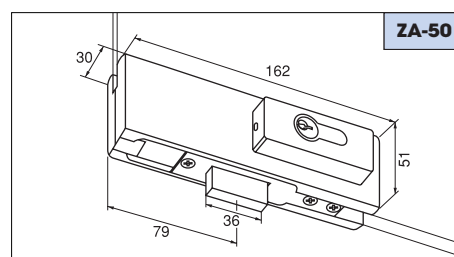
ZA50

Chặn cát



- Màu sắc : inox bóng
- Chất liệu : inox SUS 304 / Nhôm đúc
- Độ dày kính : 10 -12 mm

- Finish : PS
- Material : SUS 304 / Die-cast Aluminum
- Glass thickness : 10 -12 mm



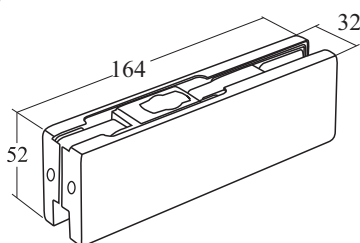
YANK

MADE IN JAPAN



Mã sản phẩm / Model No.

KF10



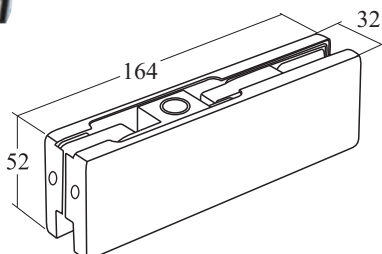
- Màu sắc : inox bóng
- Chất liệu : inox SUS 304 / Hợp kim nhôm
- Độ dày kính : 10 -12 mm

- Finish : PS
- Material : SUS 304 / Aluminium Alloy
- Glass thickness : 10 -12 mm



Mã sản phẩm / Model No.

KF20



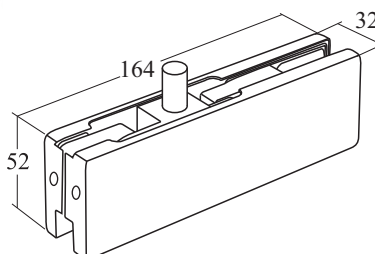
- Màu sắc : inox bóng
- Chất liệu : inox SUS 304 / Hợp kim nhôm
- Độ dày kính : 10 -12 mm

- Finish : PS
- Material : SUS 304 / Aluminium Alloy
- Glass thickness : 10 -12 mm



Mã sản phẩm / Model No.

KF30



- Màu sắc : inox bóng
- Chất liệu : inox SUS 304 / Hợp kim nhôm
- Độ dày kính : 10 -12 mm

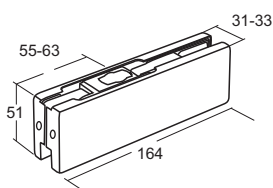
- Finish : PS
- Material : SUS 304 / Aluminium Alloy
- Glass thickness : 10 -12 mm



Mã sản phẩm / Model No.

010

010/D



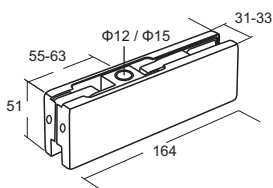
- Màu sắc : inox bóng
- Chất liệu : inox SUS 304 / Hợp kim nhôm
- Độ dày kính : 10 -12 mm

- Finish : PS
- Material : SUS 304 / Aluminium Alloy
- Glass thickness : 10 -12 mm



Mã sản phẩm / Model No.

020



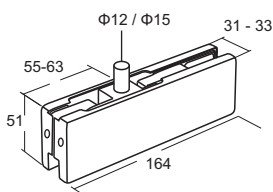
- Màu sắc : inox bóng
- Chất liệu : inox SUS 304 / Hợp kim nhôm
- Độ dày kính : 10 -12 mm

- Finish : PS
- Material : SUS 304 / Aluminium Alloy
- Glass thickness : 10 -12 mm



Mã sản phẩm / Model No.

030



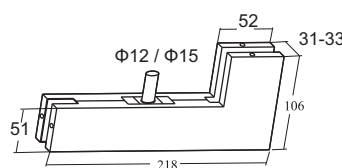
- Màu sắc : inox bóng
- Chất liệu : inox SUS 304 / Hợp kim nhôm
- Độ dày kính : 10 -12 mm

- Finish : PS
- Material : SUS 304 / Aluminium Alloy
- Glass thickness : 10 -12 mm



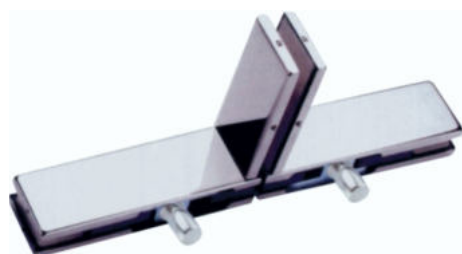
Mã sản phẩm / Model No.

040



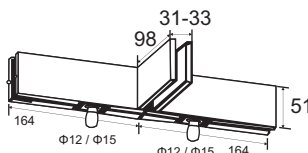
- Màu sắc : inox bóng
- Chất liệu : inox SUS 304 / Hợp kim nhôm
- Độ dày kính : 10 -12 mm

- Finish : PS
- Material : SUS 304 / Aluminium Alloy
- Glass thickness : 10 -12 mm



Mã sản phẩm / Model No.

330



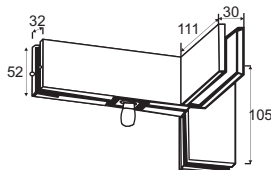
- Màu sắc : inox bóng
- Chất liệu : inox SUS 304 / Hợp kim nhôm
- Độ dày kính : 10 -12 mm

- Finish : PS
- Material : SUS 304 / Aluminium Alloy
- Glass thickness : 10 -12 mm



Mã sản phẩm / Model No.

340 L/R



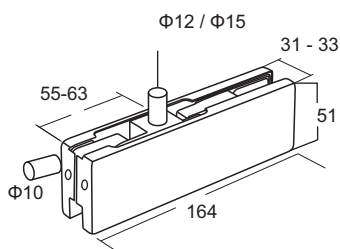
- Màu sắc : inox bóng
- Chất liệu : inox SUS 304 / Hợp kim nhôm
- Độ dày kính : 10 -12 mm

- Finish : PS
- Material : SUS 304 / Aluminium Alloy
- Glass thickness : 10 -12 mm



Mã sản phẩm / Model No.

032



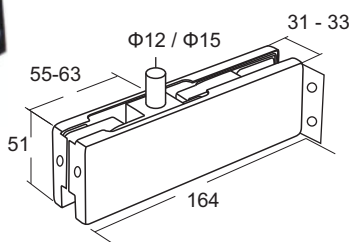
- Màu sắc : inox bóng
- Chất liệu : inox SUS 304 / Hợp kim nhôm
- Độ dày kính : 10 -12 mm

- Finish : PS
- Material : SUS 304 / Aluminium Alloy
- Glass thickness : 10 -12 mm



Mã sản phẩm / Model No.

033



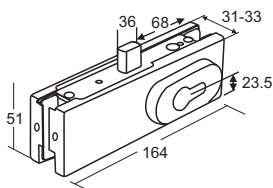
- Màu sắc : inox bóng
- Chất liệu : inox SUS 304 / Hợp kim nhôm
- Độ dày kính : 10 -12 mm

- Finish : PS
- Material : SUS 304 / Aluminium Alloy
- Glass thickness : 10 -12 mm



Mã sản phẩm / Model No.

055A



- Màu sắc : inox bóng
- Chất liệu : inox SUS 304 / Hợp kim nhôm
- Độ dày kính : 10 -12 mm

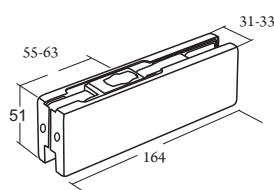
- Finish : PS
- Material : SUS 304 / Aluminium Alloy
- Glass thickness : 10 -12 mm



Mã sản phẩm / Model No.

010/C

010D/C



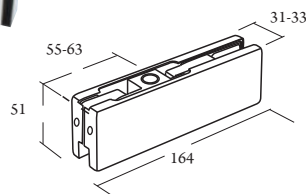
- Màu sắc : inox bóng
- Chất liệu : inox SUS 304 / Hợp kim nhôm
- Độ dày kính : 10 -12 mm

- Finish : PS
- Material : SUS 304 / Aluminium Alloy
- Glass thickness : 10 -12 mm



Mã sản phẩm / Model No.

020D/C



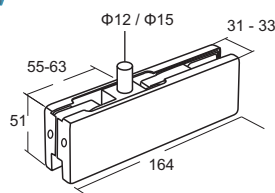
- Màu sắc : inox bóng
- Chất liệu : inox SUS 304 / Hợp kim nhôm
- Độ dày kính : 10 -12 mm

- Finish : PS
- Material : SUS 304 / Aluminium Alloy
- Glass thickness : 10 -12 mm



Mã sản phẩm / Model No.

030D/C



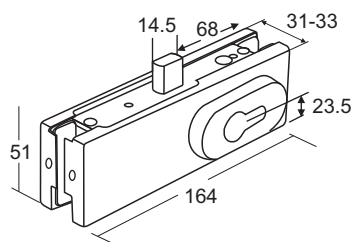
- Màu sắc : inox bóng
- Chất liệu : inox SUS 304 / Hợp kim nhôm
- Độ dày kính : 10 -12 mm

- Finish : PS
- Material : SUS 304 / Aluminium Alloy
- Glass thickness : 10 -12 mm



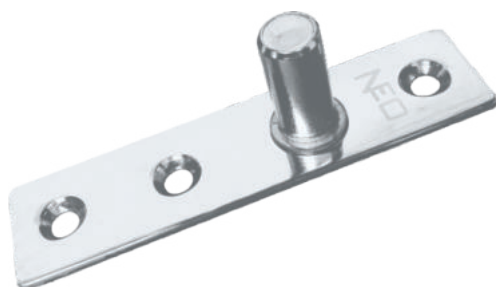
Mã sản phẩm / Model No.

055A/C



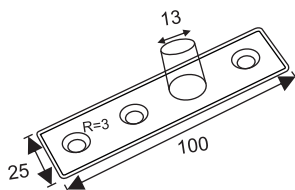
- Màu sắc : inox bóng
- Chất liệu : inox SUS 304 / Hợp kim nhôm
- Độ dày kính : 10 -12 mm

- Finish : PS
- Material : SUS 304 / Aluminium Alloy
- Glass thickness : 10 -12 mm



Mã sản phẩm / Model No.

NEO 001 PS



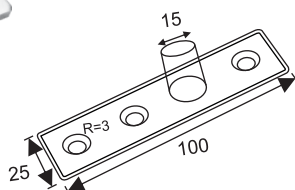
- Màu sắc : inox bóng
- Chất liệu : inox SUS 304

- Finish : PS
- Material : SUS 304



Mã sản phẩm / Model No.

NEO 001/D PS



- Màu sắc : inox bóng
- Chất liệu : inox SUS 304

- Finish : PS
- Material : SUS 304



SINCE 1919
MADE IN JAPAN



MADE IN JAPAN



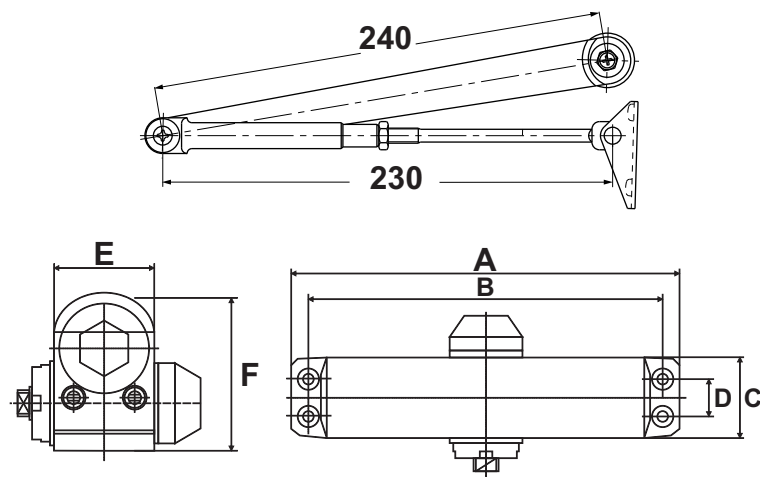
TAY ĐẨY HỜI²

Door Closer





SINCE 1919
MADE IN JAPAN



	A	B	C	D	E	F
ZA81	195	178	32	19	36	55
ZA181						
ZA82	206	206	42	19	45	65
ZA182						

TAY ĐẨY HƠI NEWSTAR SERIES ZA80

- Chất liệu: Hợp kim nhôm
- Màu sắc : Bạc
- Dùng cho cửa gỗ, cửa nhựa và cửa thép
- Điều chỉnh được tốc độ đóng / mở
- Đạt 500.000 lần mở cửa dựa trên tiêu chuẩn của Nhật JIS

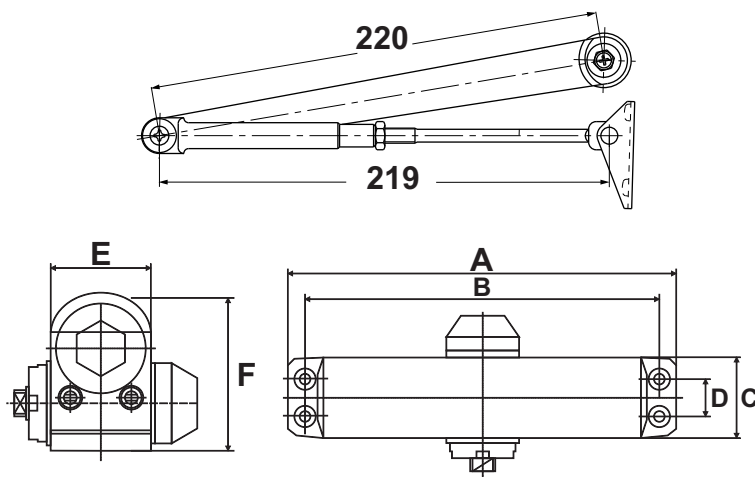
NEWSTAR DOOR CLOSER ZA80 SERIES

- Material: Aluminum alloy
- Finish: Silver
- Applicable for wooden door, steel door and UPVC door
- Door closing / opening speed adjustment
- Passed 500.000 cycles test based on JIS standard

Mã sản phẩm Model No.	Tải trọng tối đa Maximum Door Weight	Kích thước cửa Applicable Door Dimensions
ZA81	45kg	800 x 1800 mm
ZA181	45kg	800 x 1800 mm
ZA82	60kg	900 x 2100 mm
ZA182	60kg	900 x 2100 mm



SINCE 1919
MADE IN JAPAN



	A	B	C	D	E	F
181	194	178	42	19	42	67
81						
82	216	190	45		45	72.5
83	234	208	45		45	72.5
84	250	230	48		49	77
85	280	260	52		52	95

TAY ĐẨY HỜI NEWSTAR SERIES 80

- Chất liệu: Hợp kim nhôm
- Màu sắc : Bạc
- Dùng cho cửa gỗ, cửa nhựa và cửa thép
- Điều chỉnh được tốc độ đóng / mở
- Đạt 1.000.000 lần mở cửa dựa trên tiêu chuẩn của Nhật JIS

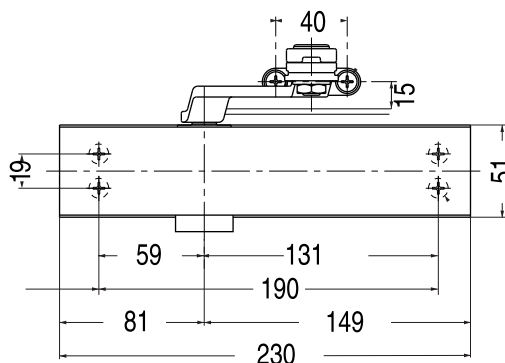
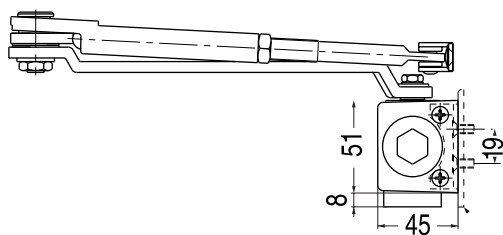
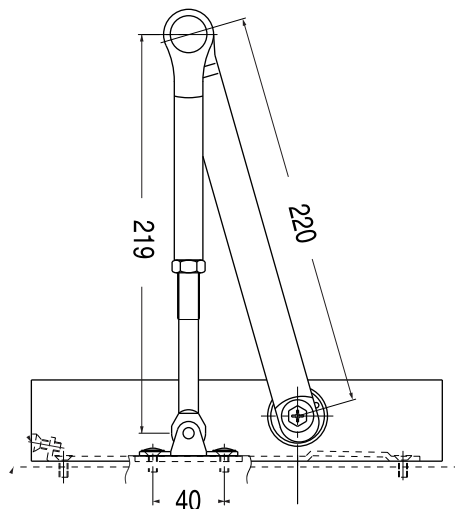
NEWSTAR DOOR CLOSER SERIES 80

- Material: Zinc Aluminum alloy
- Finish: Silver
- Applicable for wooden door, steel door and UPVC door
- Door closing / opening speed adjustment
- Passed 1.000.000 cycles test based on JIS standard

Mã sản phẩm Model No.	Tải trọng tối đa Maximum Door Weight	Kích thước cửa Applicable Door Dimensions
181 The maximum hold-open angle is 120°	45kg	800 x 1800 mm
81	45kg	800 x 1800 mm
82	65kg	900 x 2100 mm
83	85kg	950 x 2100 mm
84	120kg	1050 x 2400 mm
85	180kg	1200 x 2400 mm



SINCE 1919
MADE IN JAPAN



TAY ĐẨY HƠI NEWSTAR SERIES 7000

- Chất liệu: Hợp kim nhôm
- Màu sắc : Bạc
- Dùng cho cửa gỗ, cửa nhựa và cửa thép
- Điều chỉnh được tốc độ đóng / mở
- Đạt 2.000.000 lần mở cửa dựa trên tiêu chuẩn của Nhật JIS

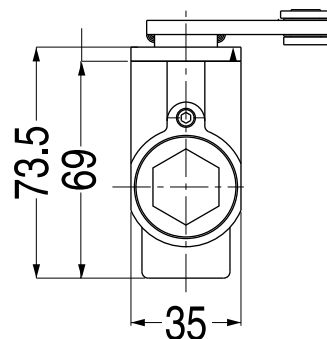
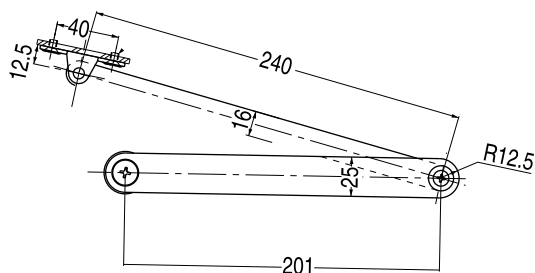
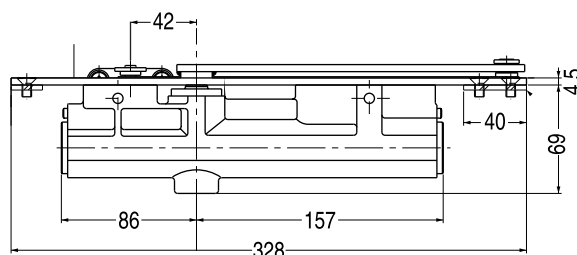
NEWSTAR DOOR CLOSER SERIES 7000

- Material: Aluminum alloy
- Finish: Silver
- Applicable for wooden door, steel door and UPVC door
- Door closing / opening speed adjustment
- Passed 2.000.000 cycles test based on JIS standard

Mã sản phẩm Model No.	Tải trọng tối đa Maximum Door Weight	Kích thước cửa Applicable Door Dimensions
S7001 The maximum hold-open angle is 120°	30kg	800 x 1800 mm
7001	30kg	800 x 1800 mm
7002	45kg	900 x 2100 mm



SINCE 1919
MADE IN JAPAN



TAY ĐẨY HỜI NEWSTAR SERIES CL160

- Chất liệu: Hợp kim nhôm
- Màu sắc : Bạc
- Dùng cho cửa gỗ, cửa nhựa và cửa thép
- Điều chỉnh được tốc độ đóng / mở
- Đạt 500.000 lần mở cửa dựa trên tiêu chuẩn của Nhật JIS

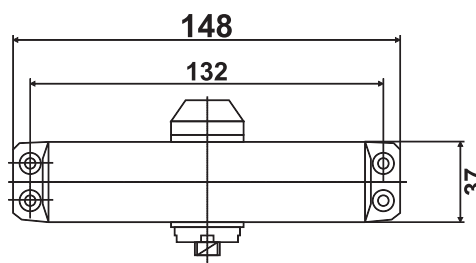
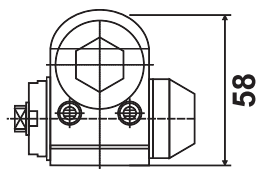
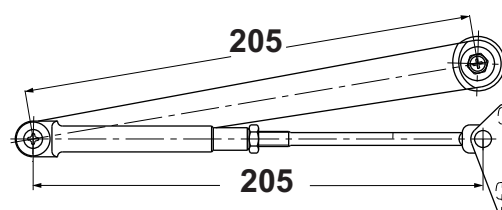
NEWSTAR DOOR CLOSER SERIES CL160

- Material: Aluminum alloy
- Finish: Silver
- Applicable for wooden door, steel door and UPVC door
- Door closing / opening speed adjustment
- Passed 500.000 cycles test based on JIS standard

Mã sản phẩm Model No.	Tải trọng tối đa Maximum Door Weight	Kích thước cửa Applicable Door Dimensions
CL162L/R	45kg	900 x 2100 mm
CL163L/R	65kg	950 x 2100 mm
CL164L/R	85kg	1050 x 2400 mm

YANK

MADE IN JAPAN



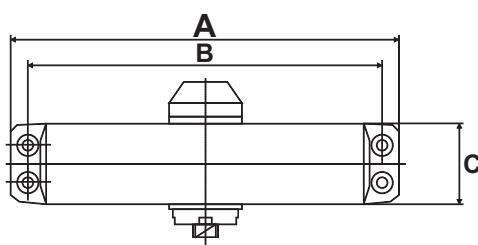
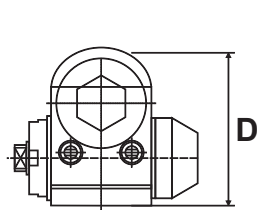
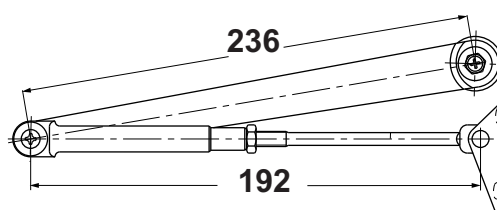
TAY ĐẨY HƠI YANK SERIES 700

- Chất liệu: Hợp kim nhôm
- Màu sắc : Bạc
- Dùng cho cửa gỗ, cửa nhựa và cửa thép
- Điều chỉnh được tốc độ đóng / mở

YANK DOOR CLOSER 700 SERIES

- Material: Aluminum alloy
- Finish: Silver
- Applicable for wooden door, steel door and UPVC door
- Door closing / opening speed adjustment

Mã sản phẩm Model No.	Tải trọng tối đa Maximum Door Weight	Kích thước cửa Applicable Door Dimensions
701	30kg	800 x 1800 mm
701-HO	30kg	800 x 1800 mm
702	45kg	900 x 2100 mm
702-HO	45kg	900 x 2100 mm



	A	B	C	D
800	196	178	42	62
800-HO				
900	226	208	42	65

TAY ĐẨY HỜI YANK SERIES 800

- Chất liệu: Hợp kim nhôm
- Màu sắc : Bạc
- Dùng cho cửa gỗ, cửa nhựa và cửa thép
- Điều chỉnh được tốc độ đóng / mở

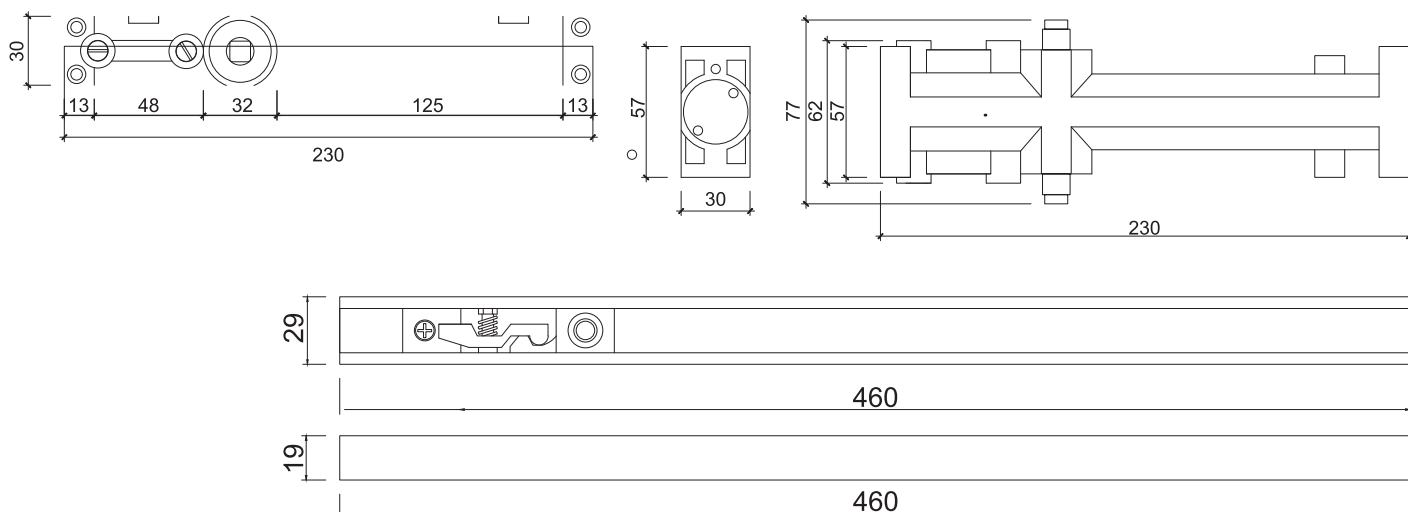
YANK DOOR CLOSER 800 SERIES

- Material: Aluminum alloy
- Finish: Silver
- Applicable for wooden door, steel door and UPVC door
- Door closing / opening speed adjustment

Mã sản phẩm Model No.	Tải trọng tối đa Maximum Door Weight	Kích thước cửa Applicable Door Dimensions
800	60kg	1050 x 2400 mm
800-HO	60kg	1050 x 2400 mm
900	85kg	1200 x 2400 mm

YANK

MADE IN JAPAN



TAY ĐẨY HỜI YANK SERIES 23

- Chất liệu: Hợp kim nhôm
- Màu sắc : Bạc
- Dùng cho cửa gỗ, cửa nhựa và cửa thép
- Điều chỉnh được tốc độ đóng / mở

YANK DOOR CLOSER 23 SERIES

- Material: Aluminum alloy
- Finish: Silver
- Applicable for wooden door, steel door and UPVC door
- Door closing / opening speed adjustment

Mã sản phẩm
Model No.

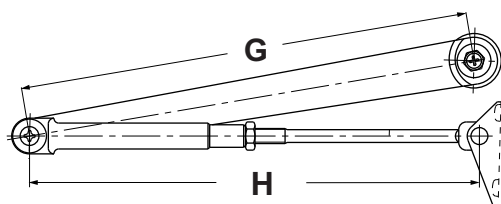
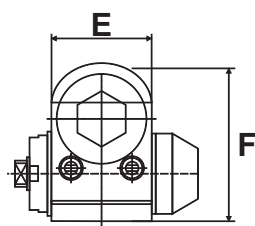
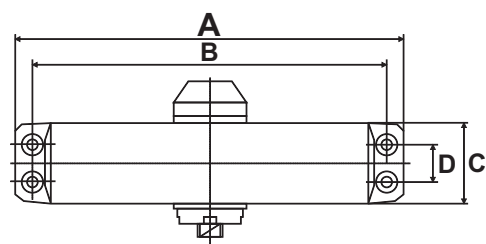
23

Tải trọng tối đa
Maximum Door Weight

60kg

Kích thước cửa
Applicable Door Dimensions

950 x 1800 mm



	A	B	C	D	E	F	G	H
058	148	132	36	19	32	55		
058-HO							215	175
068	175	162	40	19	40	63		
068-HO								
078	202	188	44	19	44	68	255	245

TAY ĐẨY HỜI NEO

- Chất liệu: Hợp kim nhôm
- Màu sắc : Bạc
- Dùng cho cửa gỗ, cửa nhựa và cửa thép
- Điều chỉnh được tốc độ đóng / mở

NEO DOOR CLOSER

- Material: Aluminum alloy
- Finish: Silver
- Applicable for wooden door, steel door and UPVC door
- Door closing / opening speed adjustment

Mã sản phẩm Model No.	Tải trọng tối đa Maximum Door Weight	Kích thước cửa Applicable Door Dimensions
058	45kg	800 x 1800 mm
058-HO Dừng	45kg	800 x 1800 mm
068	60kg	900 x 2100 mm
068-HO Dừng	60kg	900 x 2100 mm
078	80kg	1050 x 2100 mm



KHÓA ĐỒNG THAU
Brass Locks



MESTRE®

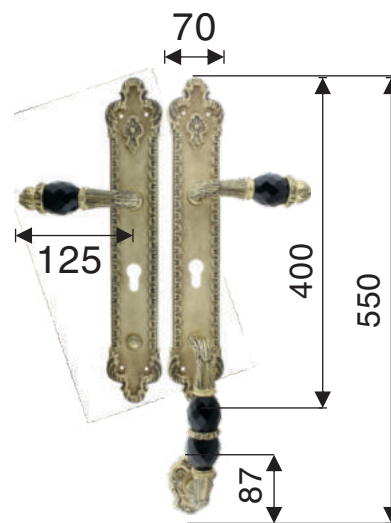
MADE IN SPAIN



Mã sản phẩm / Model No.

MESTRE OJ 2405.SN.34

- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: Vàng đồng
- Material: Brass
- Finish: RG



- Loại cửa phù hợp: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm

- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm

MESTRE®

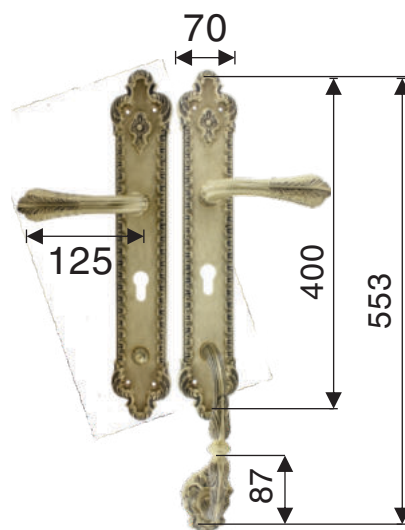
MADE IN SPAIN



Mã sản phẩm / Model No.

MESTRE OJ 2405.34

- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: Vàng đồng
- Material: Brass
- Finish: RG



- Loại cửa phù hợp: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm

- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm

MESTRE®

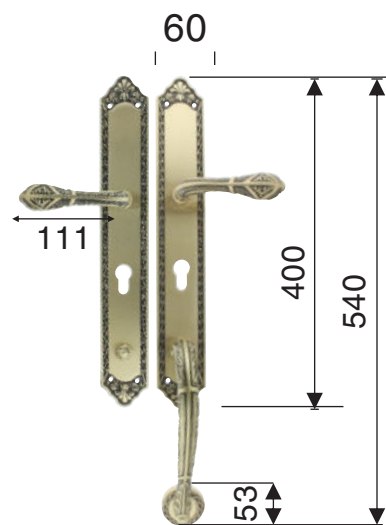
MADE IN SPAIN



Mã sản phẩm / Model No.

MESTRE OJ 2910.34

- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: Vàng đồng
- Material: Brass
- Finish: RG

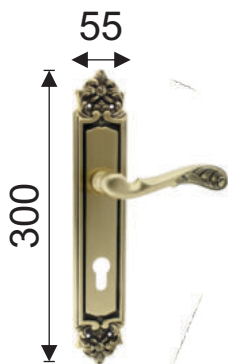


- Loại cửa phù hợp: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm

- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm

MESTRE®

MADE IN SPAIN



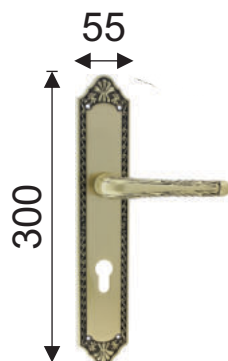
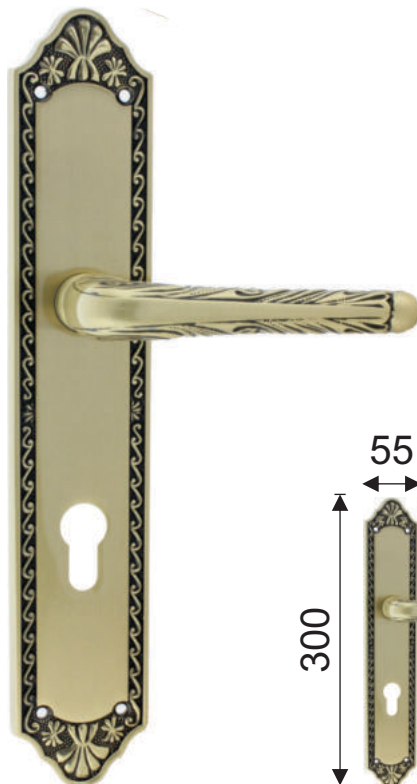
Mã sản phẩm / Model No.

MESTRE OA 3860.34

- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: Vàng đồng
- Material: Brass
- Finish: RG

- Loại cửa phù hợp: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm

- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm



Mã sản phẩm / Model No.

MESTRE OA 3232.34

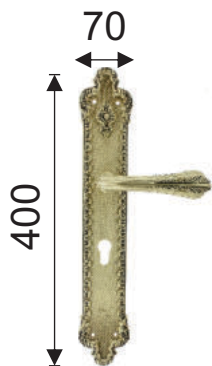
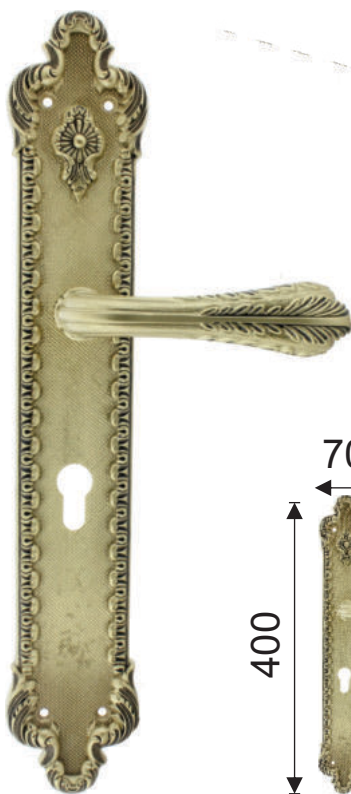
- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: Vàng đồng
- Material: Brass
- Finish: RG

- Loại cửa phù hợp: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm

- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm

MESTRE®

MADE IN SPAIN



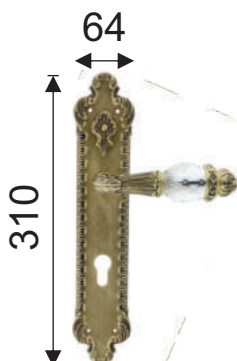
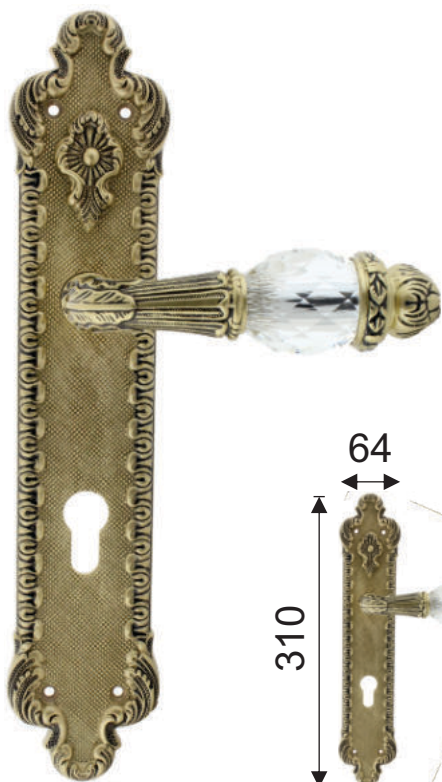
Mã sản phẩm / Model No.

MESTRE OA 2424.34

- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: Vàng đồng
- Material: Brass
- Finish: RG

- Loại cửa phù hợp: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm

- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm



Mã sản phẩm / Model No.

MESTRE OA 2841.SN.34

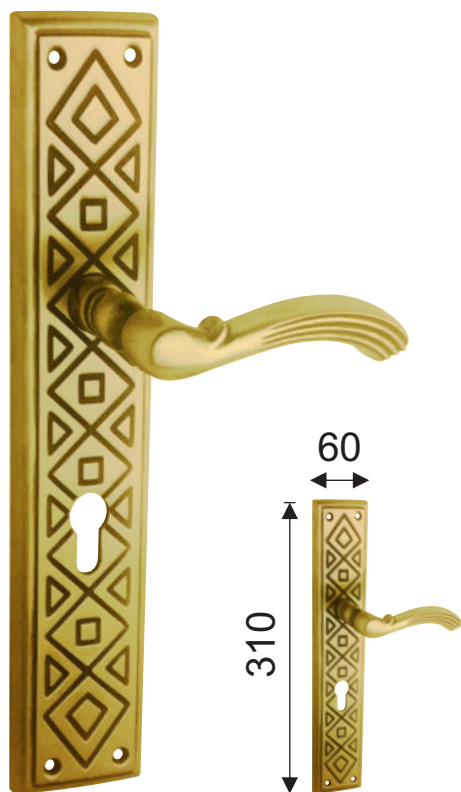
- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: Vàng đồng
- Material: Brass
- Finish: RG

- Loại cửa phù hợp: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm

- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm

MESTRE®

MADE IN SPAIN

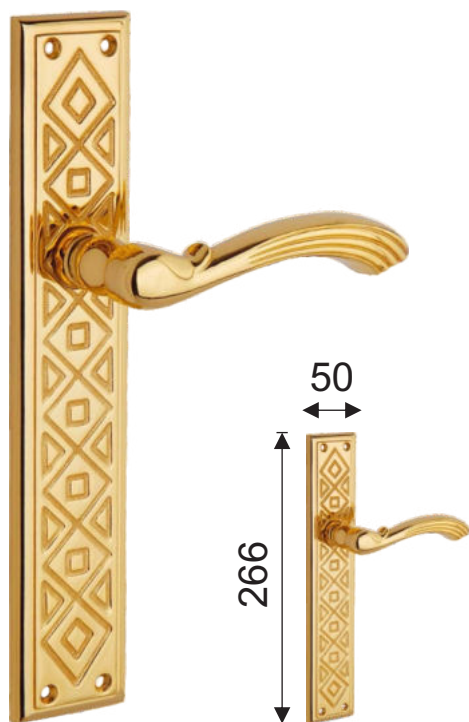


Mã sản phẩm / Model No.

MESTRE OA 1993.34

- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: Vàng đồng
- Material: Brass
- Finish: RG

- Loại cửa phù hợp: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm
- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm



Mã sản phẩm / Model No.

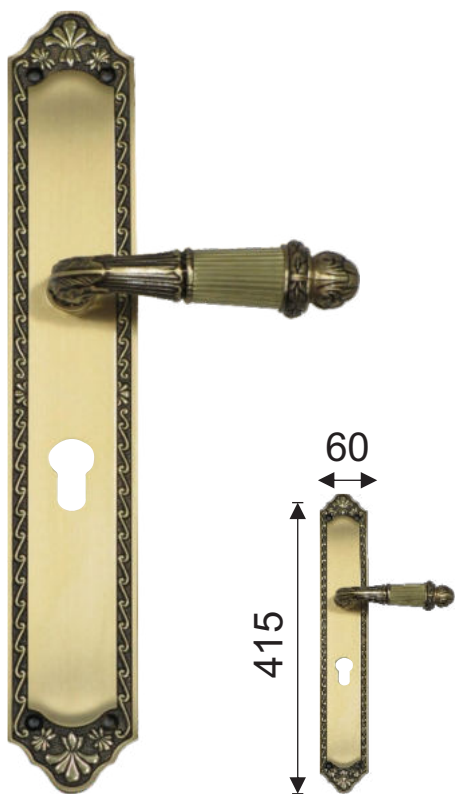
MESTRE OA 4893.34

- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: Vàng đồng
- Material: Brass
- Finish: RG

- Loại cửa phù hợp: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm
- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm

MESTRE®

MADE IN SPAIN

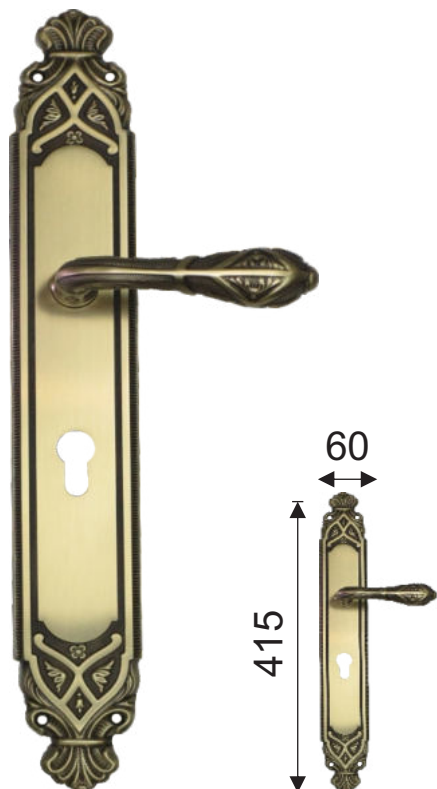


Mã sản phẩm / Model No.

MESTRE OA 2920.34

- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: Vàng đồng
- Material: Brass
- Finish: RG

- Loại cửa phù hợp: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm
- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm



Mã sản phẩm / Model No.

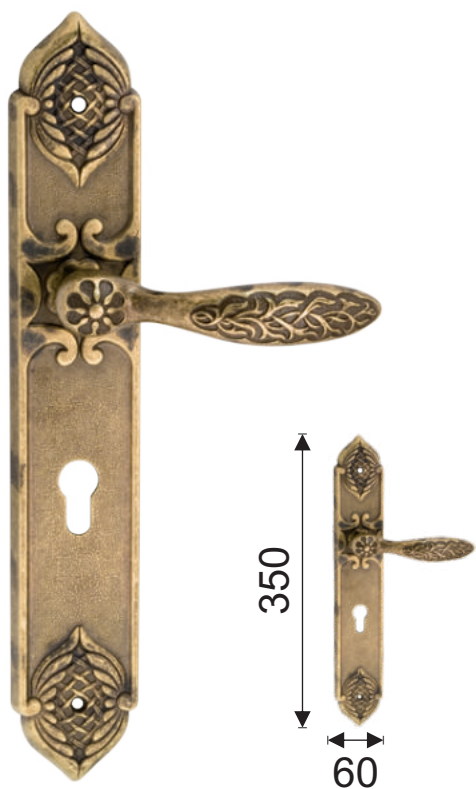
MESTRE OA 3434.44

- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: Vàng đồng
- Material: Brass
- Finish: RG

- Loại cửa phù hợp: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm
- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm

Class®

MADE IN ITALY



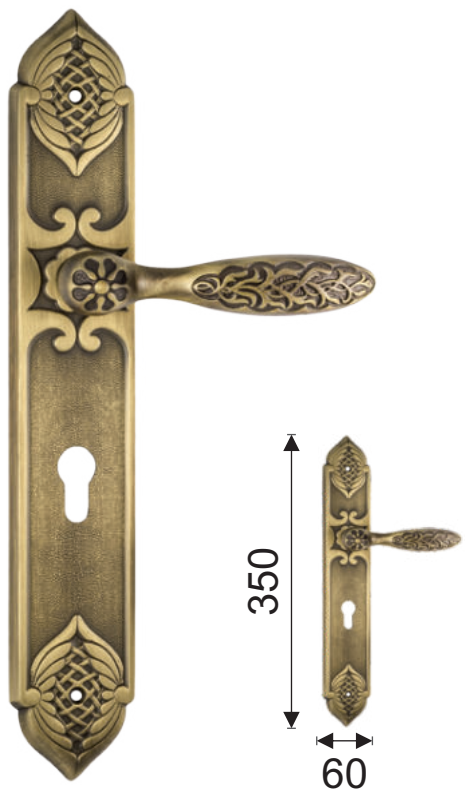
Mã sản phẩm / Model No.

1060/1010/1133

- Chất liệu / màu sắc: Đồng Cổ
- Material / Finish: BRONZE RETRO'

- Loại cửa phù hợp: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm

- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm



Mã sản phẩm / Model No.

1060/1010/1115

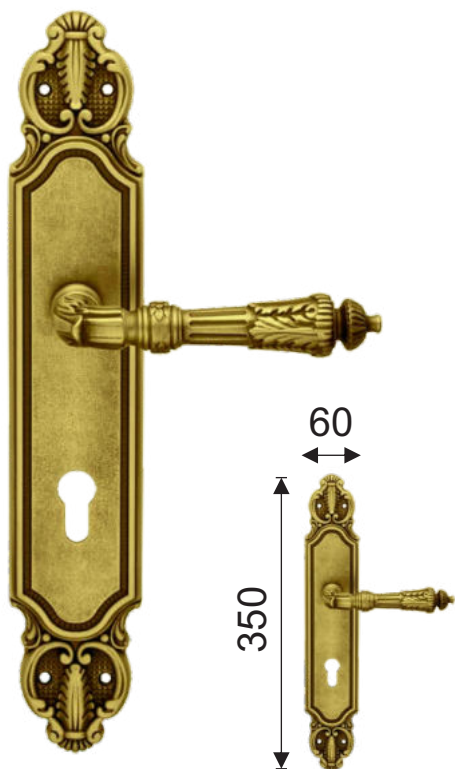
- Chất liệu / màu sắc: Đồng Thau
- Material / Finish: BRONZE NAIF

- Loại cửa phù hợp: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm

- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm

forme®

MADE IN ITALY



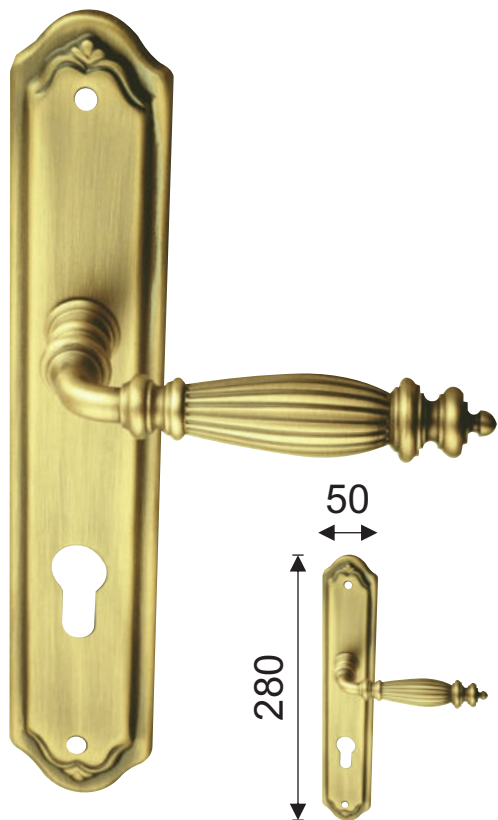
Mã sản phẩm / Model No.

116/P31/1133

- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: Đồng Thau
- Material: Brass
- Finish: Bronze Naif

- Loại cửa phù hợp: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm

- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm



Mã sản phẩm / Model No.

404/P04/113

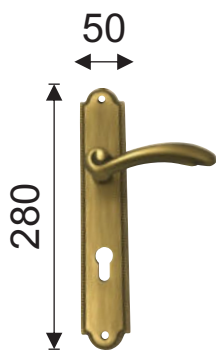
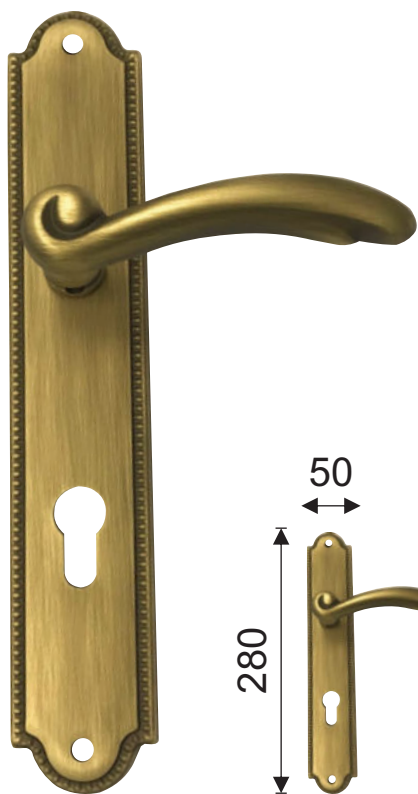
- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: Đồng Thau
- Material: Brass
- Finish: Bronze Naif

- Loại cửa phù hợp: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm

- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm

forme®

MADE IN ITALY



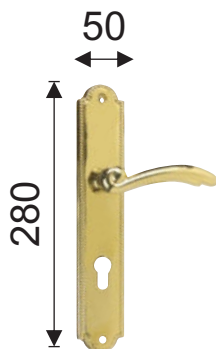
Mã sản phẩm / Model No.

458/P26/1133

- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: Đồng Thau
- Material: Brass
- Finish: Bronze Naif

- Loại cửa phù hợp: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm

- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm



Mã sản phẩm / Model No.

458/P26/1120

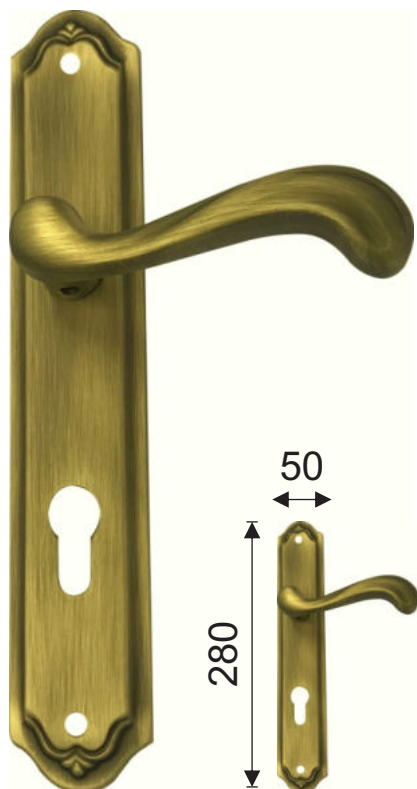
- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: Vàng bóng
- Material: Brass
- Finish: PVD

- Loại cửa phù hợp: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm

- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm

forme®

MADE IN ITALY



Mã sản phẩm / Model No.

471/P04/1133

- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: Đồng Thau
- Material: Brass
- Finish: Bronze Naif

- Loại cửa phù hợp: cửa gỗ, thép,...
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm

- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm



Mã sản phẩm / Model No.

471/P04/1120

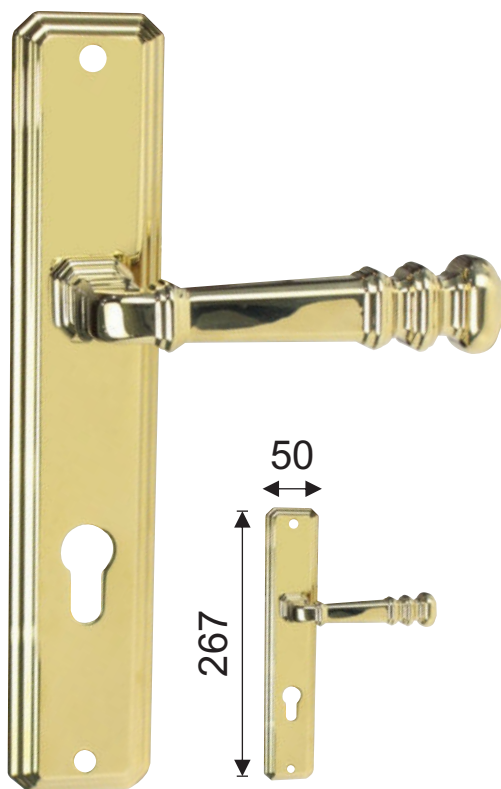
- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: vàng bóng
- Material: Brass
- Finish: PVD

- Loại cửa phù hợp: cửa gỗ, thép,...
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm

- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm

forme®

MADE IN ITALY



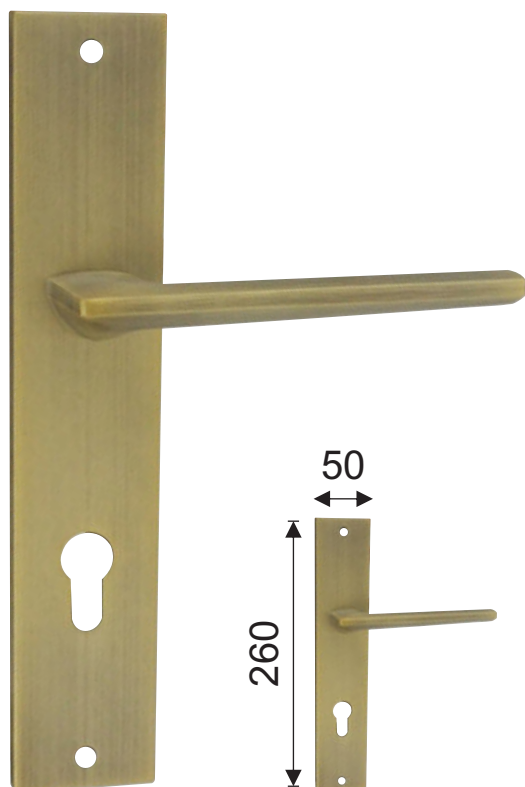
Mã sản phẩm / Model No.

159/P35/1120

- Chất liệu: Hợp kim
- Màu sắc: vàng bóng
- Material: Zinc Alloy
- Finish: PVD

- Loại cửa phù hợp: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm

- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm



Mã sản phẩm / Model No.

422/P06/1133

- Chất liệu: Hợp kim
- Màu sắc: Đồng Thau
- Material: Zinc Alloy
- Finish: Bronze Naif

- Loại cửa phù hợp: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm

- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm



AOPO



Mã sản phẩm / Model No.

AOPO HLD 999-2

- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: Vàng bóng
- Vàng đồng
- Material: Brass
- Finish: PVD/RG



- Loại cửa phù hợp: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm

- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm



AOPO



Mã sản phẩm / Model No.

AOPO A 999-2

- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: Vàng bóng
- Vàng đồng
- Material: Brass
- Finish: PVD/RG

- Loại cửa phù hợp: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm

- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm



Mã sản phẩm / Model No.

AOPO C 999-2

- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: Vàng bóng
- Vàng đồng
- Material: Brass
- Finish: PVD/RG

- Loại cửa phù hợp: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm

- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm

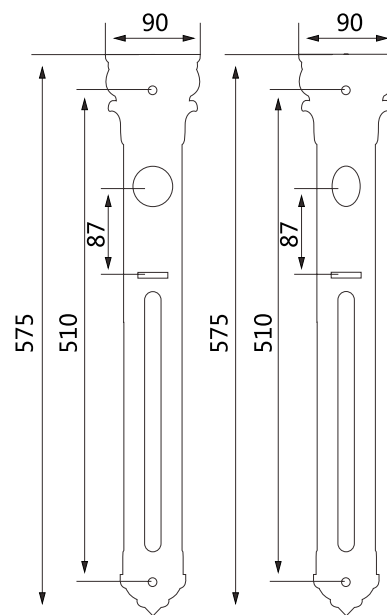




Mã sản phẩm / Model No.

XXL87-21 3G

- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: Vàng 24K
- Material: Brass
- Finish: 3G



- Loại cửa phù hợp: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm

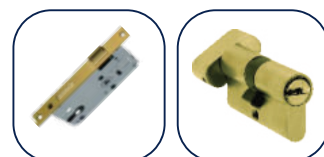
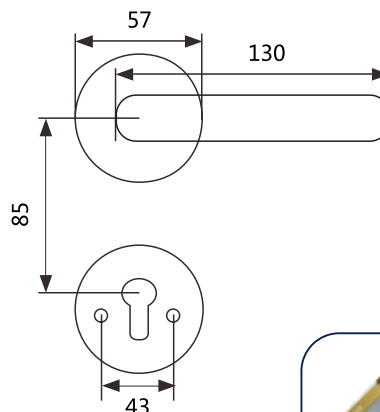
- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm



Mã sản phẩm / Model No.

ME 0120 RG

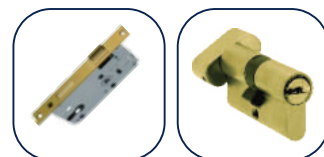
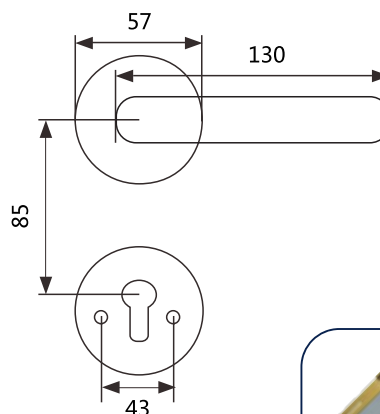
- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: Vàng đồng
- Material: Brass
- Finish: RG



Mã sản phẩm / Model No.

ME 0505 RG

- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: Vàng đồng
- Material: Brass
- Finish: RG

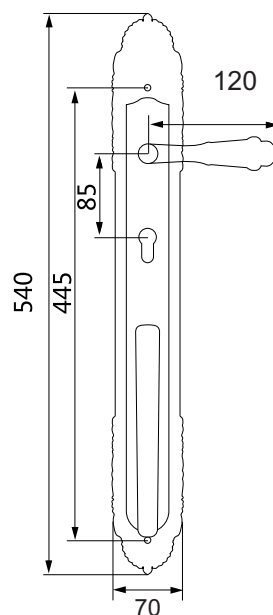




Mã sản phẩm / Model No.

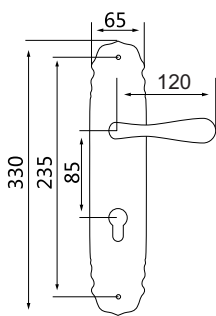
XXL85-2929

- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: Vàng đồng
- Material: Brass
- Finish: RG



- Loại cửa phù hợp: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm

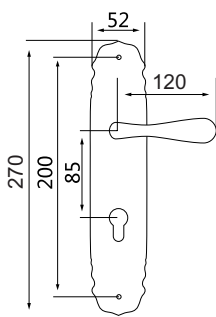
- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm



Mã sản phẩm / Model No.

L85-2929

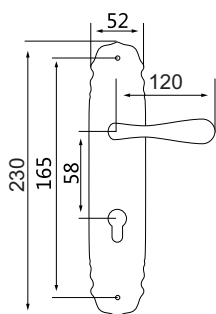
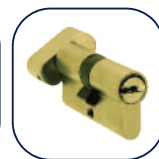
- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: Vàng đồng
- Material: Brass
- Finish: RG



Mã sản phẩm / Model No.

M85-2929

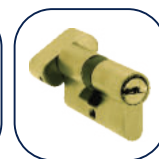
- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: Vàng đồng
- Material: Brass
- Finish: RG



Mã sản phẩm / Model No.

S58-2929

- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: Vàng đồng
- Material: Brass
- Finish: RG

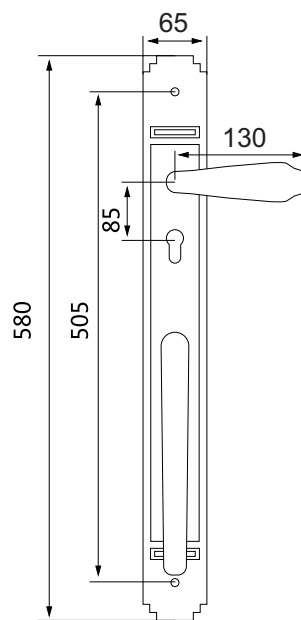




Mã sản phẩm / Model No.

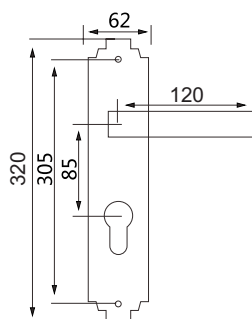
XXL85-2222

- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: Vàng đồng
- Material: Brass
- Finish: RG



- Loại cửa phù hợp: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm

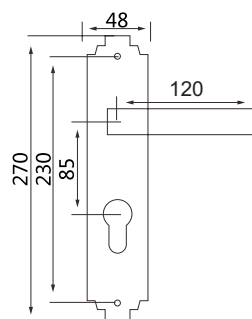
- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm



Mã sản phẩm / Model No.

D85-2262

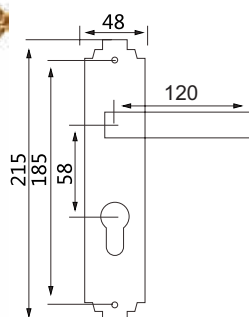
- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: Vàng đồng
- Material: Brass
- Finish: RG



Mã sản phẩm / Model No.

M85-2262

- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: Vàng đồng
- Material: Brass
- Finish: RG



Mã sản phẩm / Model No.

S58-2262

- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: Vàng đồng
- Material: Brass
- Finish: RG

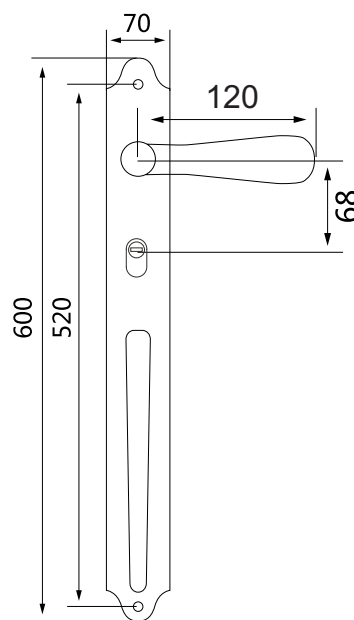




Mã sản phẩm / Model No.

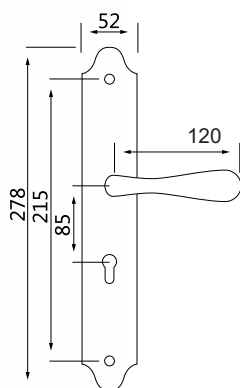
XXL85-8787S

- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: Vàng đồng
- Material: Brass
- Finish: RG



- Loại cửa phù hợp: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm

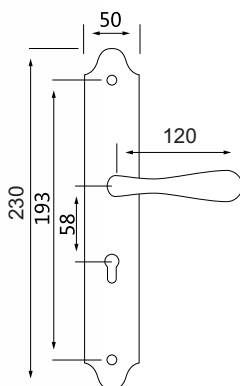
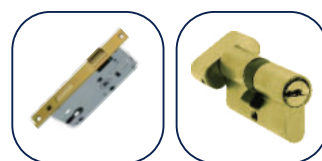
- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm



Mã sản phẩm / Model No.

M85-8787S

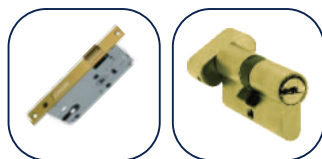
- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: Vàng đồng
- Material: Brass
- Finish: RG



Mã sản phẩm / Model No.

S58-8787S

- Chất liệu: Đồng
- Màu sắc: Vàng đồng
- Material: Brass
- Finish: RG



IFAIDEX
MADE IN ITALY

NEO
Premium Quality

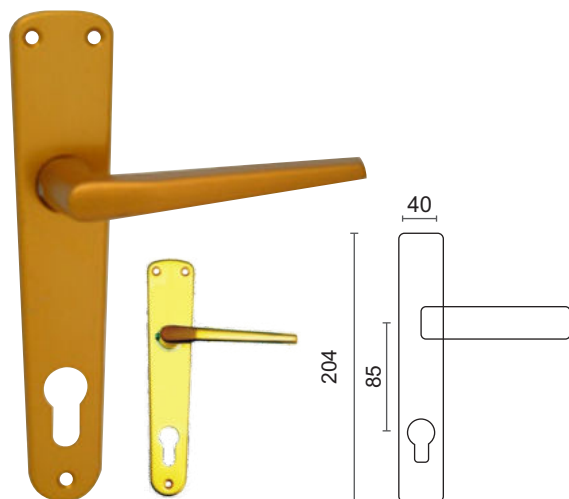


KHÓA TAY GẠT
Lever Handles



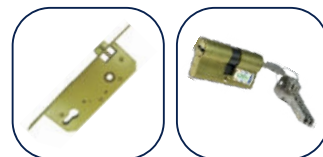
IFA IDIEX

MADE IN ITALY



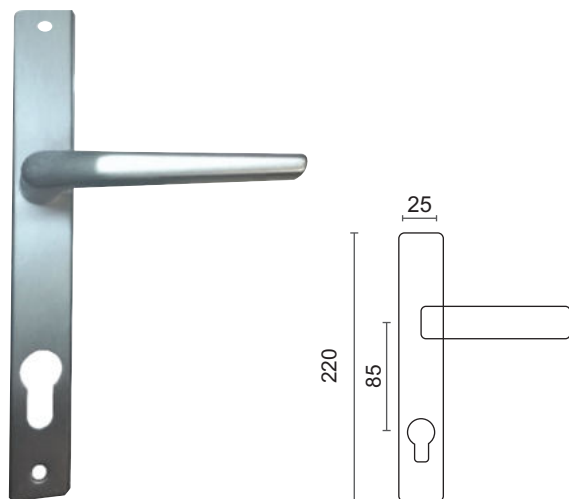
Mã sản phẩm / Code

F1140



- Chất liệu: Nhôm
- Màu sắc: Vàng đồng
- Material: Aluminium
- Finish: RG

- Loại cửa phù hợp: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm
- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm



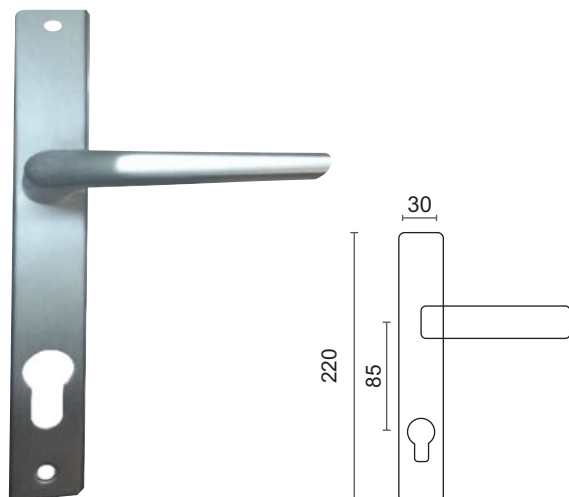
Mã sản phẩm / Code

F1140/25



- Chất liệu: Nhôm
- Màu sắc: Bạc
- Material: Aluminium
- Finish: Silver

- Loại cửa phù hợp: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm
- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm



Mã sản phẩm / Code

F1140/30

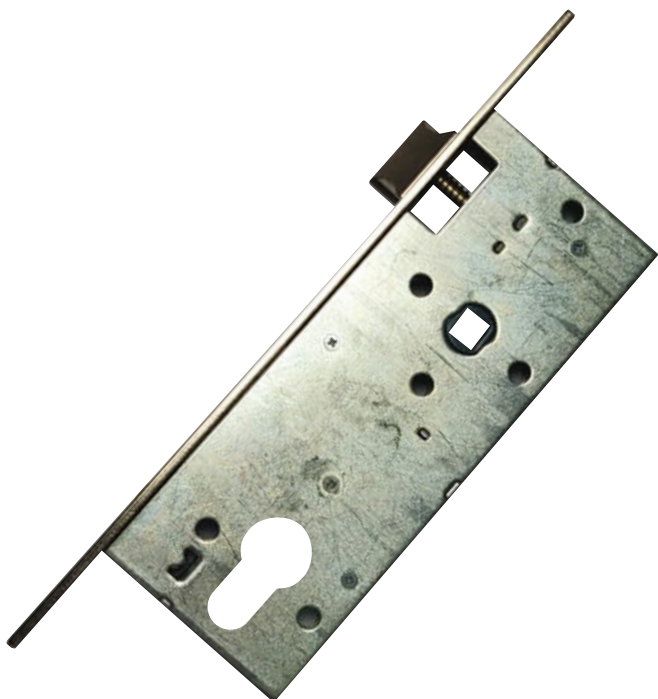


- Chất liệu: Nhôm
- Màu sắc: Bạc
- Material: Aluminium
- Finish: Silver

- Loại cửa phù hợp: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm
- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm

FAIDIE X

MADE IN ITALY



Mã sản phẩm / Model No.

85 X 25 - NICKEL

85 X 30 - NICKEL

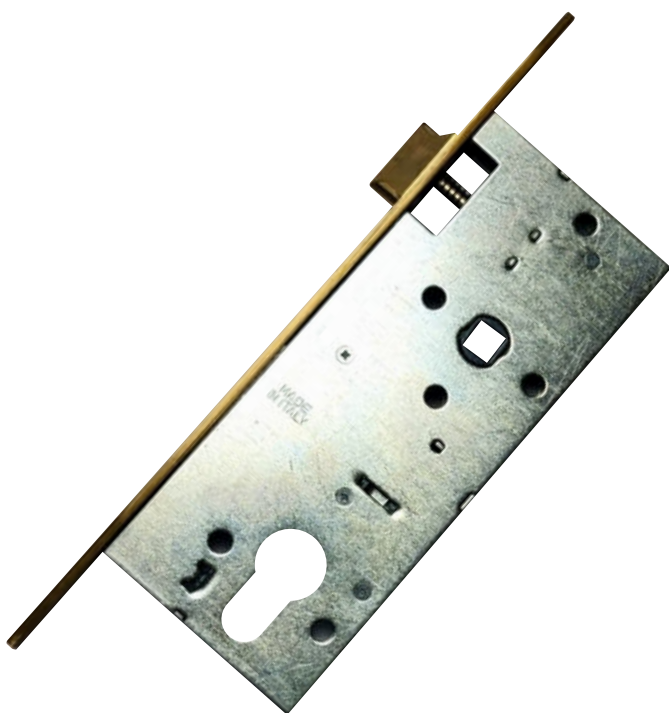
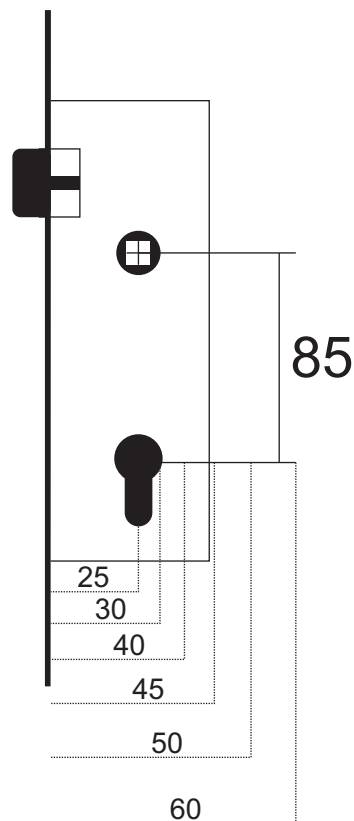
85 X 40 - NICKEL

85 X 40 INOX - NICKEL

85 X 45 - NICKEL

85 X 50 - NICKEL

85 X 60 - NICKEL



Mã sản phẩm / Model No.

85 X 40 - BRASS

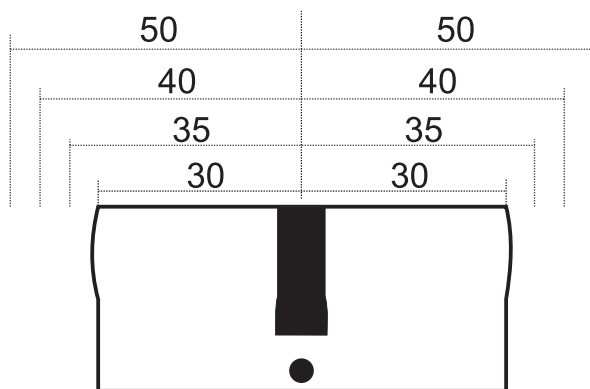
85 X 45 - BRASS

85 X 50 - BRASS

85 X 60 - BRASS

IF AID IEX

MADE IN ITALY



Mã sản phẩm / Model No.
60MM BALCONY - NICKEL/BRASS



Mã sản phẩm / Model No.
60MM/2C - NICKEL/BRASS
70MM/2C - NICKEL/BRASS



Mã sản phẩm / Model No.
60MM PRI - NICKEL/BRASS
70MM PRI - NICKEL/BRASS



Mã sản phẩm / Model No.
60MM/2C - NICKEL
70MM/2C - NICKEL
80MM/2C - NICKEL



Mã sản phẩm / Model No.
60MM/2C - BRASS
70MM/2C - BRASS
80MM/2C - BRASS
100MM/2C - BRASS



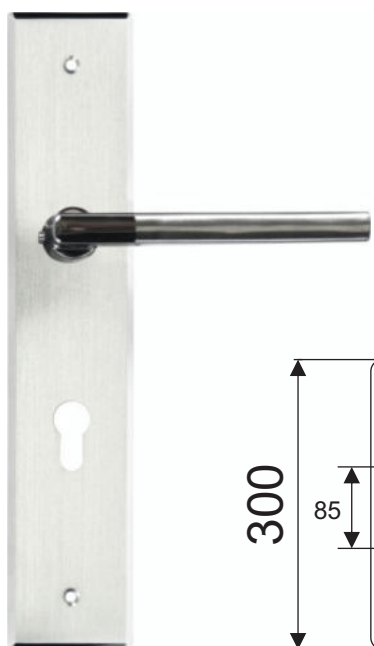
Mã sản phẩm / Model No.
60MM/1C - NICKEL/BRASS
70MM/1C - NICKEL/BRASS



Mã sản phẩm / Model No.
60MM/1C - NICKEL
70MM/1C - NICKEL
80MM/1C - NICKEL



Mã sản phẩm / Model No.
60MM/1C - BRASS
70MM/1C - BRASS
80MM/1C - BRASS

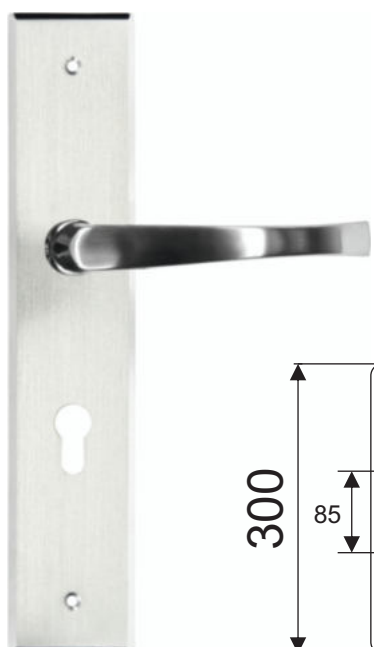
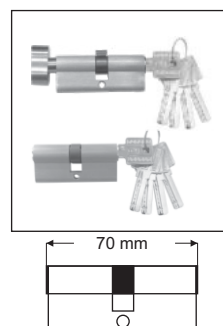
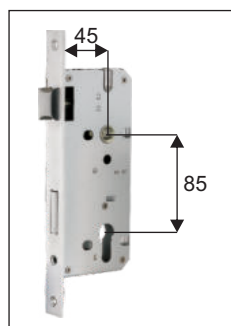
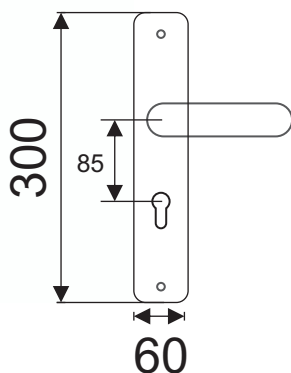


Mã sản phẩm / Model No.

8504A-009

- Chất liệu: INOX 304
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: SUS 304
- Finish: Satin Stainless Steel

Phụ kiện đi kèm

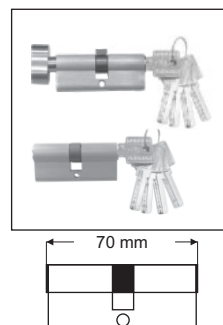
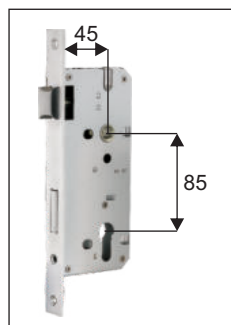
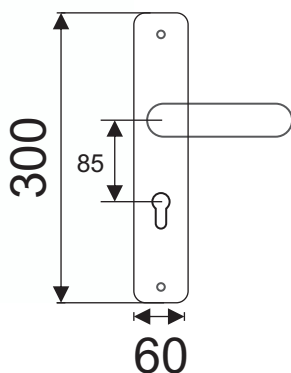


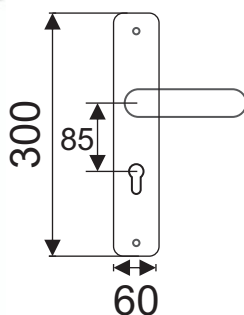
Mã sản phẩm / Model No.

8504A-007

- Chất liệu: INOX 304
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: SUS 304
- Finish: Satin Stainless Steel

Phụ kiện đi kèm



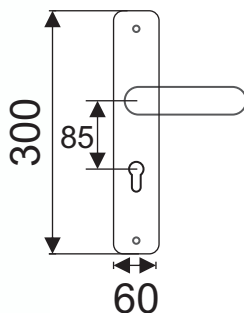
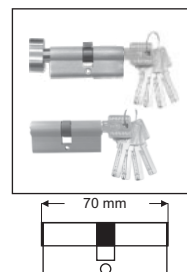
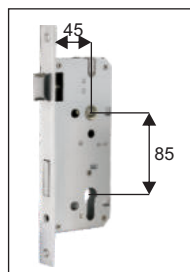


Mã sản phẩm / Model No.

8504A-004

- Chất liệu: INOX 304
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: SUS 304
- Finish: Satin Stainless Steel

Phụ kiện đi kèm

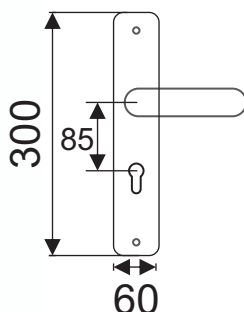
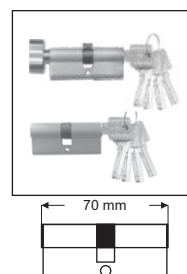
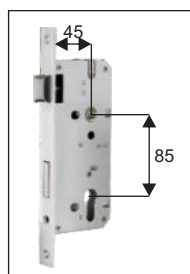


Mã sản phẩm / Model No.

8504A-013

- Chất liệu: INOX 304
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: SUS 304
- Finish: Satin Stainless Steel

Phụ kiện đi kèm

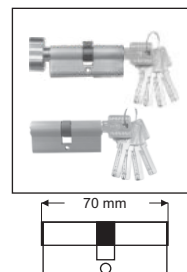
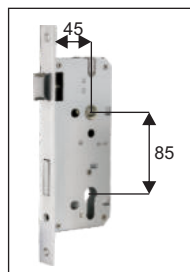


Mã sản phẩm / Model No.

8504A-026

- Chất liệu: INOX 304
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: SUS 304
- Finish: Satin Stainless Steel

Phụ kiện đi kèm



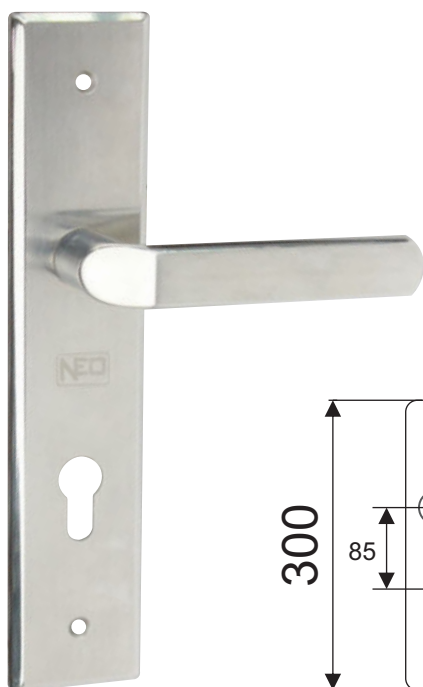
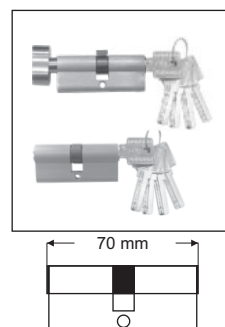
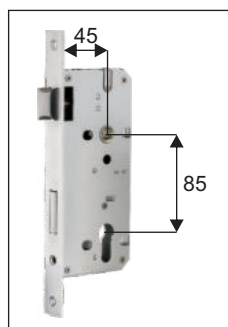
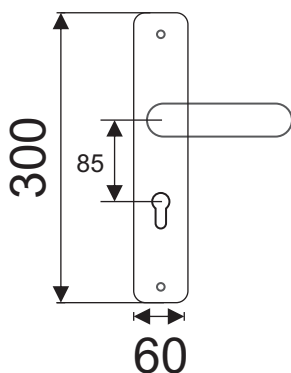


Mã sản phẩm / Model No.

FD85A-09

- Chất liệu: INOX 304
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: SUS 304
- Finish: Satin Stainless Steel

Phụ kiện đi kèm

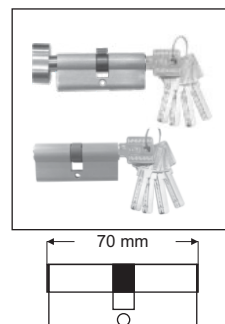
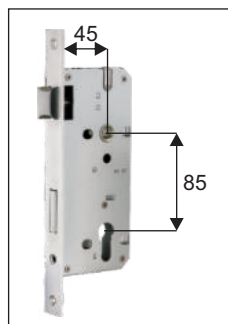
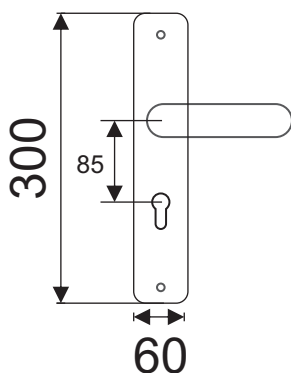


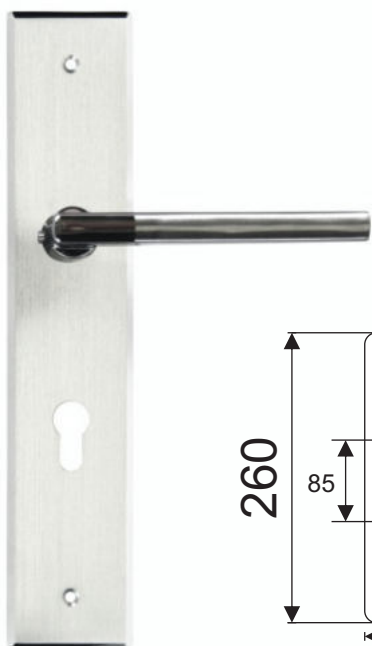
Mã sản phẩm / Model No.

FD85A-11

- Chất liệu: INOX 304
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: SUS 304
- Finish: Satin Stainless Steel

Phụ kiện đi kèm



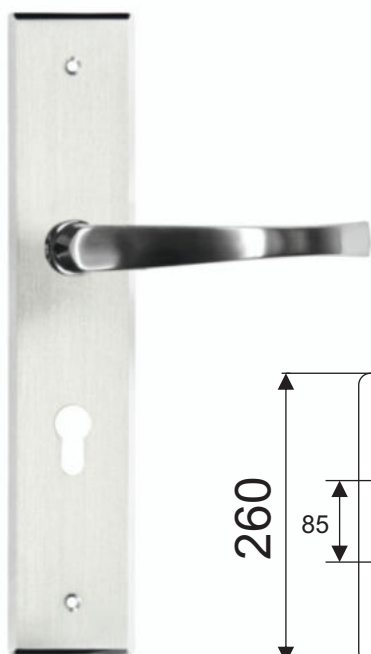
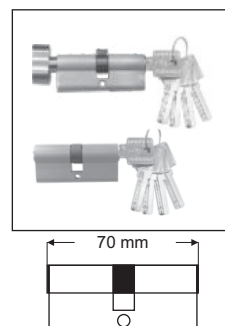
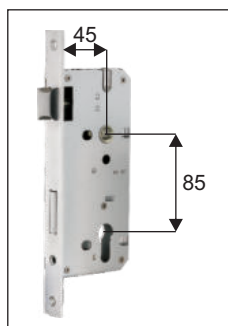
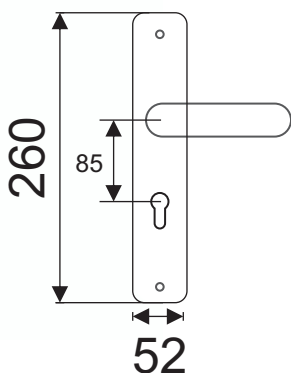


Mã sản phẩm / Model No.

8504-009

- Chất liệu: INOX 304
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: SUS 304
- Finish: Satin Stainless Steel

Phụ kiện đi kèm

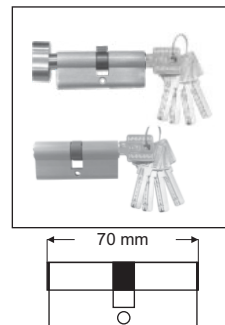
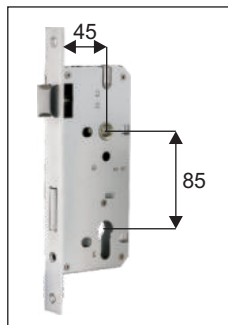
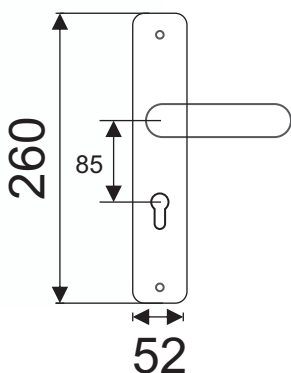


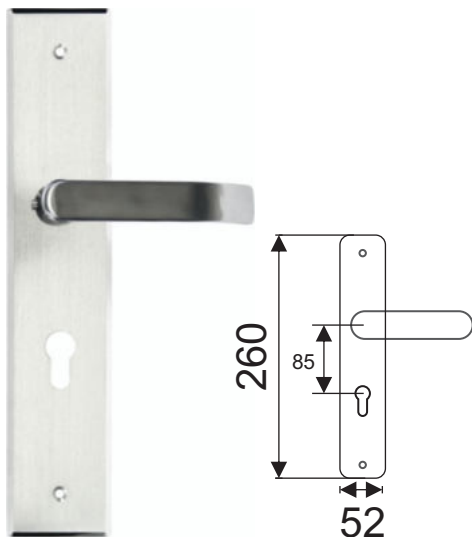
Mã sản phẩm / Model No.

8504-007

- Chất liệu: INOX 304
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: SUS 304
- Finish: Satin Stainless Steel

Phụ kiện đi kèm



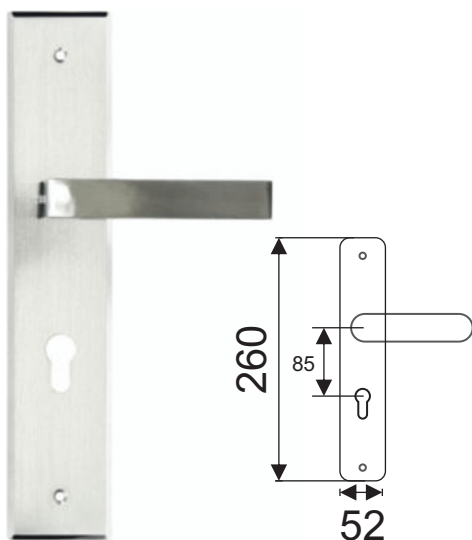
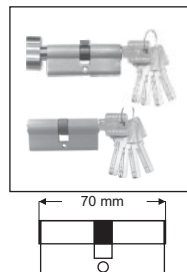
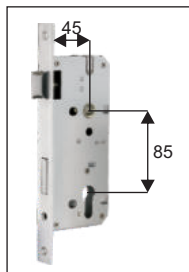


Mã sản phẩm / Model No.

8504-004

- Chất liệu: INOX 304
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: SUS 304
- Finish: Satin Stainless Steel

Phụ kiện đi kèm

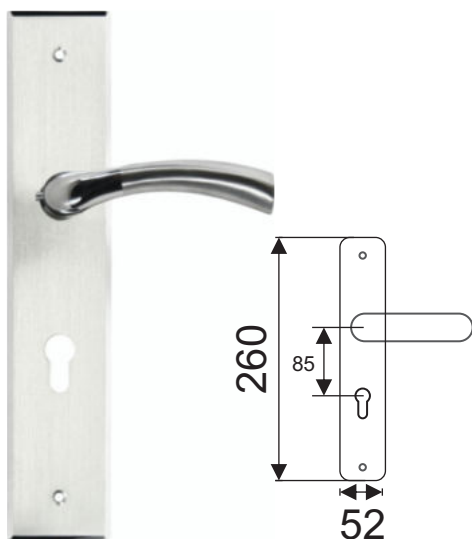
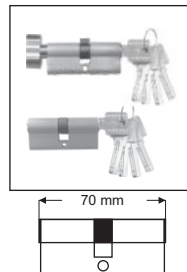
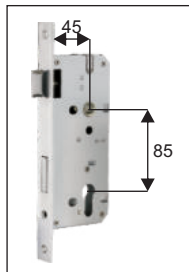


Mã sản phẩm / Model No.

8504-013

- Chất liệu: INOX 304
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: SUS 304
- Finish: Satin Stainless Steel

Phụ kiện đi kèm

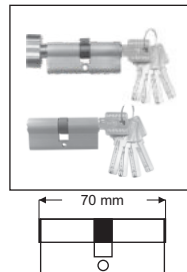
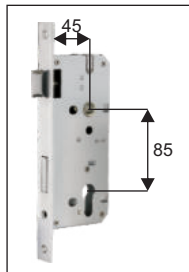


Mã sản phẩm / Model No.

8504-026

- Chất liệu: INOX 304
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: SUS 304
- Finish: Satin Stainless Steel

Phụ kiện đi kèm



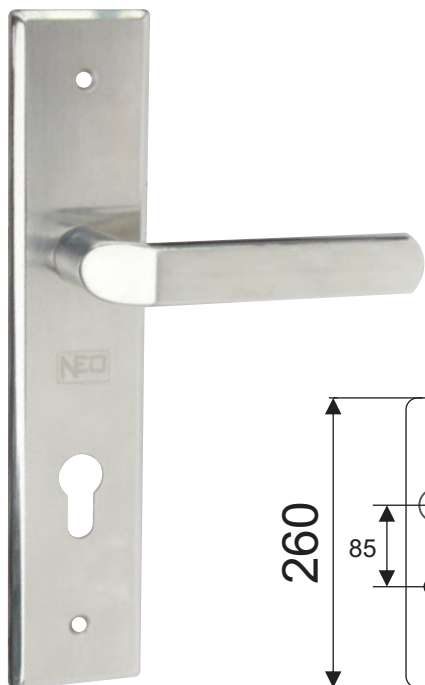
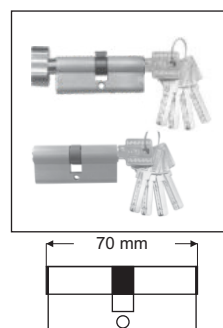
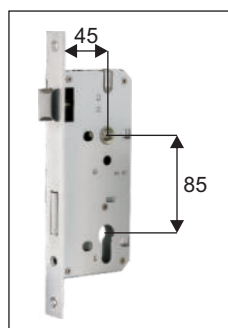
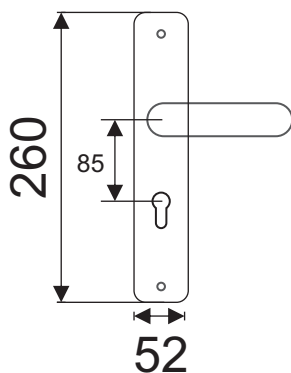


Mã sản phẩm / Model No.

FD85-09

- Chất liệu: INOX 304
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: SUS 304
- Finish: Satin Stainless Steel

Phụ kiện đi kèm

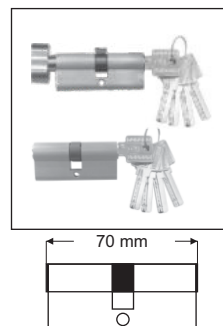
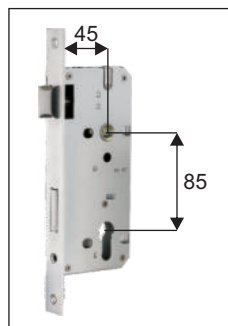
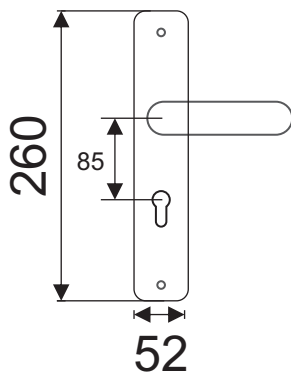


Mã sản phẩm / Model No.

FD85-11

- Chất liệu: INOX 304
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: SUS 304
- Finish: Satin Stainless Steel

Phụ kiện đi kèm



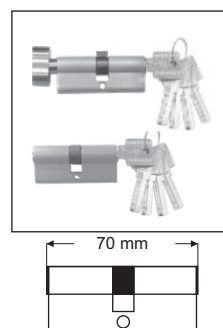
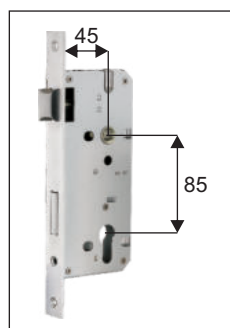
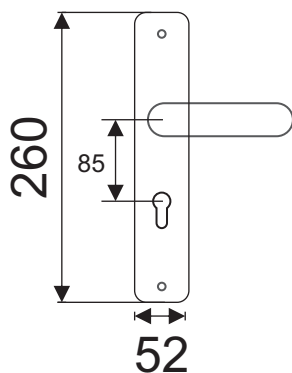


Mã sản phẩm / Model No.

L82135

- Chất liệu: Hợp Kim
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: Zinc Alloy
- Finish: Satin Stainless Steel

Phụ kiện đi kèm

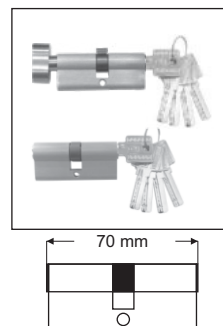
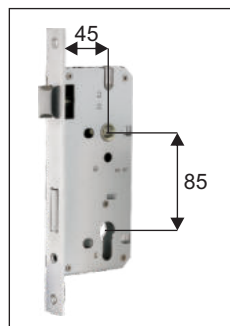
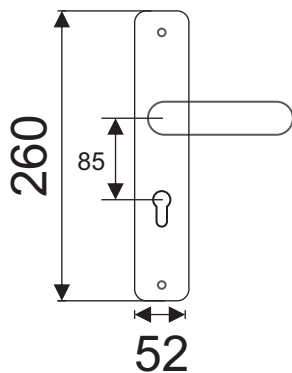


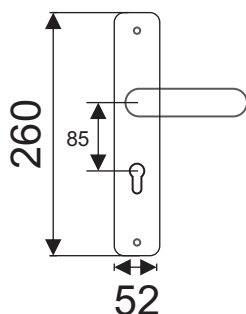
Mã sản phẩm / Model No.

L82136

- Chất liệu: Hợp Kim
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: Zinc Alloy
- Finish: Satin Stainless Steel

Phụ kiện đi kèm



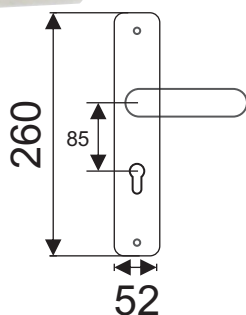
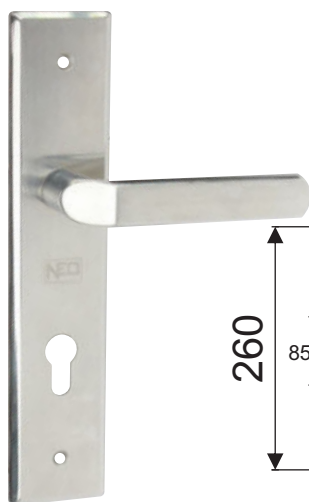
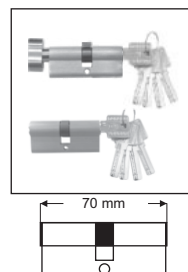
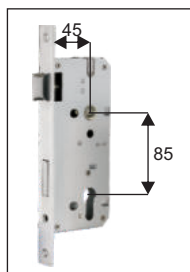


Mã sản phẩm / Model No.

L82137

- Chất liệu: Hợp Kim
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: Zinc Alloy
- Finish: Satin Stainless Steel

Phụ kiện đi kèm

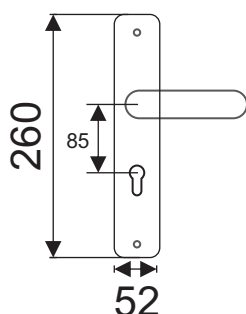
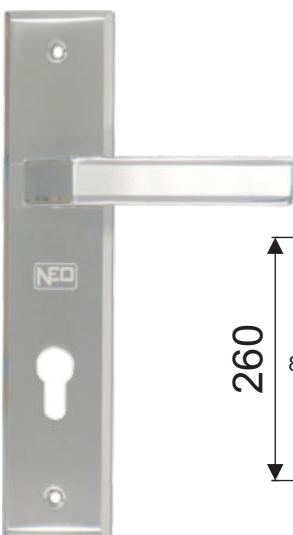
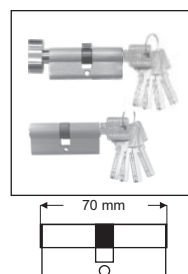
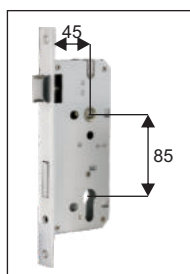


Mã sản phẩm / Model No.

L82138

- Chất liệu: Hợp Kim
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: Zinc Alloy
- Finish: Satin Stainless Steel

Phụ kiện đi kèm

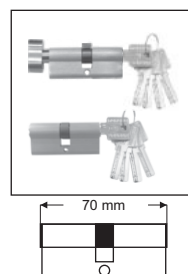
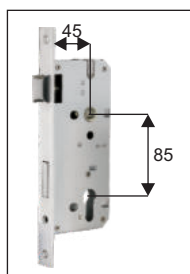


Mã sản phẩm / Model No.

L82139

- Chất liệu: Hợp Kim
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: Zinc Alloy
- Finish: Satin Stainless Steel

Phụ kiện đi kèm



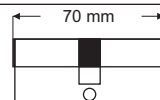
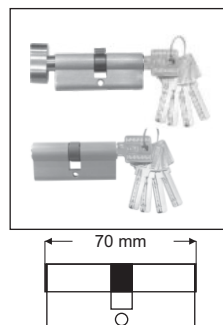
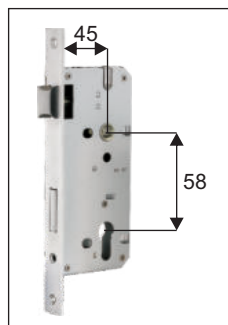
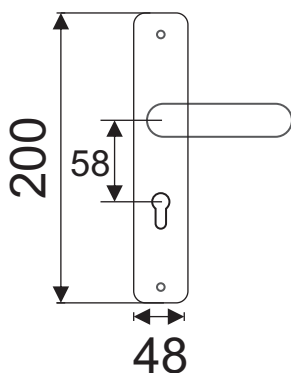


Mã sản phẩm / Model No.

FD58-09/1C

- Chất liệu: INOX 304
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: SUS 304
- Finish: Satin Stainless Steel

Phụ kiện đi kèm

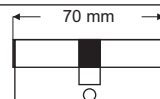
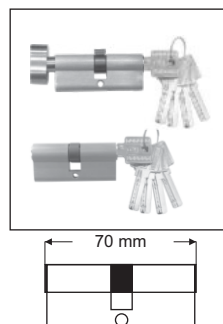
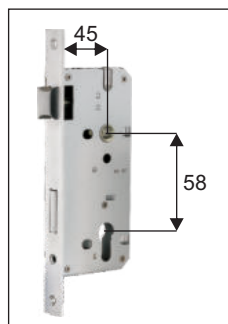
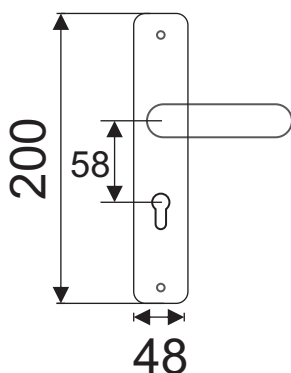


Mã sản phẩm / Model No.

FD58-11/1C

- Chất liệu: INOX 304
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: SUS 304
- Finish: Satin Stainless Steel

Phụ kiện đi kèm



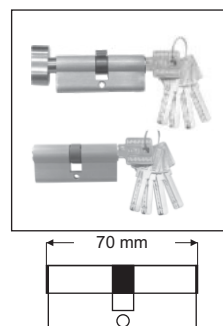
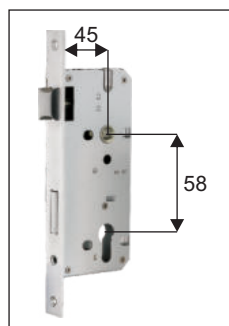
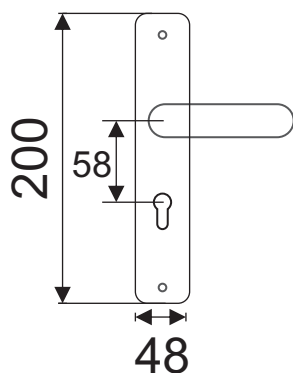


Mã sản phẩm / Model No.

R82135/1C

- Chất liệu: Hợp Kim
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: Zinc Alloy
- Finish: Satin Stainless Steel

Phụ kiện đi kèm

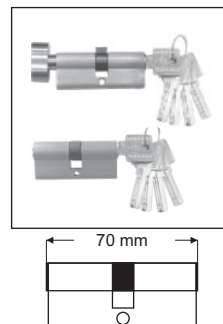
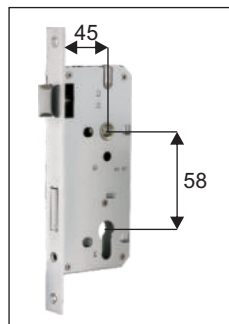
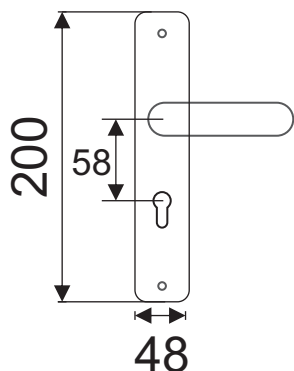


Mã sản phẩm / Model No.

R82136/1C

- Chất liệu: Hợp Kim
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: Zinc Alloy
- Finish: Satin Stainless Steel

Phụ kiện đi kèm



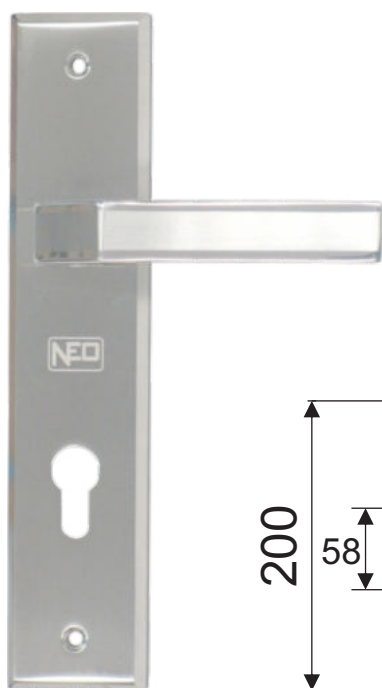
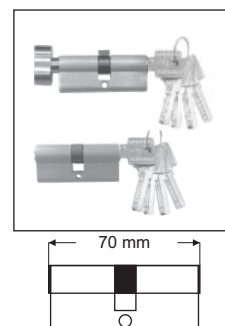
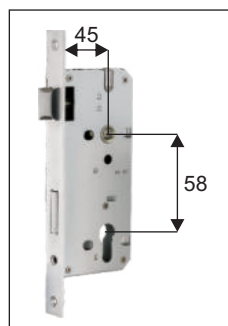
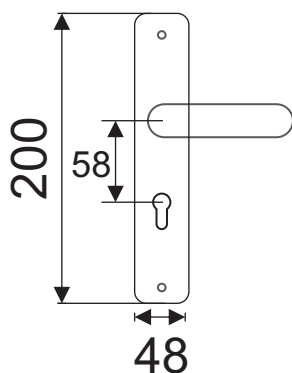


Mã sản phẩm / Model No.

R82137/1C

- Chất liệu: Hợp Kim
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: Zinc Alloy
- Finish: Satin Stainless Steel

Phụ kiện đi kèm

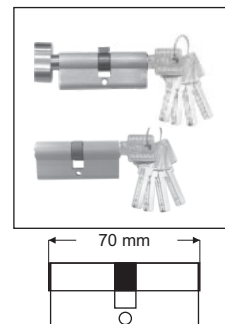
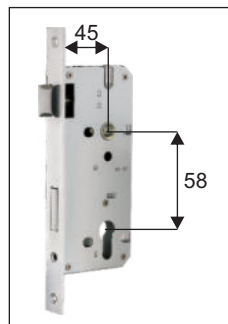
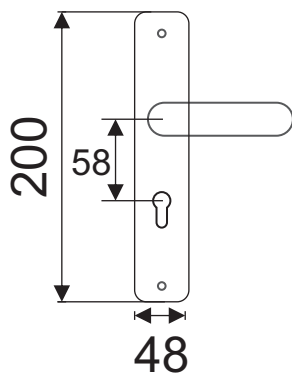


Mã sản phẩm / Model No.

R82139/1C

- Chất liệu: Hợp Kim
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: Zinc Alloy
- Finish: Satin Stainless Steel

Phụ kiện đi kèm



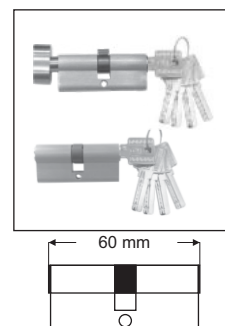
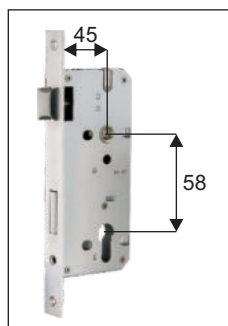
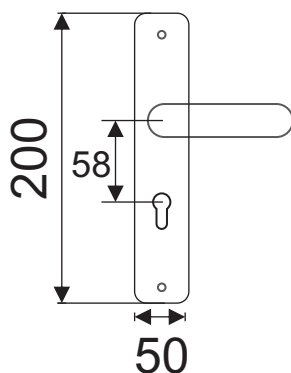


Mã sản phẩm / Model No.

BR17-01/1C

- Chất liệu: Hợp Kim
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: Zinc Alloy
- Finish: Satin Stainless Steel

Phụ kiện đi kèm

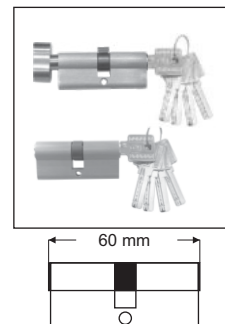
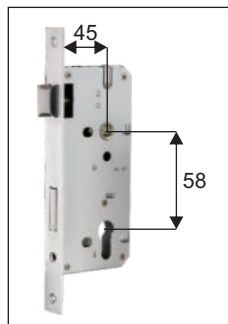
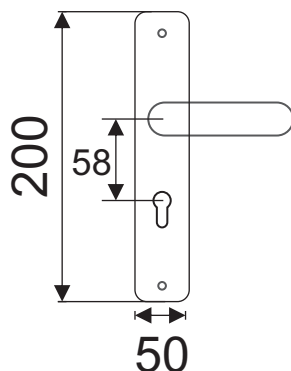


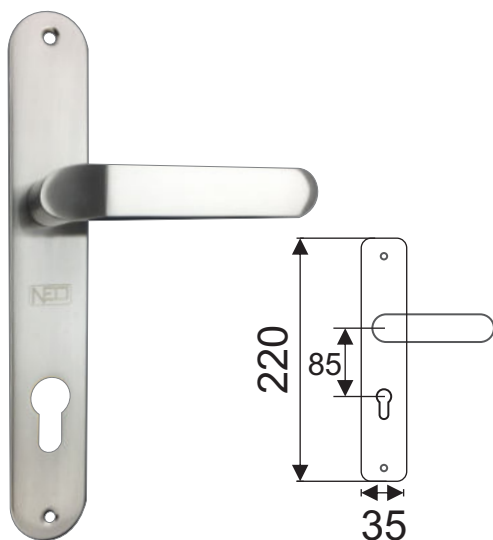
Mã sản phẩm / Model No.

BR17-02/1C

- Chất liệu: Hợp Kim
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: Zinc Alloy
- Finish: Satin Stainless Steel

Phụ kiện đi kèm



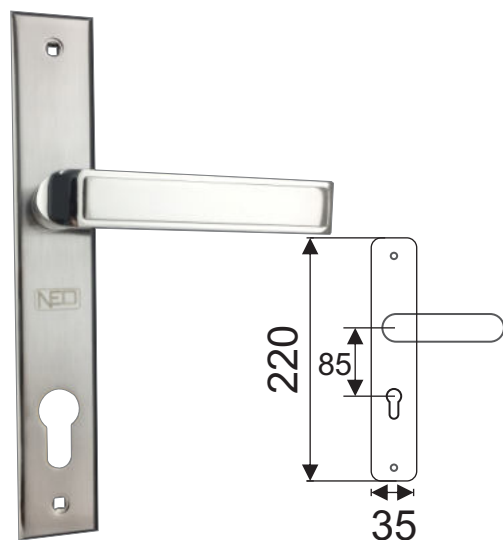
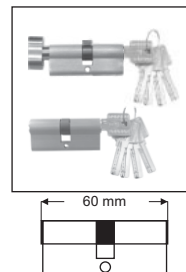
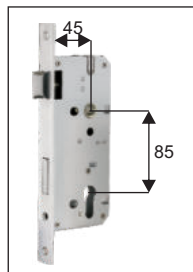


Mã sản phẩm / Model No.

BS17-01

- Chất liệu: Hợp Kim
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: Zinc Alloy
- Finish: SS, White

Phụ kiện đi kèm

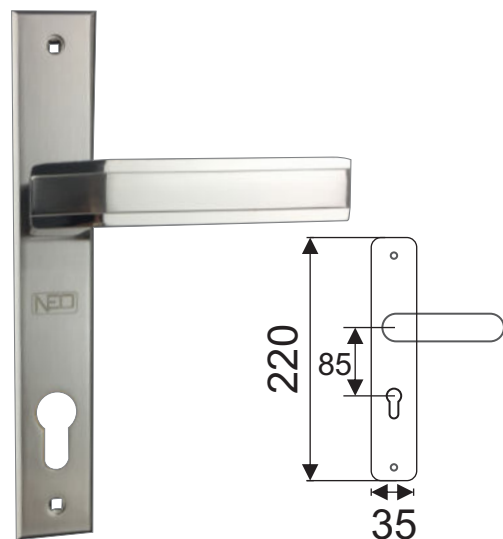
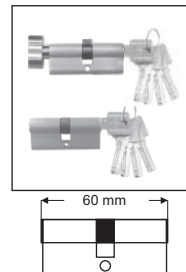
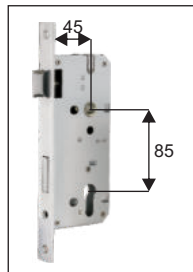


Mã sản phẩm / Model No.

BS17-02

- Chất liệu: Hợp Kim
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: Zinc Alloy
- Finish: SS, White

Phụ kiện đi kèm

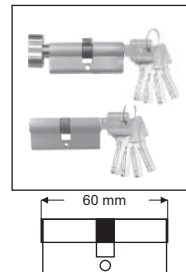
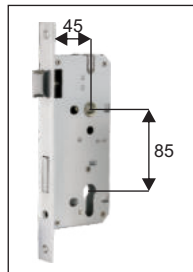


Mã sản phẩm / Model No.

BS17-03

- Chất liệu: Hợp Kim
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: Zinc Alloy
- Finish: SS, White

Phụ kiện đi kèm



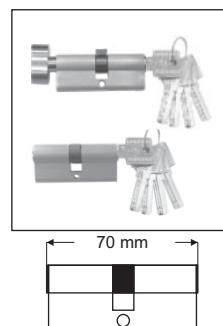
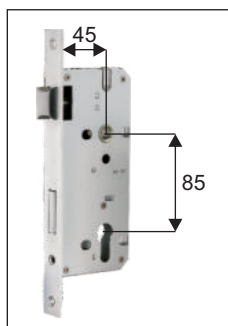
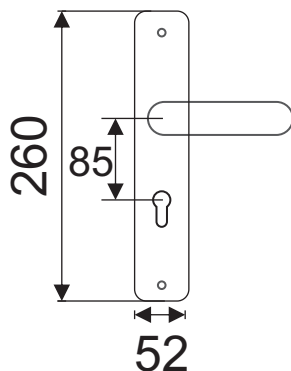


Mã sản phẩm / Model No.

BL17-01

- Chất liệu: Hợp Kim
 - Màu sắc: Trắng mờ
 - Material: Zinc Alloy
 - Finish: SS, White
- Trắng sữa

Phụ kiện đi kèm

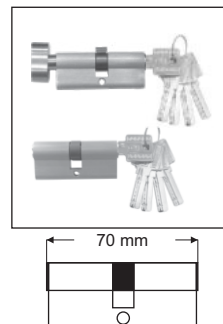
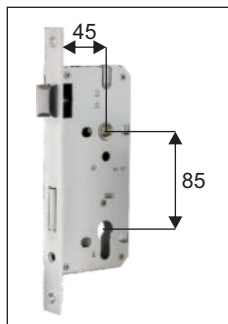
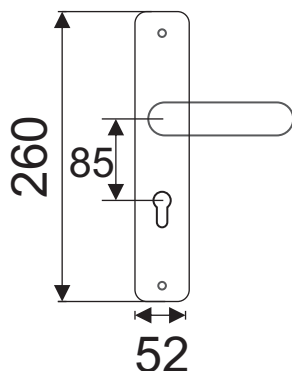


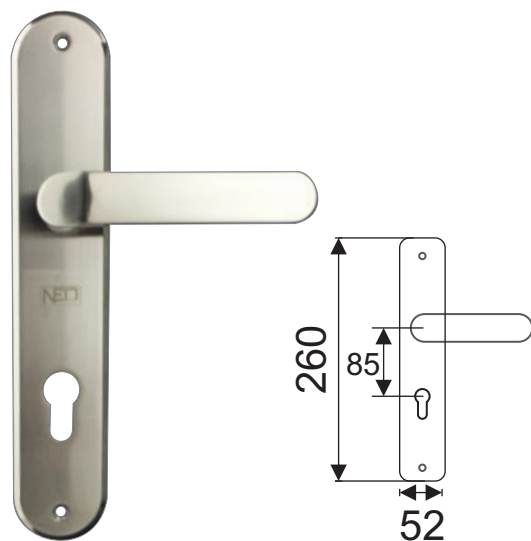
Mã sản phẩm / Model No.

BL17-02

- Chất liệu: Hợp Kim
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: Zinc Alloy
- Finish: SS

Phụ kiện đi kèm



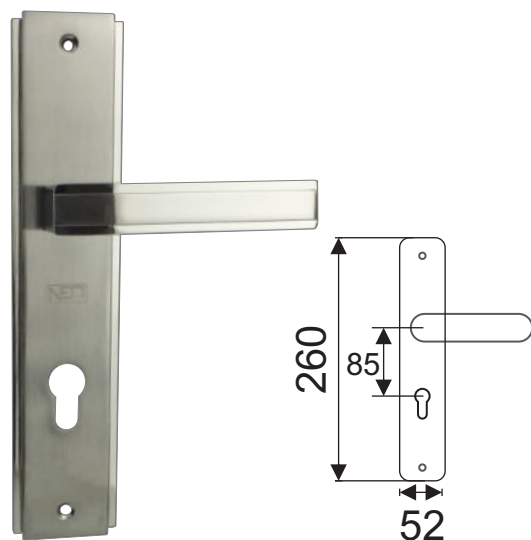
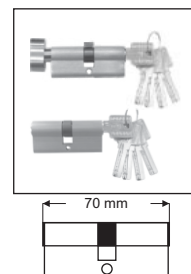
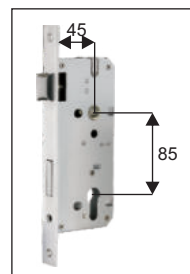


Mã sản phẩm / Model No.

BL17-03

- Chất liệu: Hợp Kim
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: Zinc Alloy
- Finish: SS, White

Phụ kiện đi kèm

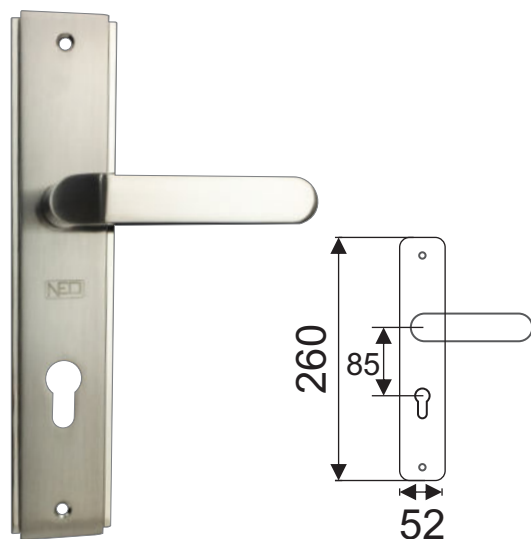
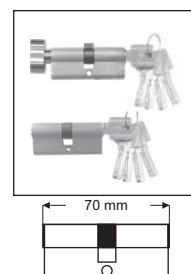
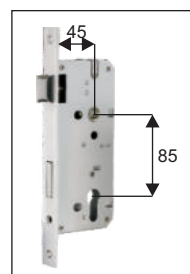


Mã sản phẩm / Model No.

BL17-04

- Chất liệu: Hợp Kim
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: Zinc Alloy
- Finish: SS, White

Phụ kiện đi kèm

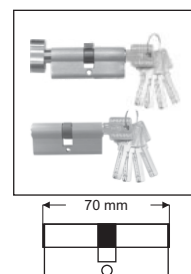
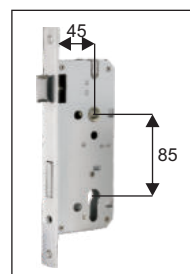


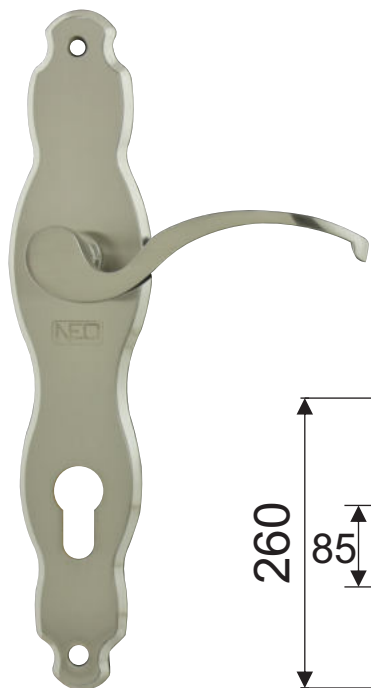
Mã sản phẩm / Model No.

BL17-05

- Chất liệu: Hợp Kim
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: Zinc Alloy
- Finish: SS

Phụ kiện đi kèm



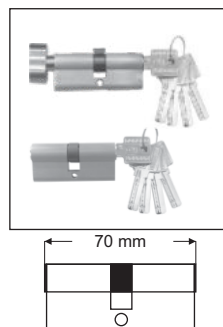
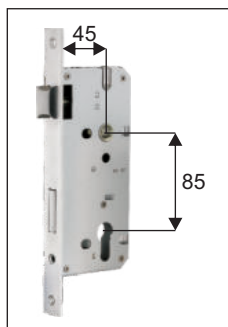
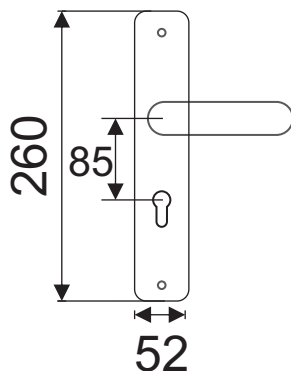


Mã sản phẩm / Model No.

CS 09

- Chất liệu: Hợp Kim
- Màu sắc: Trắng mờ, Nâu
Trắng sữa
- Material: Zinc Alloy
- Finish: SS, AC, White

Phụ kiện đi kèm

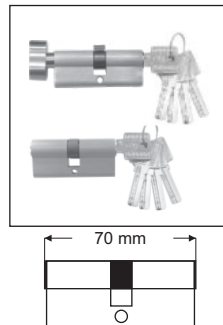
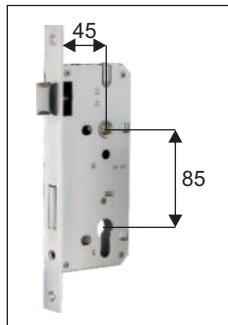
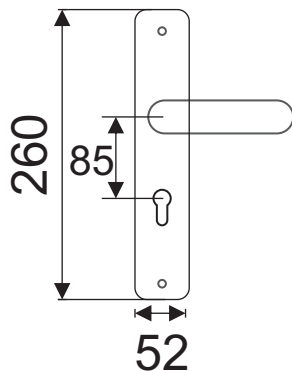


Mã sản phẩm / Model No.

DL 17-01

- Chất liệu: Hợp Kim
- Màu sắc: Trắng mờ
Trắng sữa
- Material: Zinc Alloy
- Finish: SS, White

Phụ kiện đi kèm





Mã sản phẩm / Model No.

CL17-01



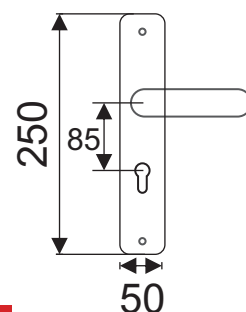
Mã sản phẩm / Model No.

CL17-02



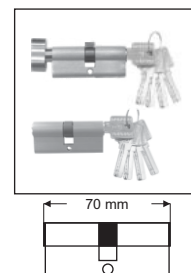
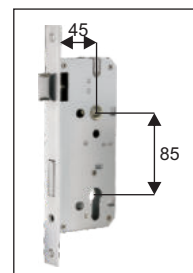
Mã sản phẩm / Model No.

CL17-03



- Chất liệu: Hợp Kim
- Màu sắc: Trắng mờ
- Màu sắc: Trắng sữa
- Material: Zinc Alloy
- Finish: SS, White

Phụ kiện đi kèm



Mã sản phẩm / Model No.

8071H/SS



Mã sản phẩm / Model No.

3203 SN ET



Mã sản phẩm / Model No.

70012 SN

- Chất liệu: Inox
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: SS
- Finish: SS

- Chất liệu: Hợp Kim
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: Zinc Alloy
- Finish: SS

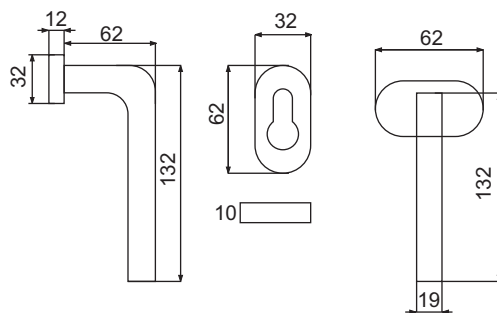


TAY GẠT PHÂN THỂ²
LEVER HANDLES



103

303



OVAL ESCUTCHEON

NẮP OVAL CHỤP RUỘT KHÓA

- Chất liệu: INOX 304
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: Satin Stainless Steel
- Finish: SS

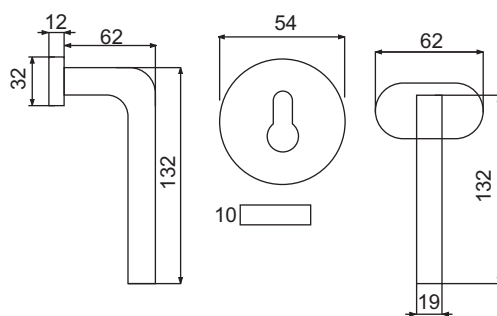


Chìa vi tính



103

303



ROUND ESCUTCHEON

NẮP TRÒN CHỤP RUỘT KHÓA

- Chất liệu: INOX 304
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: Satin Stainless Steel
- Finish: SS



Chìa vi tính



KHÓA NẮM TRÒN
Door Knobs



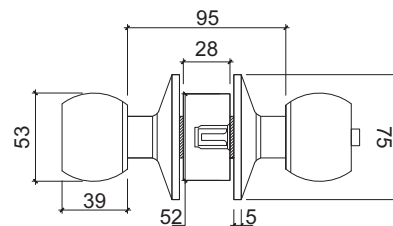
Mã sản phẩm / Model No.

9000SS



Mã sản phẩm / Model No.

9000SS/PRI



- Chất liệu: Inox 304
- Màu sắc: Trắng mờ, Nâu
- Material: SUS 304
- Finish: SS, AC

- Loại cửa: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính, cửa toilet
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm

- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door / Private door
- Door thickness: 30 - 45 mm



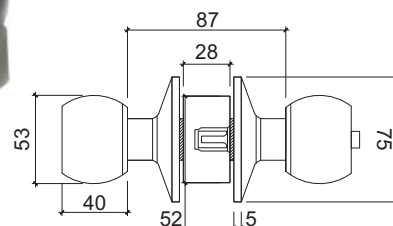
Mã sản phẩm / Model No.

3371L/SS



Mã sản phẩm / Model No.

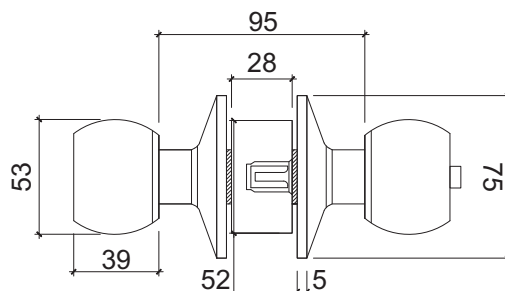
3372L/SS



- Chất liệu: Inox 304
- Màu sắc: Trắng mờ, Nâu
- Material: SUS 304
- Finish: SS, AC

- Loại cửa: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính, cửa toilet
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm

- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door / Private door
- Door thickness: 30 - 45 mm

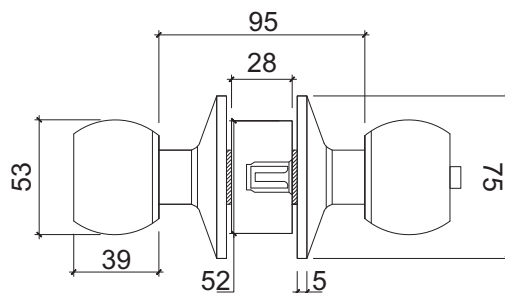


Mã sản phẩm / Model No.

5661SS

- Chất liệu: Inox
- Màu sắc: Trắng mờ, Nâu
- Material: SUS
- Finish: SS, AC

- Loại cửa: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm
- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm



Mã sản phẩm / Model No.

5992SS

- Chất liệu: Inox
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: SUS
- Finish: SS

- Loại cửa: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm
- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm

HYUNDAE DL

MADE IN KOREA



Mã sản phẩm / Model No.

83 GLORIA



Mã sản phẩm / Model No.

83 OLYMPUS / ENTRANCE

85 OLYMPUS /PRI/ ENTRANCE



Mã sản phẩm / Model No.

83 SS ENTRANCE

85 SS ENTRANCE / PRI

85 PS ENTRANCE

- Chất liệu: Inox 304
- Màu sắc: Trắng mờ, Nâu
- Material: SUS 304
- Finish: SS, AC

• Loại cửa: cửa gỗ, thép,...

• Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính

• Độ dày cửa: 30 - 45 mm

• Applicable door: wooden door, steel door,...

• Front door / Entrance door

• Door thickness: 30 - 45 mm

YANK

MADE IN JAPAN



Mã sản phẩm / Model No.

YANK MỜ / YANK SS

YANK MỜ TOILET / YANK SS PRI



Mã sản phẩm / Model No.

YANK BÓNG / YANK PS



Mã sản phẩm / Model No.

YANK NÂU / YANK AC

- Chất liệu: Inox
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: SUS
- Finish: SS

• Loại cửa: cửa gỗ, thép,...

• Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính

• Độ dày cửa: 30 - 45 mm

• Applicable door: wooden door, steel door,...

• Front door / Entrance door

• Door thickness: 30 - 45 mm



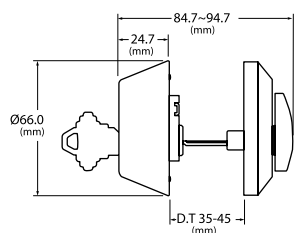
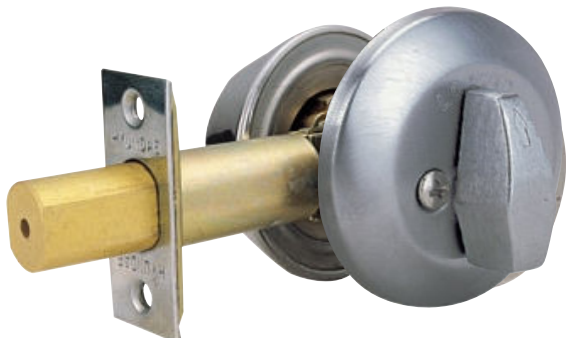
HYUNDAE DL
MADE IN KOREA



KHÓA CỐC
Deadbolt Locks

HYUNDAE DL

MADE IN KOREA



Mã sản phẩm / Model No.

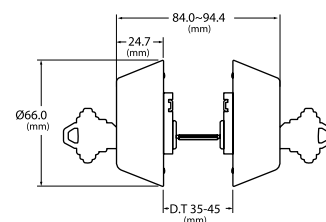
530SS/1C

Mã sản phẩm / Model No.

530SS/2C

- Chất liệu: INOX 304
- Màu sắc: Trắng mờ

- Material: Satin Stainless Steel
- Finish: SS



- Loại cửa: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm

- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm

NEO
Premium Quality



Mã sản phẩm / Model No.

7301SN/1C

7312SN/2C

Mã sản phẩm / Model No.

7301AC/1C

7312AC/2C

- Chất liệu: INOX
- Màu sắc: Trắng mờ

- Material: Satin Stainless Steel
- Finish: SS

- Loại cửa: cửa gỗ, thép,....
- Dùng cho: cửa phòng, cửa đi chính
- Độ dày cửa: 30 - 45 mm

- Applicable door: wooden door, steel door,...
- Front door / Entrance door
- Door thickness: 30 - 45 mm

A photograph of a modern bathroom interior. On the left, a glass shower door is partially open, revealing a white bathrobe hanging on a hook and a blue towel hanging on a rack. To the right, a white vanity with a wooden countertop holds a sink, a mirror, and various toiletries. The background wall is white with a green shelf and a gold-colored towel rack.

**PHỤ KIỆN CỬA KÍNH
PHÒNG TẮM**
*Accessories for Bathroom
Glass Door*

NEO

Premium Quality

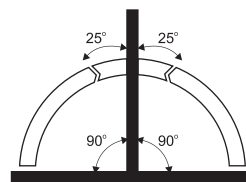
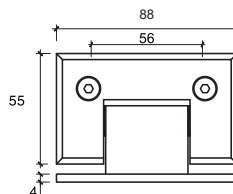
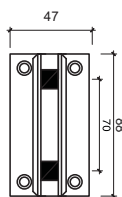
Mã sản phẩm / Model No.

NEO - 612



- Chất liệu: Inox 304
- Loại cửa: Cửa kính
- Nơi dùng: cửa phòng tắm
- Độ dày kính: 10-12mm

- Material: SUS 304
- Type of Door: Glass door
- Place of use: Bathroom glass
- Glass thickness: 10-12mm



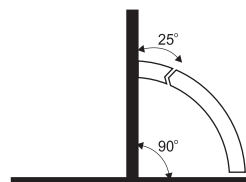
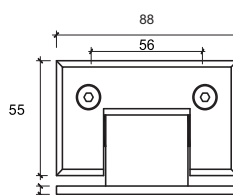
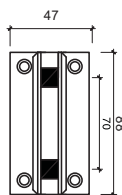
Mã sản phẩm / Model No.

NEO - 613



- Chất liệu: Inox 304
- Loại cửa: Cửa kính
- Nơi dùng: cửa phòng tắm
- Độ dày kính: 10-12mm

- Material: SUS 304
- Type of Door: Glass door
- Place of use: Bathroom glass
- Glass thickness: 10-12mm



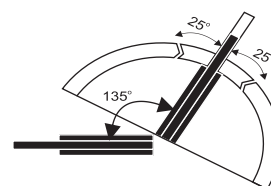
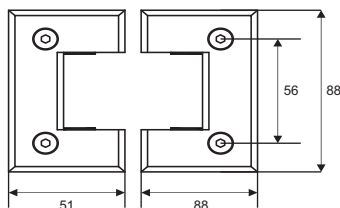
Mã sản phẩm / Model No.

NEO - 616



- Chất liệu: Inox 304
- Loại cửa: Cửa kính
- Nơi dùng: cửa phòng tắm
- Độ dày kính: 10-12mm

- Material: SUS 304
- Type of Door: Glass door
- Place of use: Bathroom glass
- Glass thickness: 10-12mm





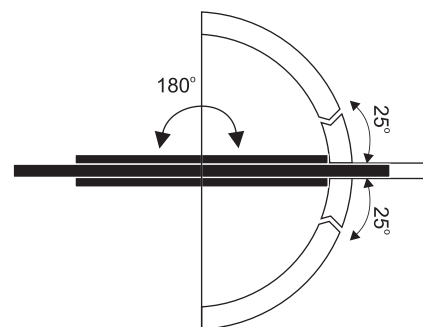
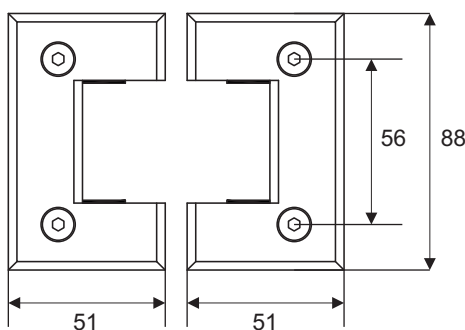
Mã sản phẩm / Model No.

NEO - 618



- Chất liệu: Inox 304
- Loại cửa: Cửa kính
- Nơi dùng: cửa phòng tắm
- Độ dày kính: 10-12mm

- Material: SUS 304
- Type of Door: Glass door
- Place of use: Bathroom glass
- Glass thickness: 10-12mm



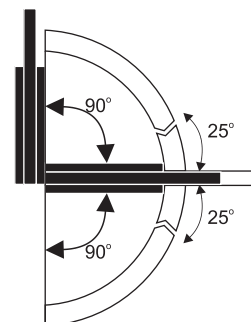
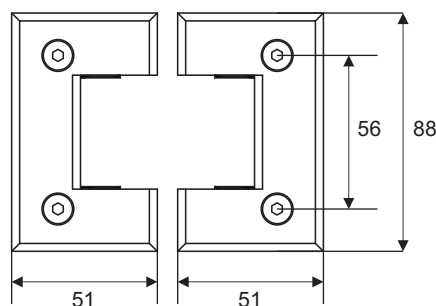
Mã sản phẩm / Model No.

NEO - 619



- Chất liệu: Inox 304
- Loại cửa: Cửa kính
- Nơi dùng: cửa phòng tắm
- Độ dày kính: 10-12mm

- Material: SUS 304
- Type of Door: Glass door
- Place of use: Bathroom glass
- Glass thickness: 10-12mm



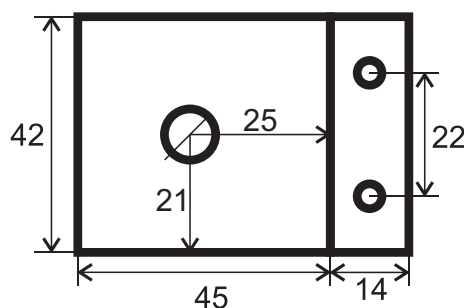


Mã sản phẩm / Model No.

NEO - G022



- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> ● Chất liệu: Inox 304 ● Loại cửa: Cửa kính ● Nơi dùng: cửa phòng tắm ● Độ dày kính: 10-12mm | <ul style="list-style-type: none"> ● Material: SUS 304 ● Type of Door: Glass door ● Place of use: Bathroom glass ● Glass thickness: 10-12mm |
|--|---|

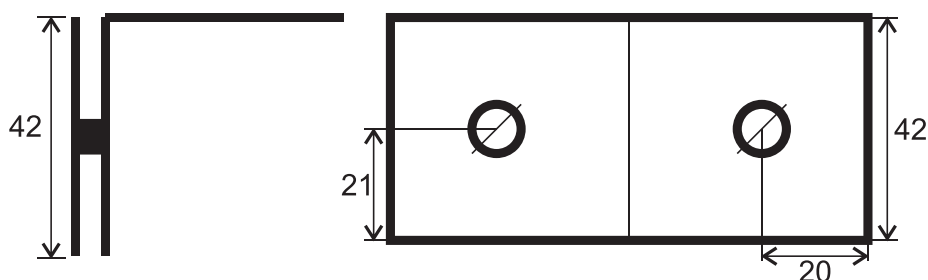


Mã sản phẩm / Model No.

NEO - G024



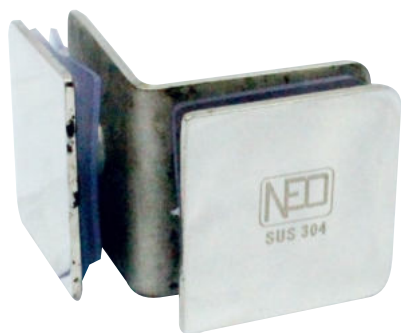
- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> ● Chất liệu: Inox 304 ● Loại cửa: Cửa kính ● Nơi dùng: cửa phòng tắm ● Độ dày kính: 10-12mm | <ul style="list-style-type: none"> ● Material: SUS 304 ● Type of Door: Glass door ● Place of use: Bathroom glass ● Glass thickness: 10-12mm |
|--|---|





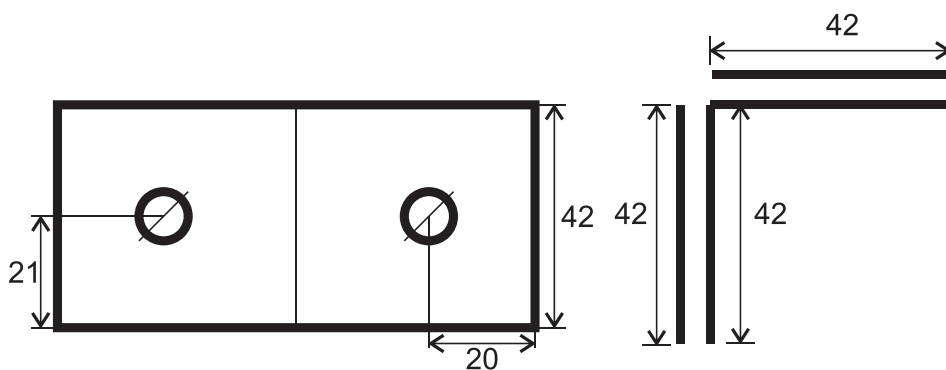
Mã sản phẩm / Model No.

NEO - G025



- Chất liệu: Inox 304
- Loại cửa: Cửa kính
- Nơi dùng: cửa phòng tắm
- Độ dày kính: 10-12mm

- Material: SUS 304
- Type of Door: Glass door
- Place of use: Bathroom glass
- Glass thickness: 10-12mm



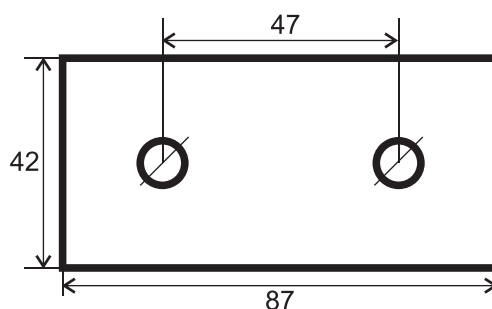
Mã sản phẩm / Model No.

NEO - G029



- Chất liệu: Inox 304
- Loại cửa: Cửa kính
- Nơi dùng: cửa phòng tắm
- Độ dày kính: 10-12mm

- Material: SUS 304
- Type of Door: Glass door
- Place of use: Bathroom glass
- Glass thickness: 10-12mm





Mã sản phẩm / Model No.

NEO - 500X300X25 PS

NEO - 500X300X25 SS

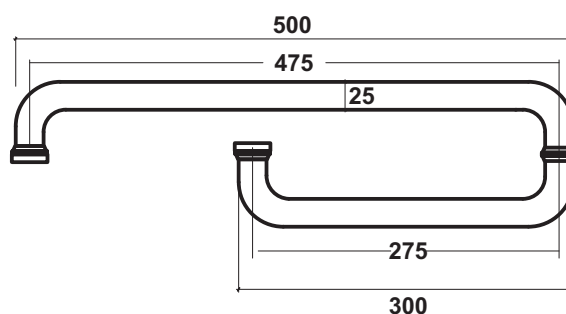


● Chất liệu: Inox 304

● Màu: Inox bóng (PS), Inox mờ (SS)

● Material: SUS 304

● Finish: PS, SS



Mã sản phẩm / Model No.

NEO-400X200X19 PS

NEO-400X200X19 PS

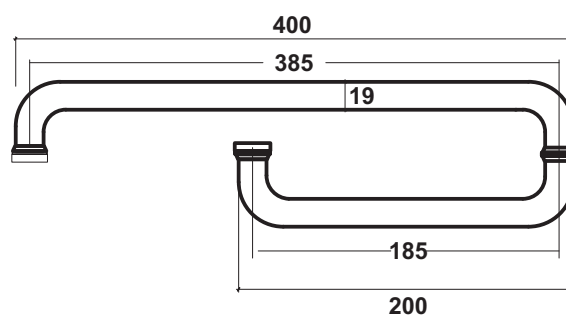


● Chất liệu: Inox 304

● Màu: Inox bóng (PS), Inox mờ (SS)

● Material: SUS 304

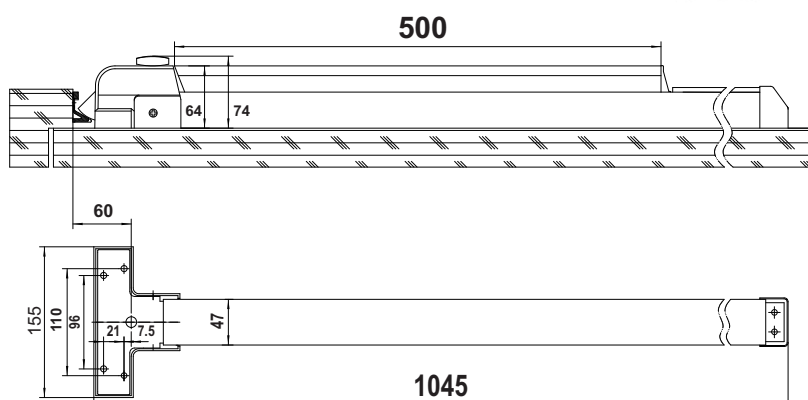
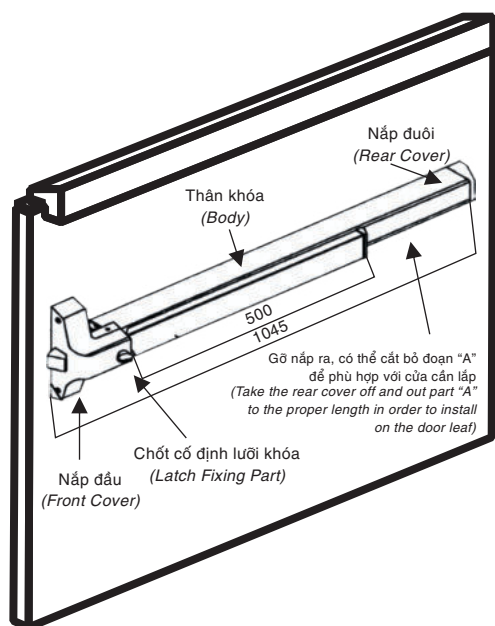
● Finish: PS, SS





A photograph showing a person's hand, adorned with a silver bangle and a ring, pressing a grey panic exit device on a white door. The device is a rectangular, push-button style. A semi-transparent grey rectangular box is overlaid on the left side of the image, containing the text "THANH PANIC" and "Panic Exit Devices".

THANH PANIC
Panic Exit Devices



Ruột Khóa Panic

-400X200X19 PS

500P

Chất liệu: Thép sơn tĩnh điện

Material: Painted Steel

Màu: Xám / Bạc

Finish: Grey / Silver

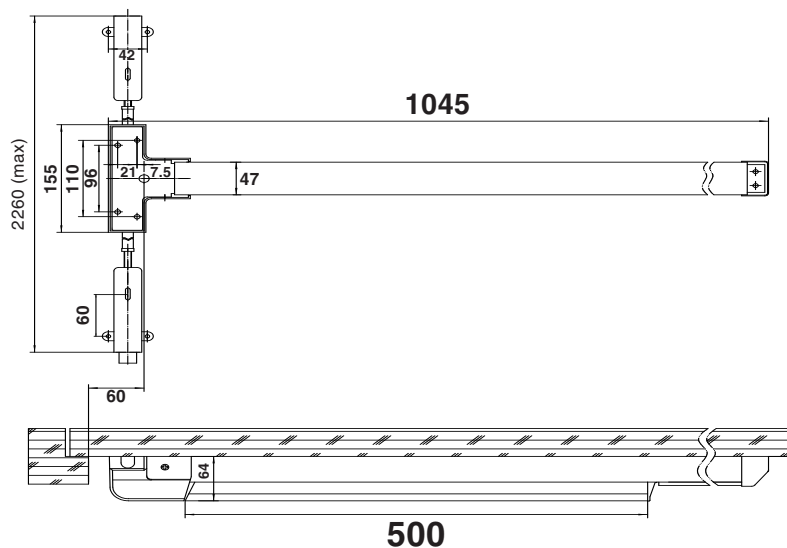
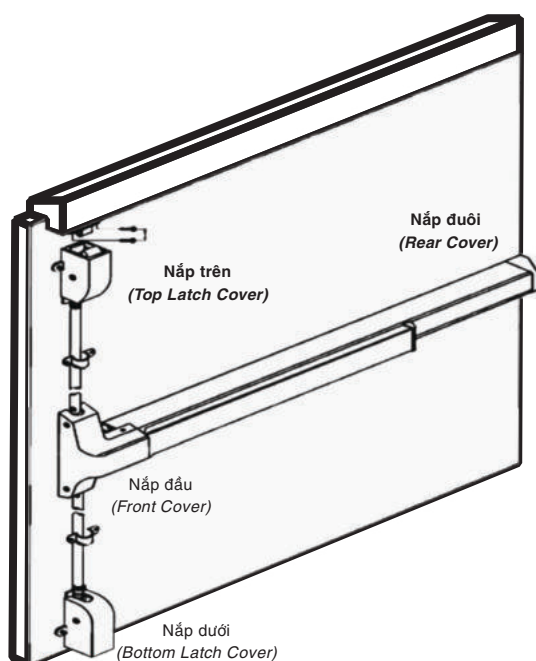
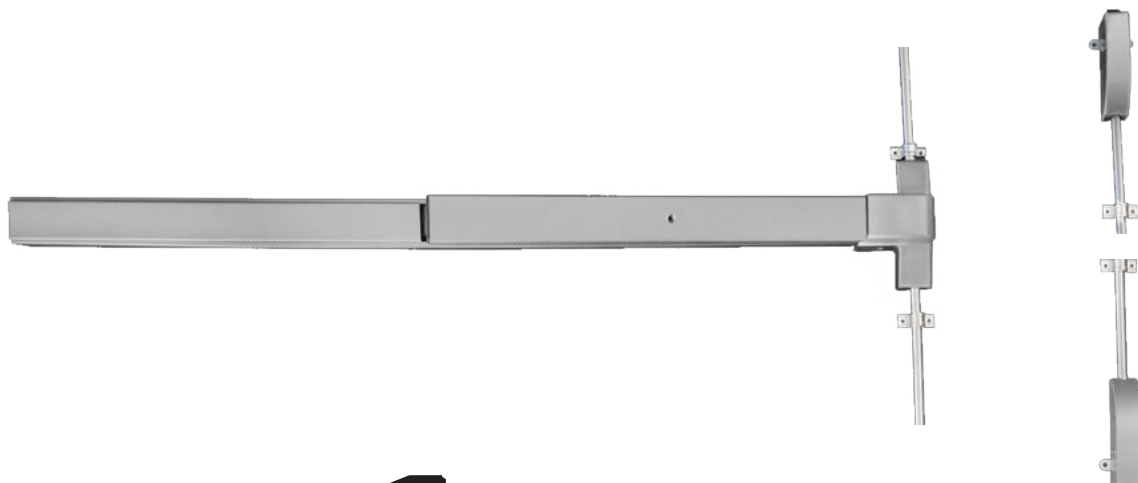
500S

Chất liệu: INOX 304

Material: SUS 304

Màu: Trắng mờ

Finish: SS



500T-P

500T-S

Chất liệu: Thép sơn tĩnh điện

Material: Painted Steel

Màu: Xám / Bạc

Finish: Grey / Silver

Chất liệu: INOX 304

Material: SUS 304

Màu: Trắng mờ

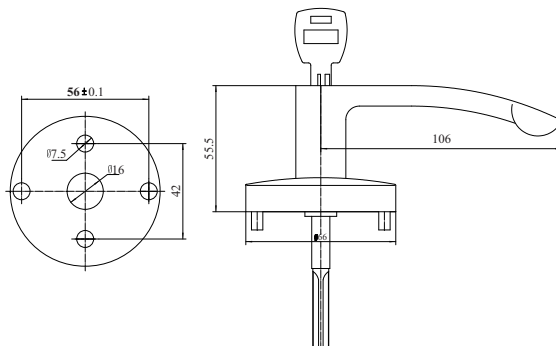
Finish: SS



Mã sản phẩm / Model No.

H8

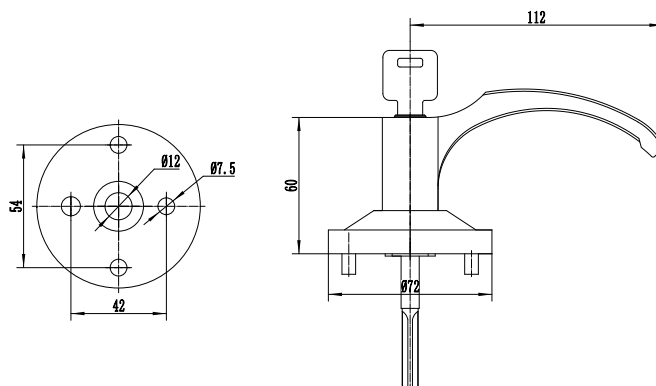
- Chất liệu: Hợp Kim
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: Zinc Alloy
- Finish: SS



Mã sản phẩm / Model No.

H10

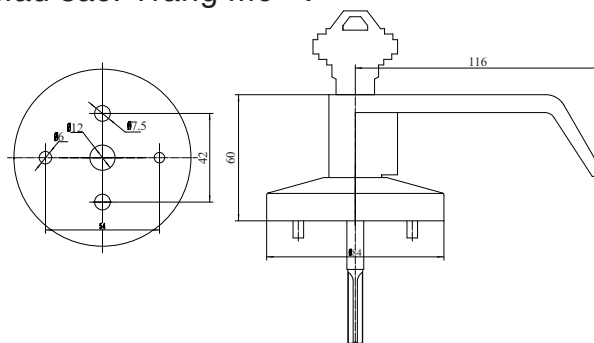
- Chất liệu: Hợp Kim
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: Zinc Alloy
- Finish: SS



Mã sản phẩm / Model No.

H017

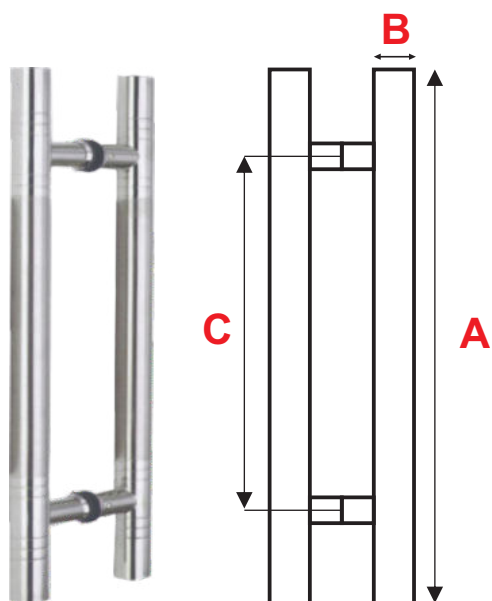
- Chất liệu: Hợp Kim
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: Zinc Alloy
- Finish: SS





A close-up photograph of a hand holding a sewing machine foot and needle assembly. The hand is positioned on the left side of the frame, with the thumb and index finger gripping the handle of the foot. The foot is a metal presser foot, and the needle is a standard sewing needle. The background is a blurred view of a sewing machine's white body and a yellow light source. The text "PHỤ KIỆN CỦA Accessories" is overlaid on the left side of the image, with "PHỤ KIỆN CỦA" in white and "Accessories" in a white italicized font.

PHỤ KIỆN CỦA
Accessories



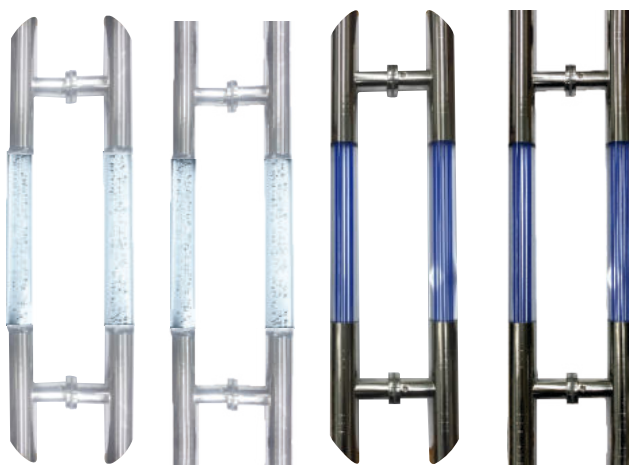
Mã sản phẩm / Model No.	A	B	C
NEO-600X32 PS	600	32	400
NEO-600X38 PS	600	38	400
NEO-800X32 PS	800	32	600
NEO-800X38 PS	800	38	600
NEO-1000X32 PS	1000	32	800
NEO-1000X38 PS	1000	38	800
NEO-1200X38 PS	1200	38	1000

● Chất liệu: Inox 304

● Màu: Inox bóng (PS), Inox mờ (SS)

● Material: SUS 304

● Finish: PS, SS



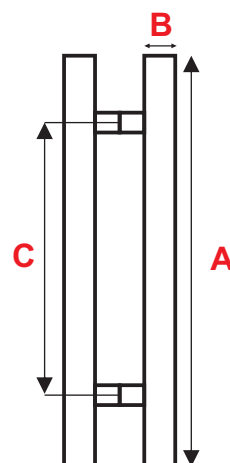
● Chất liệu: Inox 304

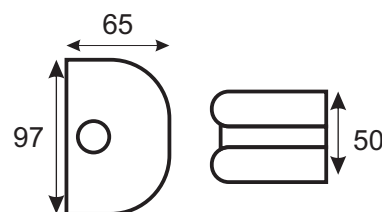
● Màu: Inox bóng, Inox mờ

● Material: SUS 304

● Finish: PS, SS

Mã sản phẩm / Model No.	A	B	C
NEO-600X38 SX	600	38	400
NEO-600X38 SXV	800	38	600





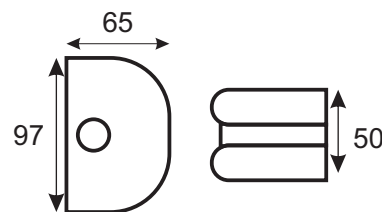
Mã sản phẩm / Model No.

NEO - 580SS

- Chất liệu: INOX
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: Stainless Steel
- Finish: SS

- Loại cửa: Cửa kính
- Cửa đôi
- Độ dày cửa kính: 10 - 12mm

- Type of door: Glass door
- Double door
- Glass thickness: 10 - 12mm



Mã sản phẩm / Model No.

NEO - 590SS

- Chất liệu: INOX
- Màu sắc: Trắng mờ
- Material: Stainless Steel
- Finish: SS

- Loại cửa: Cửa kính
- Cửa đơn
- Độ dày cửa kính: 10 - 12mm

- Type of door: Glass door
- Single door
- Glass thickness: 10 - 12mm



Mã sản phẩm / Model No.

BLB HỜI A



115

● Chất liệu: INOX 201

● Màu sắc: INOX bóng / Trắng mờ

● Material: Stainless Steel 201

● Finish: PS / SS

CLOSED CONDITION	OPEN CONDITION
FULL OVERLAY CABINET	WOODEN SHUTTER CABINET

Mã sản phẩm / Model No.

BLB HỜI B



115

● Chất liệu: INOX 201

● Màu sắc: INOX bóng / Trắng mờ

● Material: Stainless Steel 201

● Finish: PS / SS

CLOSED CONDITION	OPEN CONDITION
HALF OVERLAY WOODEN SHUTTER CABINET	WOODEN SHUTTER CABINET

Mã sản phẩm / Model No.

BLB HỜI C



115

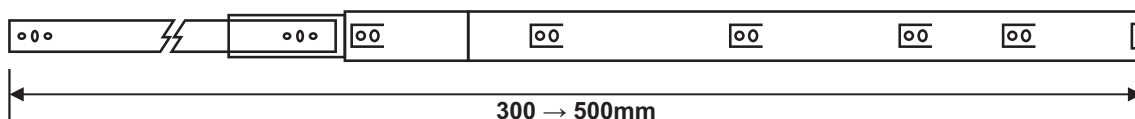
● Chất liệu: INOX 201

● Màu sắc: INOX bóng / Trắng mờ

● Material: Stainless Steel 201

● Finish: PS / SS

CLOSED CONDITION	OPEN CONDITION
INSET WOODEN SHUTTER CABINET	WOODEN SHUTTER CABINET

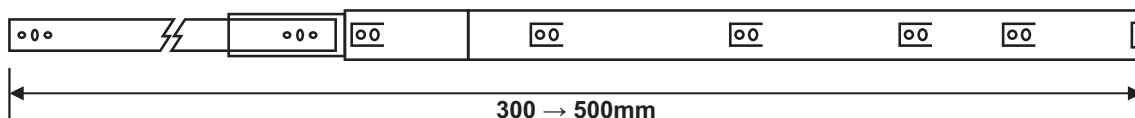


Mã sản phẩm / Model No.	Chiều dài / Length
4510 - 3T	300MM
4510 - 3T5	350MM
4510 - 4T	400MM
4510 - 4T5	450MM
4510 - 5T	500MM

- Chất liệu: Thép
- Bề mặt: Mạ kẽm
- Material : Steel
- Surface: Galvanized steel

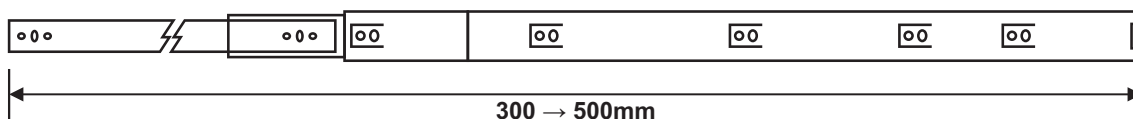


ZINC BLACK



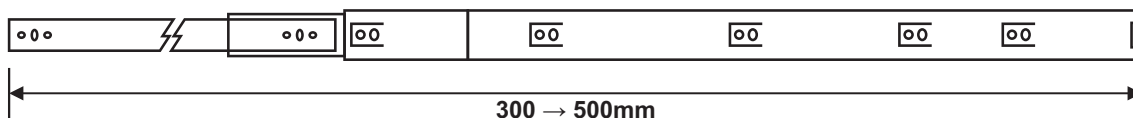
Mã sản phẩm / Model No.	Chiều dài / Length
4210 - 10	250MM
4210 - 12	300MM
4210 - 14	350MM
4210 - 16	400MM
4210 - 18	450MM
4210 - 20	500MM

- Chất liệu: Thép
- Bề mặt: Mạ kẽm
- Material : Steel
- Surface: Galvanized steel



Mã sản phẩm / Model No.	Chiều dài / Length
3510-12	300MM
3510-14	350MM
3510-16	400MM
3510-18	450MM
3510-20	500MM

- Chất liệu: Thép
- Bề mặt: Mạ kẽm
- Material : Steel
- Surface: Galvanized steel



Mã sản phẩm / Model No.	Chiều dài / Length
2703-12	250MM
2703-14	300MM
2703-16	350MM

- Chất liệu: Thép
- Bề mặt: Mạ kẽm
- Material : Steel
- Surface: Galvanized steel



Mã sản phẩm / Model No.

100N

TAY CHỐNG HƠI 100N

- Chất liệu: Kim loại
- Màu sắc: Bạc

GAS SPRING 100N

- Material: Metal
- Finish: Silver



Mã sản phẩm / Model No.

138-22C

KHÓA TỦ 138-22C

- Chất liệu: Kim loại
- Màu sắc: Bạc

LOCKER CAM LOCK 138-22C

- Material: Metal
- Finish: Silver



Mã sản phẩm / Model No.

103-30

KHÓA CỐP 103-30

- Chất liệu: Kim loại
- Màu sắc: Bạc

LOCKER CAM LOCK 103-30

- Material: Metal
- Finish: Silver



Mã sản phẩm / Model No.

V88

KHÓA CỔNG V88

RIM LOCK V88

- Chất liệu: Inox
- Bề mặt: Trắng mờ
- Material : Stainless Steel
- Surface: SS



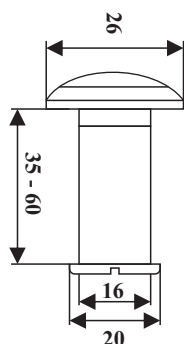
Mã sản phẩm / Model No.

V699

KHÓA CỔNG V699

RIM LOCK V699

- Chất liệu: Inox
- Bề mặt: Trắng mờ
- Material : Stainless Steel
- Surface: SS



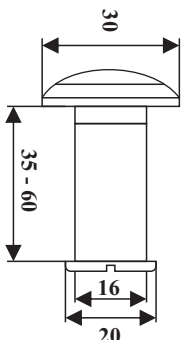
Mã sản phẩm / Model No.

511 CP 180

511 AC 180

- Màu sắc: Trắng, Nâu
- Độ dày cửa: 40 - 110mm

- Finish: White, AC
- Door thickness: 40 - 110mm



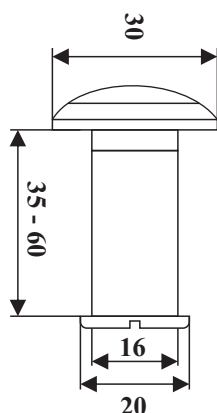
Mã sản phẩm / Model No.

511 CP 200

511 AC 200

- Màu sắc: Trắng, Nâu
- Độ dày cửa: 40 - 110mm

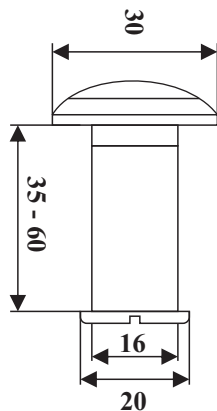
- Finish: White, AC
- Door thickness: 40 - 110mm



Mã sản phẩm / Model No.

200 SN

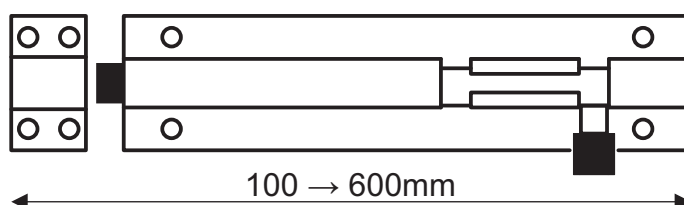
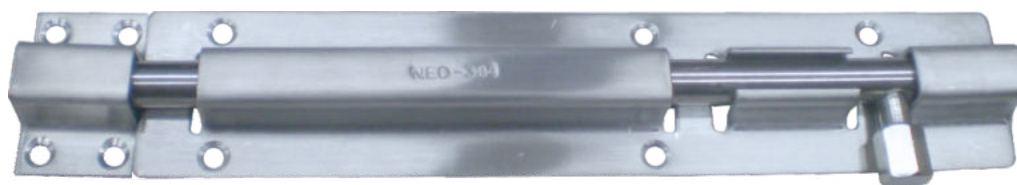
- Màu sắc: Nickel mờ
- Độ dày cửa: 40 - 110mm
- Finish: SN
- Door thickness: 40 - 110mm



Mã sản phẩm / Model No.

200 AC

- Màu sắc: Nâu
- Độ dày cửa: 40 - 110mm
- Finish: AC
- Door thickness: 40 - 110mm



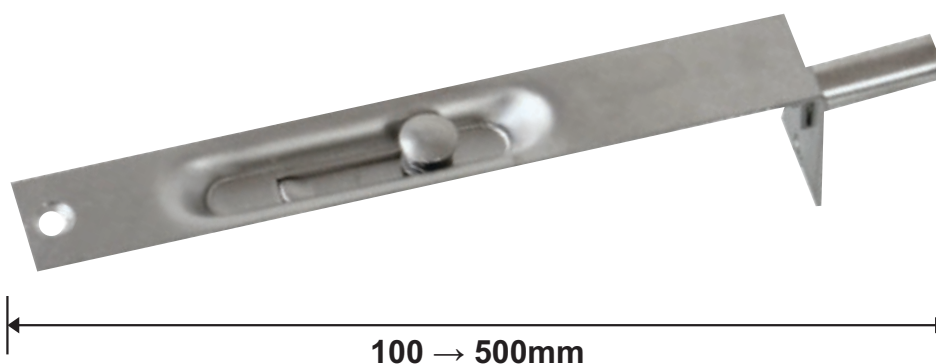
Mã sản phẩm / Model No.	Chiều dài / Length
INOX - 4	100MM
INOX - 6	150MM
INOX - 8	200MM
INOX - 12	300MM
INOX - 16	400MM
INOX - 20	500MM
INOX - 24	600MM

CHỐT MẬP

- Chất liệu: INOX
- Màu sắc: Trắng mờ

DOOR BOLT

- Material: Stainless Steel
- Finish: SS



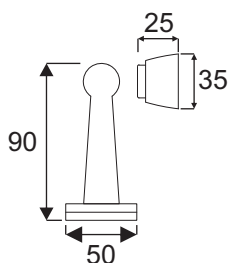
Mã sản phẩm / Model No.	Chiều dài / Length
INOX 1T	100MM
INOX 1.5T	150MM
INOX 2T	200MM
INOX 3T	300MM

CHỐT ÂM

- Chất liệu: INOX
- Màu sắc: Trắng mờ

CONCEALED FLUSH BOLT

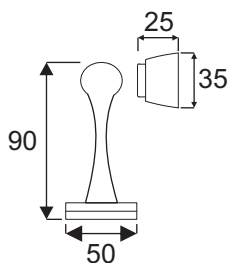
- Material: Stainless Steel
- Finish: SS



Mã sản phẩm / Model No.

801 B/T

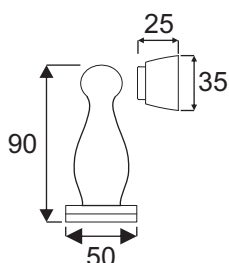
- Chất liệu : Inox
- Màu sắc : Trắng mờ
- Material : Stainless Steel
- Finish : SS



Mã sản phẩm / Model No.

819

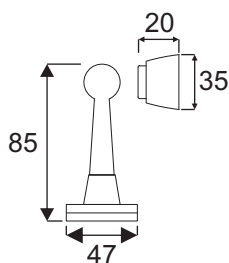
- Chất liệu : Inox
- Màu sắc : Trắng mờ
- Material : Stainless Steel
- Finish : SS



Mã sản phẩm / Model No.

338T

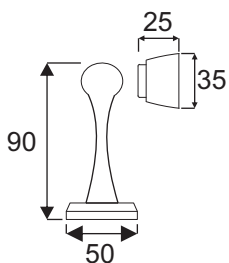
- Chất liệu : Inox
- Màu sắc : Trắng mờ
- Material : Stainless Steel
- Finish : SS



Mã sản phẩm / Model No.

S019

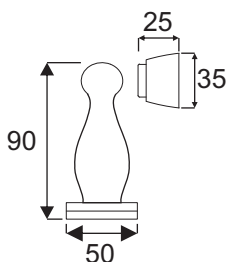
- Chất liệu : Inox
- Màu sắc : Trắng mờ
- Material : Stainless Steel
- Finish : SS



Mã sản phẩm / Model No.

9002

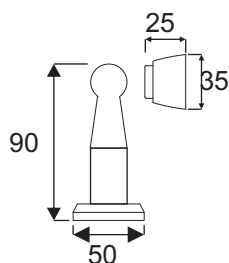
- Chất liệu : Inox
- Màu sắc : Trắng mờ
- Material : Stainless Steel
- Finish : SS



Mã sản phẩm / Model No.

9001

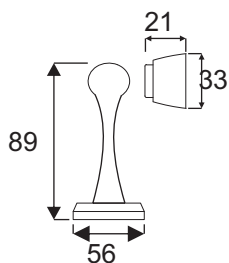
- Chất liệu : Inox 304
- Màu sắc : Trắng mờ
- Material : SUS 304
- Finish : SS



Mã sản phẩm / Model No.

9003

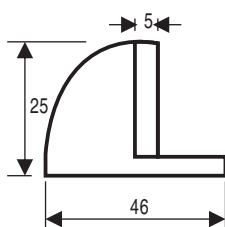
- Chất liệu : Inox 304
- Màu sắc : Trắng mờ
- Material : SUS 304
- Finish : SS



Mã sản phẩm / Model No.

MX-11 RG

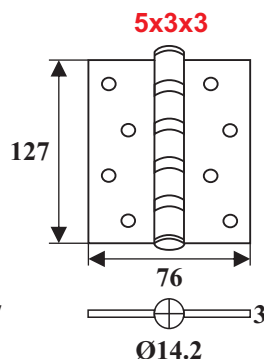
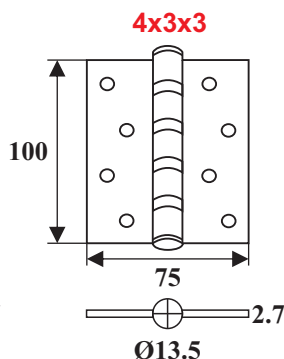
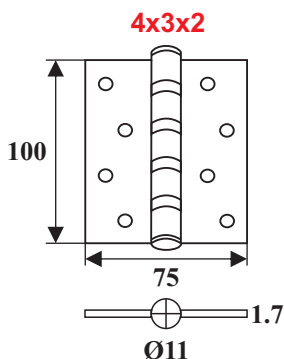
- Chất liệu : Đồng
- Màu sắc : Trắng mờ
- Material : Brass
- Finish : SS



Mã sản phẩm / Model No.

S004

- Chất liệu : Hợp kim
- Màu sắc : Trắng mờ
- Material : Zinc Alloy
- Finish : SS

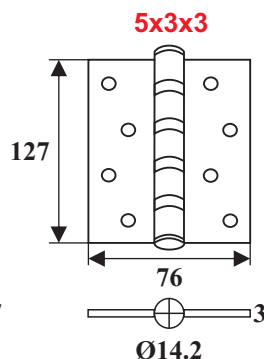
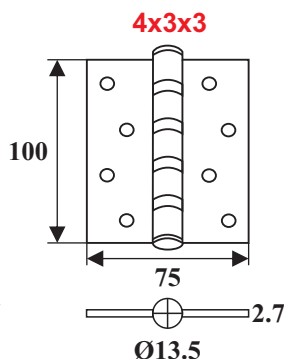
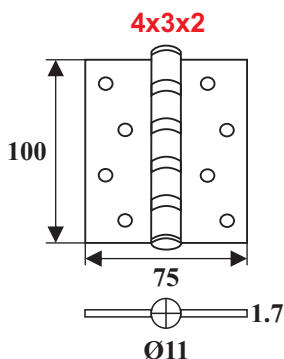


BẢN LÊ SERIES 2300

- Chất liệu : INOX 201
- Màu sắc : Trắng mờ

BUTT HINGE 2300 SERIES

- Material : SUS 201
- Finish : SS



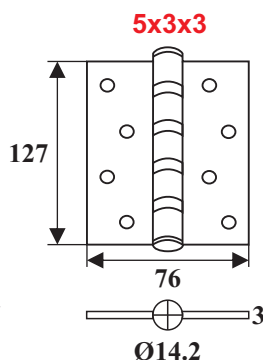
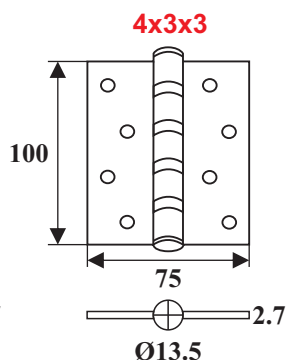
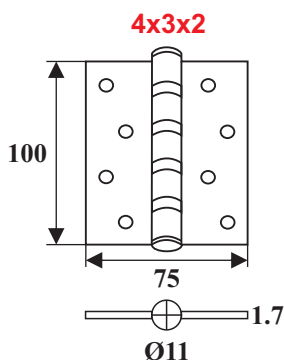
BẢN LÊ SERIES 2500

- Chất liệu : INOX 304
- Màu sắc : Trắng mờ

BUTT HINGE 2500 SERIES

- Material : SUS 304
- Finish : SS

Đặc Biệt



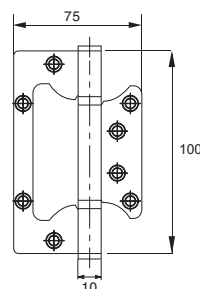
BẢN LÊ SERIES 2600

- Chất liệu : INOX 304
- Màu sắc : Trắng mờ

BUTT HINGE 2600 SERIES

- Material : SUS 304
- Finish : SS

Tất cả là INOX 304: Vòng bi, đầu cốt, ốc vít
All materials in SUS 304



Mã sản phẩm / Model No.

FLUSH HINGE 2301 / 4X3X2.5

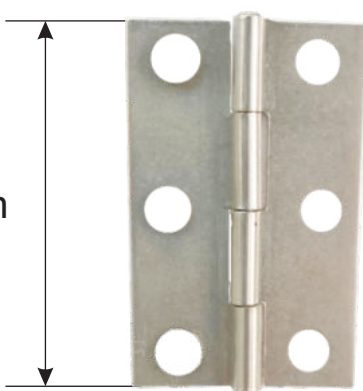
BẢN LỀ 2301

- Chất liệu : INOX 201
- Màu sắc : Trắng mờ

DOOR HINGE 2301

- Material : SUS 201
- Finish : SS

40mm → 90mm



Mã sản phẩm / Model No.	Chiều dài / Inch
MINI 40	40MM
MINI 50	50MM
MINI 60	60MM
MINI 70	70MM
MINI 90	90MM

BẢN LỀ MINI

- Chất liệu : INOX 201
- Màu sắc : Trắng mờ

DOOR HINGE MINI

- Material : SUS 201
- Finish : SS

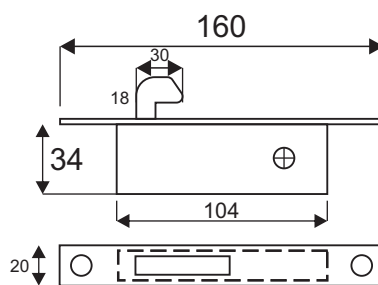


Mã sản phẩm / Model No.

AMEX 212H

- Chất liệu: hợp kim kẽm
- Màu sắc: Chrome Plated, AB, BP
- Loại cửa: dành cho cửa lùa và cửa xoay

- Material: Zinc alloy
- Finishes: Chrome Plated, AB, BP
- Type of Door: Sliding doors and Swing doors

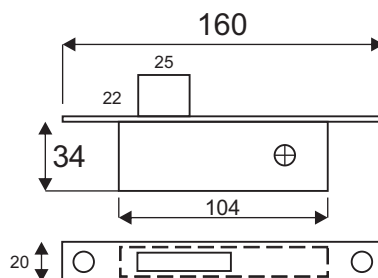


Mã sản phẩm / Model No.

AMEX 212S

- Chất liệu: hợp kim kẽm
- Màu sắc: Chrome Plated, AB, BP
- Loại cửa: dành cho cửa xoay

- Material: Zinc alloy
- Finishes: Chrome Plated, AB, BP
- Type of Door: Swing doors





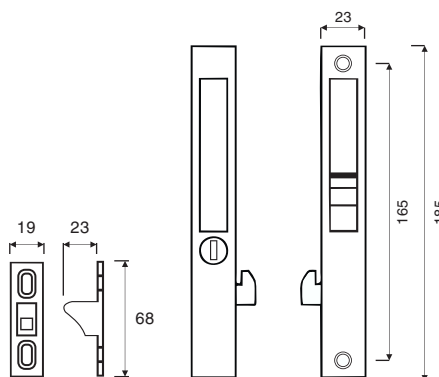
Mã sản phẩm / Model No.

AMEX 503A



- Chất liệu: hợp kim kẽm
- Màu sắc: Bạc
- Loại cửa: dành cho cửa xoay

- Material: Zinc alloy
- Finish: Silver
- Type of Door: Swing doors



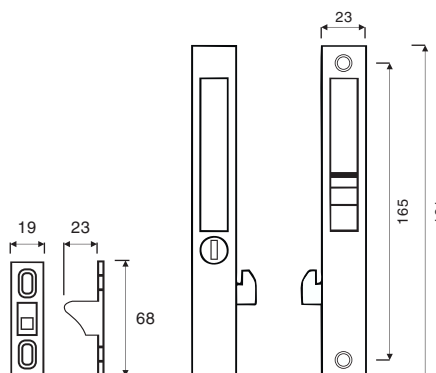
Mã sản phẩm / Model No.

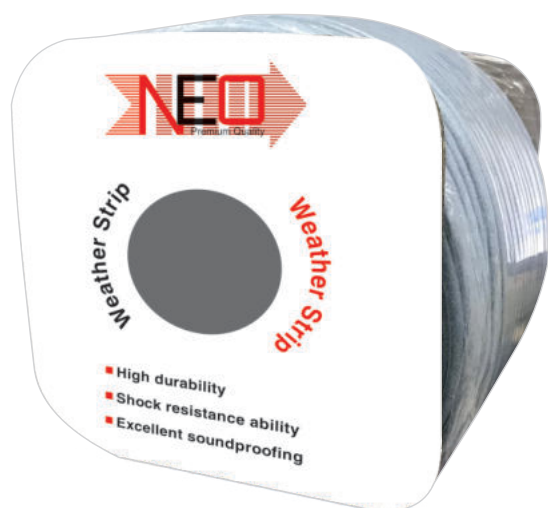
A6 WP



- Chất liệu: hợp kim kẽm
- Màu sắc: Trắng / Bạc
- Loại cửa: dành cho cửa xoay

- Material: Zinc alloy
- Finishes: White / Silver
- Type of Door: Swing doors



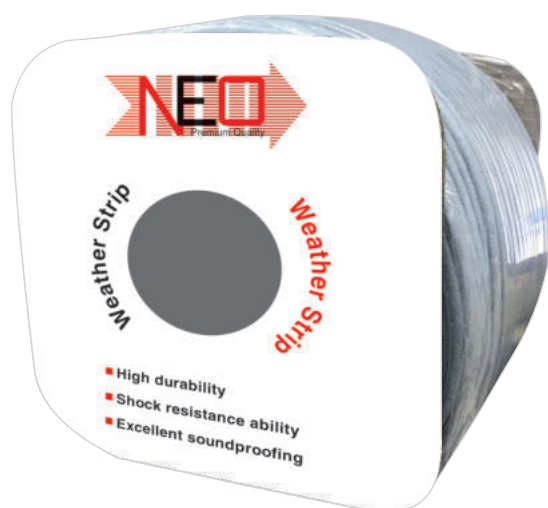


- Màu sắc: xám
- Nơi dùng: cửa phòng, cửa đi chính
- Chống bụi, giảm tiếng ồn

- Finish: Silver
- Place of use: room door, main door
- Anti-dust, noise reduction



Mã sản phẩm / Model No.	Chiều dài / Length
LÔNG NHEO 5*7	200M
LÔNG NHEO 6*7	200M
LÔNG NHEO 7*7	200M
LÔNG NHEO 11*7	180M



- Lông nheo 6*7.5 dán
- Màu sắc: xám
- Nơi dùng: cửa phòng, cửa đi chính
- Chống bụi, giảm tiếng ồn

- Weather Strip 6*7.5 stick
- Door type: wooden door, ... metal
- Place of use: room door, main door
- Anti-dust, noise reduction



Mã sản phẩm / Model No.	Chiều dài / Length
LÔNG NHEO 6*7.5	200MM



Mã sản phẩm / Model No.

AMEX 141-50

AMEX 141-60



Mã sản phẩm / Model No.

RARLUX 264

RARLUX 265

RARLUX 266



Mã sản phẩm / Model No.

RARLUX 2150

RARLUX 2160



Mã sản phẩm / Model No.

RARLUX 1326



Mã sản phẩm / Model No.

RARLUX 2175

RARLUX 2175



Mã sản phẩm / Model No.

RARLUX 7105

RARLUX 7106



Mã sản phẩm / Model No.

RARLUX 7306



Mã sản phẩm / Model No.

CPP350V

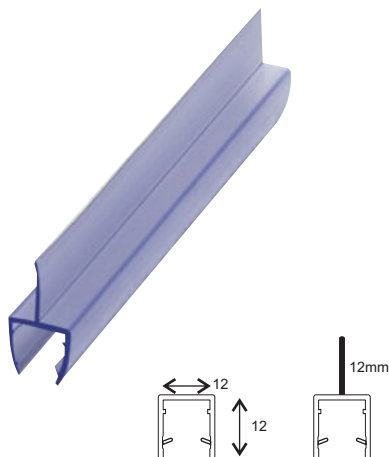
GPP363V



Mã sản phẩm / Model No.

CPP350T

GPP363T

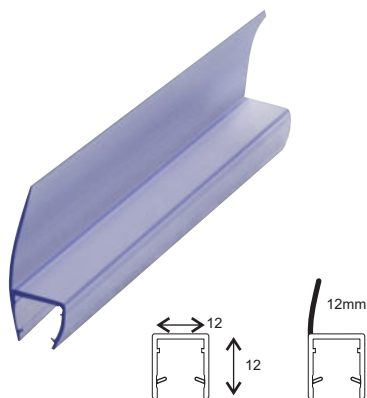


Mã sản phẩm / Model No.

MX101/Y

- Chất liệu: Nhựa PVC
- Màu sắc: Trắng
- Ngăn nước và hơi ẩm

- Material: PVC
- Finish: white
- Water and moisture prevention

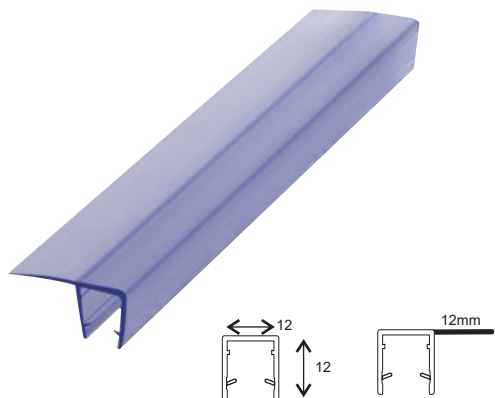


Mã sản phẩm / Model No.

MX103/H

- Chất liệu: Nhựa PVC
- Màu sắc: Trắng
- Ngăn nước và hơi ẩm

- Material: PVC
- Finish: white
- Water and moisture prevention



Mã sản phẩm / Model No.

MX104/F

- Chất liệu: Nhựa PVC
- Màu sắc: Trắng
- Ngăn nước và hơi ẩm

- Material: PVC
- Finish: white
- Water and moisture prevention

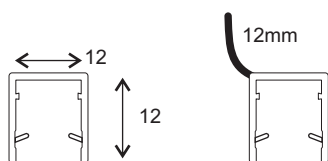


Mã sản phẩm / Model No.

MX105/U

- Chất liệu: Nhựa PVC
- Màu sắc: Trắng
- Ngăn nước và hơi ẩm

- Material: PVC
- Finish: white
- Water and moisture prevention

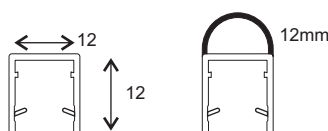


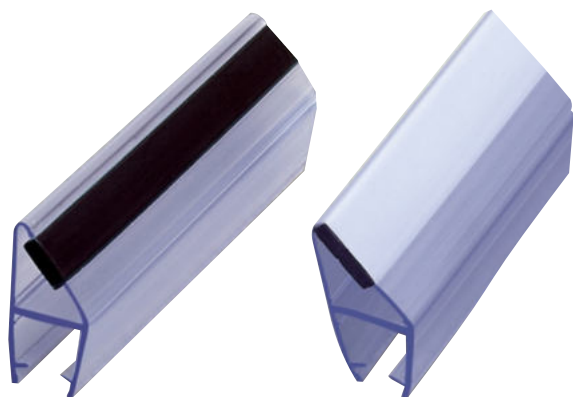
Mã sản phẩm / Model No.

MX107/A

- Chất liệu: Nhựa PVC
- Màu sắc: Trắng
- Ngăn nước và hơi ẩm

- Material: PVC
- Finish: white
- Water and moisture prevention



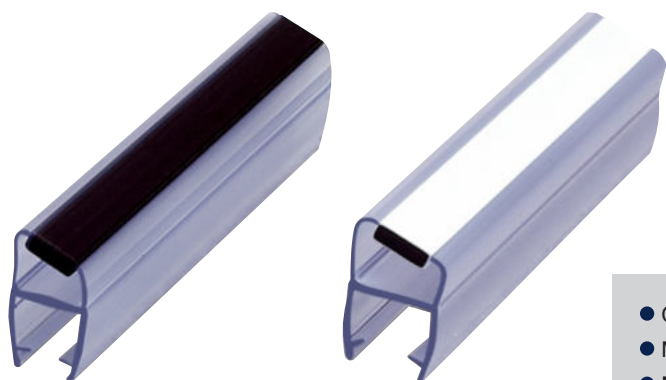
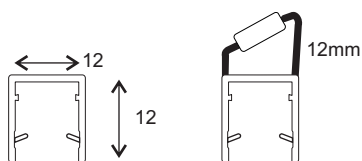


Mã sản phẩm / Model No.

MX108A-90

- Chất liệu: Nhựa PVC (Nam châm)
- Màu sắc: Đen, Trắng
- Ngăn nước và hơi ẩm

- Material: PVC (Magnetic)
- Finish: Đen, Trắng
- Water and moisture prevention

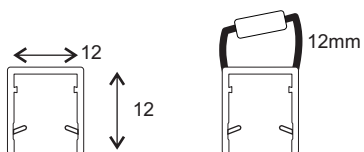


Mã sản phẩm / Model No.

MX108C-135

- Chất liệu: Nhựa PVC (Nam châm)
- Màu sắc: Đen, Trắng
- Ngăn nước và hơi ẩm

- Material: PVC (Magnetic)
- Finish: Đen, Trắng
- Water and moisture prevention







DAIKEN

MADE IN JAPAN

CỬA TRƯỢT

Sliding Door





DAIKEN
MADE IN JAPAN

Mã sản phẩm / Model No.

HCS-80NB

- Tải trọng cửa: 15kg đến 80kg
- Chiều ngang cửa: 900 tới 1300mm
- Độ mở cho phép: 750 tới 1150mm
- Door weight: 15kg to 80kg
- Door width: 900 to 1300mm
- Effective opening: 750 to 1150mm



Aluminum Rail
Ray Nhôm



Front Hanger Roller
Bánh xe trước



Rear Hanger Roller
Bánh xe sau



Hydraulic Control
Kiểm soát thủy lực



Brake on the door
Phanh giảm tốc độ

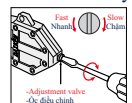


Stopper
Chặn cửa

Recommended temperature range
-10~40°C

Phạm vi nhiệt độ
-10~40°C

Hydraulic Control
Kiểm soát thủy lực



-Adjustable closing speed when closing the door
- Điều chỉnh tốc độ đóng khi đóng cửa lại

Brake on the door
Phanh giảm tốc độ

Stopper
Chặn cửa

Aluminum Rail
Ray Nhôm

Front Hanger Roller
Bánh xe trước

Rear Hanger Roller
Bánh xe sau

Guide rail
Ray dẫn hướng

Guide roller
Bánh xe dẫn hướng

Tải trọng Door Weight	Lực mở cửa Door Opening Power (N)	Lực mở cửa Door Opening Power (KG)
15kg	2.45	0.25
20kg	3.04	0.31
30kg	4.51	0.46
40kg	6.08	0.62
50kg	8.43	0.86
60kg	8.53	0.87
70kg	11.07	1.13
80kg	12.15	1.24



DAIKEN
MADE IN JAPAN

Mã sản phẩm / Model No.

HCS-XW40A/XW40B



Aluminum Rail
Ray Nhôm



Front
Hanger Roller
Bánh xe trước



Rear
Hanger Roller
Bánh xe sau



Hydraulic
Control
Điều chỉnh bằng thủy lực



Brake on the
door - end side
Ray giảm tốc



Height control plate
Pát đôn lên



Inter locking device
Thiết bị kết nối ray



L type bracket
Pát chữ L



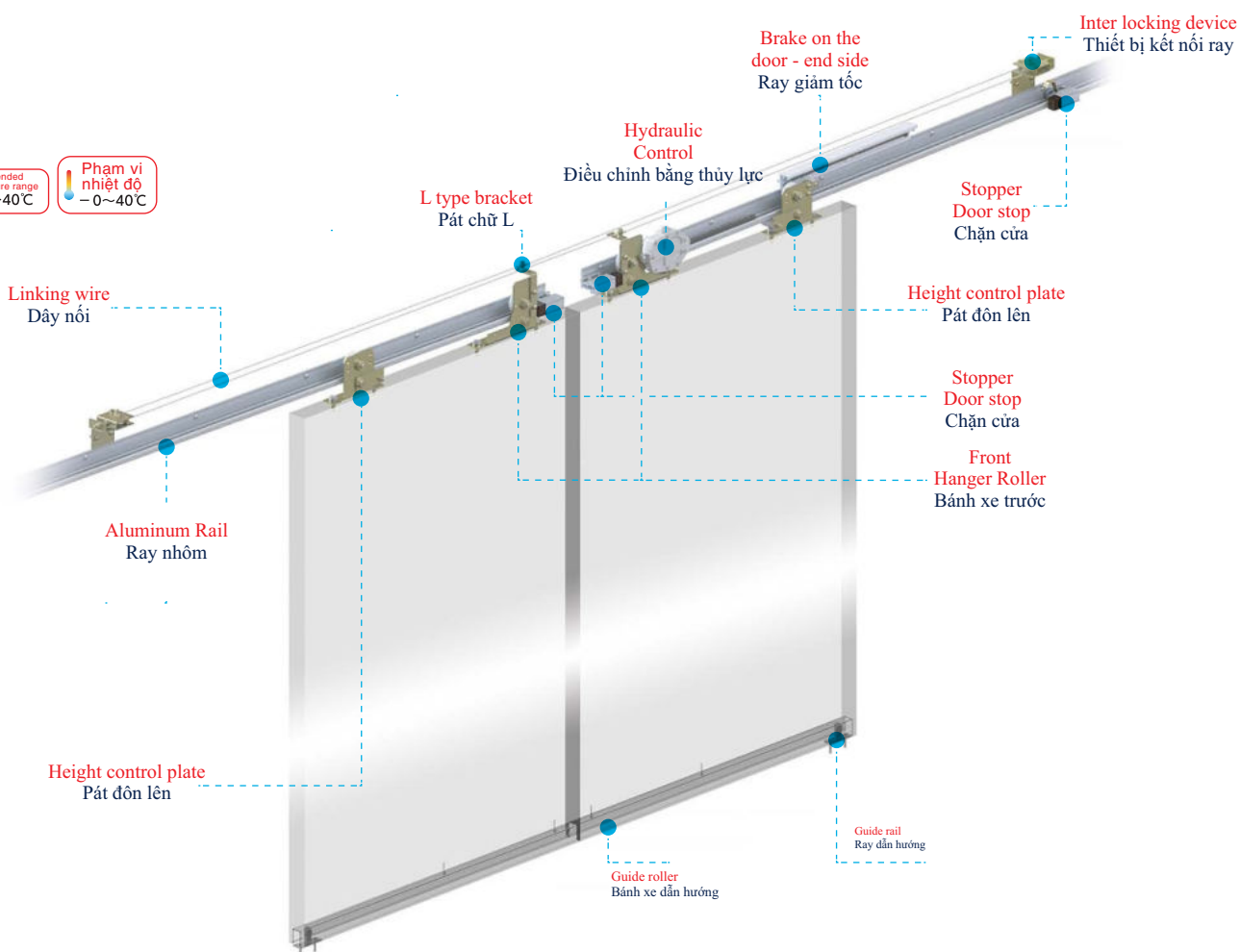
Linking wire
Dây nối



Stopper
Door stop
Chặn cửa

Recommended
temperature range
- 0~40°C

Phạm vi
nhiệt độ
- 0~40°C



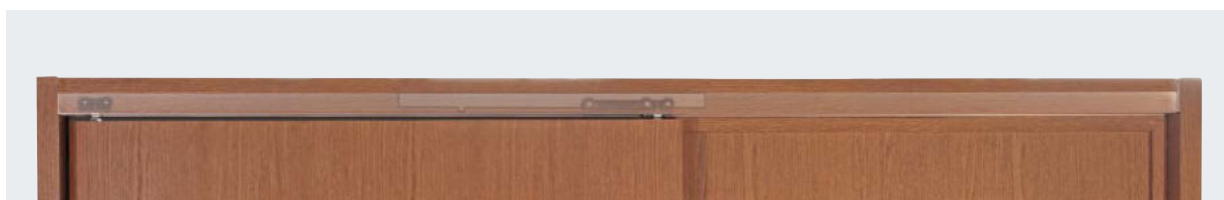


DAIKEN
MADE IN JAPAN

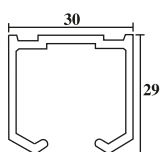
Mã sản phẩm / Model No.

IDH80NB

HỆ CỬA LÙA THƯỜNG - SLIDING DOOR



IDH 80NB (80 KG)
RAY 2,000 MM
RAY 3,000 MM



BÁNH XE

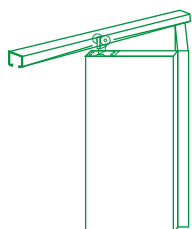


CHẶN CỬA

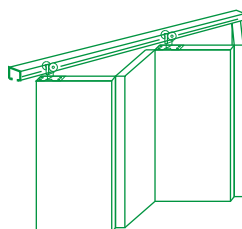


DẪN HƯỚNG

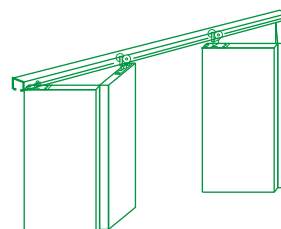
HỆ CỬA LÙA XẾP - VÁCH NGĂN PHÒNG - FOLDING DOOR



LÙA XẾP
02 CẢNH VỀ 01 BÊN



LÙA XẾP
04 CẢNH VỀ 01 BÊN



LÙA XẾP
04 CẢNH VỀ 02 BÊN



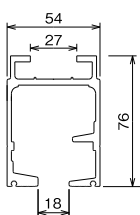


DAIKEN
MADE IN JAPAN

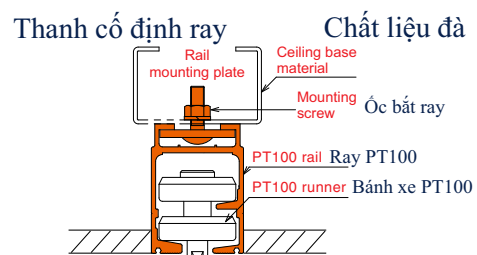
Mã sản phẩm / Model No.

PT100

HỆ CỬA LÙA XẾP - VÁCH NGĂN PHÒNG - FOLDING DOOR

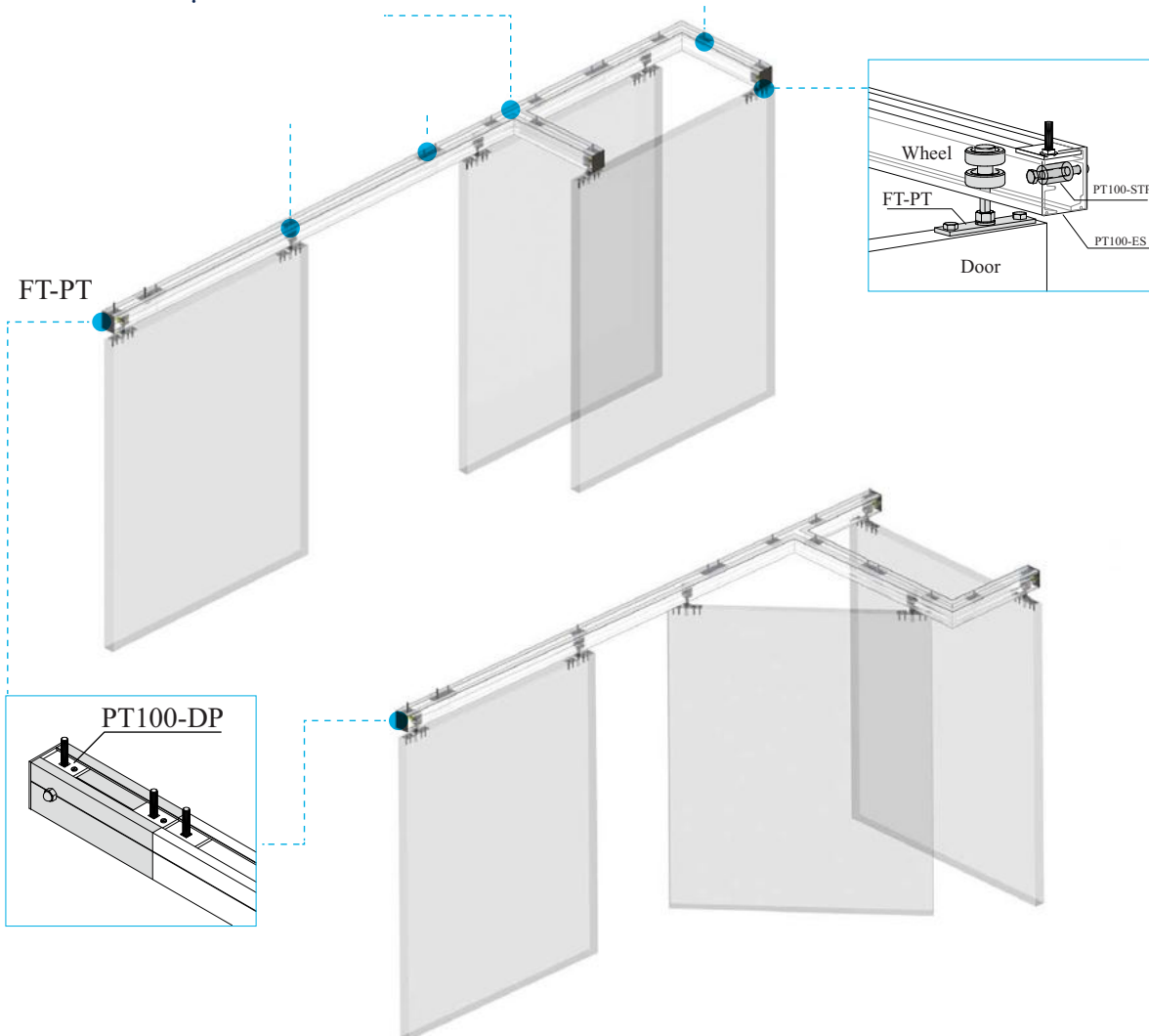


Code	Size mm	Fixing plate	Pin
PT100-R20S	2000	4	2
PT100-R30S	3000	6	2



PT100 T type rail
Hệ rat PT100 T

PT100 L type rail
Hệ ray PT100 L





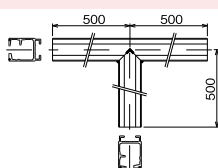
DAIKEN
MADE IN JAPAN

Mã sản phẩm / Model No.

PT100



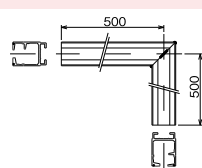
Ray PT100 T (1)



PT100-RT1



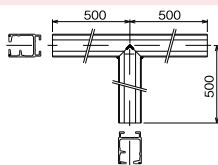
Ray PT100 L (1)



PT100-RL1



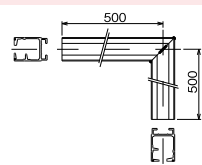
Ray PT100 T (2)



PT100-RT2



Ray PT100 L (2)

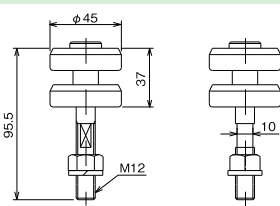


PT100-RL2

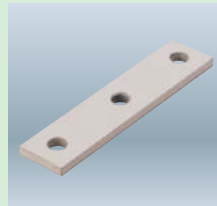
Bánh xe PT100



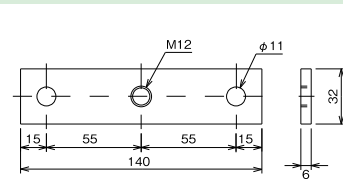
PT100-2W



Pát PT100



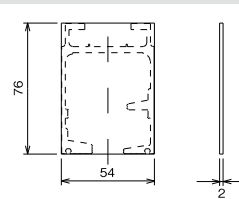
FT-PT



Đầu chặn



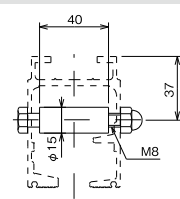
PT100-ES



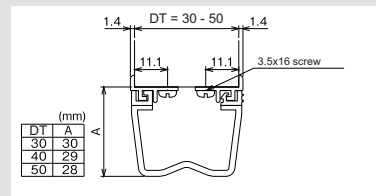
Chặn cuối



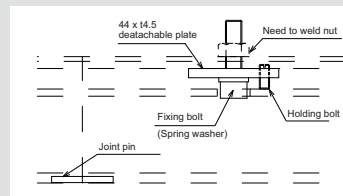
PT100-STP



Ron cửa



PT100-DP



Color	Code	Size mm
Ivory	SD40-E20W	2000
	SD40-E25W	2500
Black	SD40-E20	2000
	SD40-E25	2500

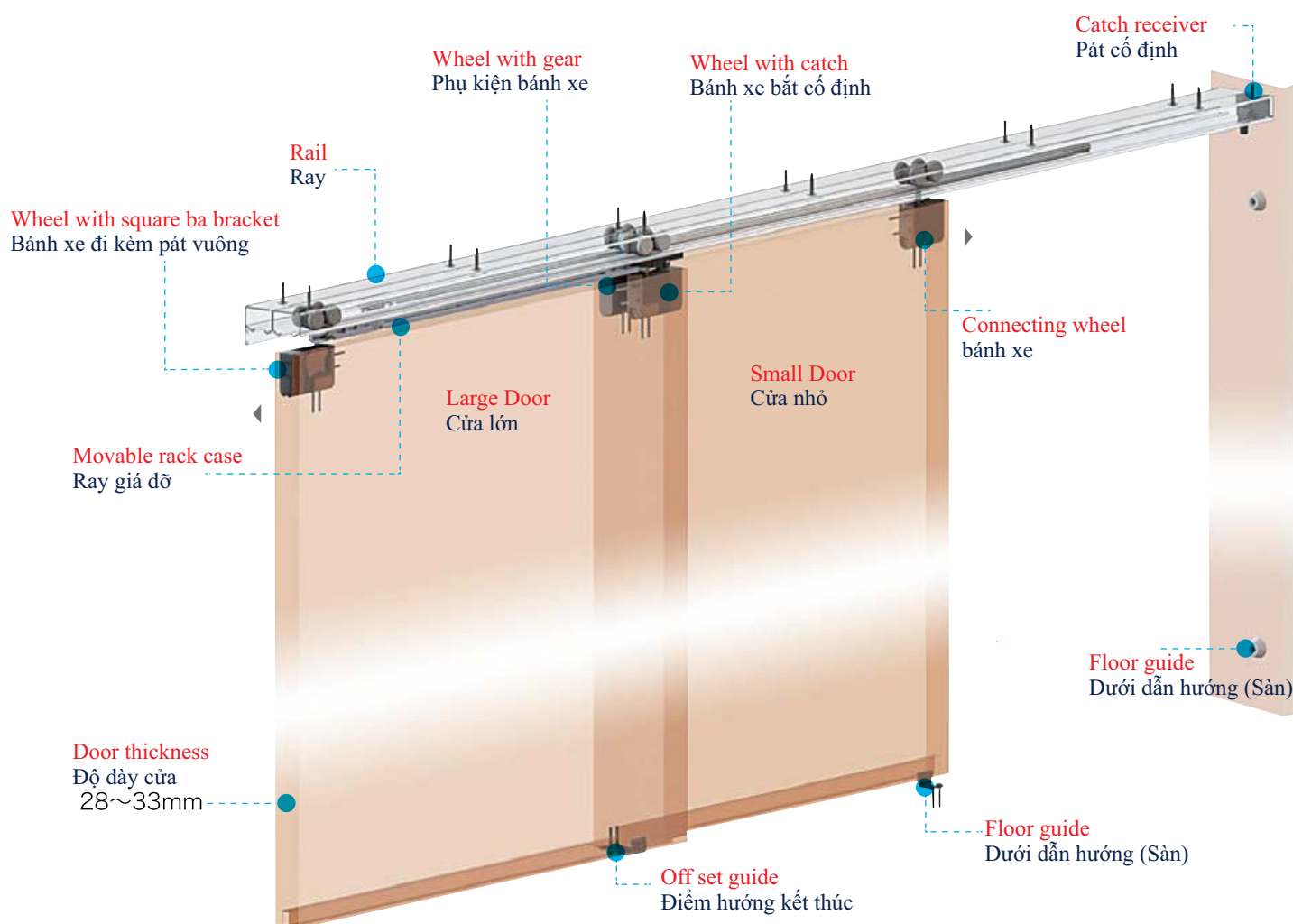


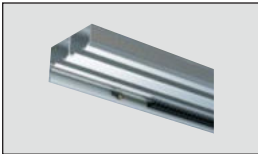
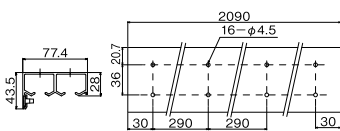
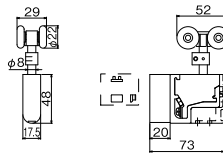
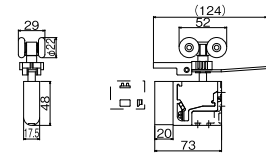
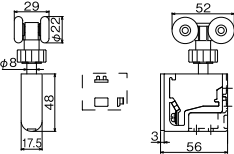
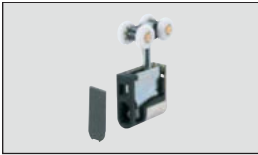
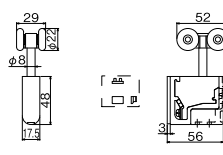
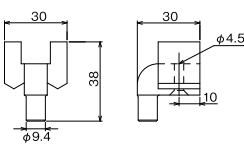
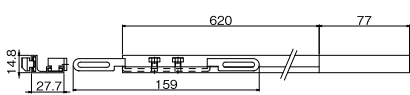
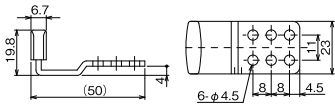
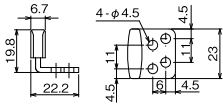
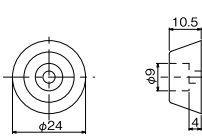
DAIKEN
MADE IN JAPAN

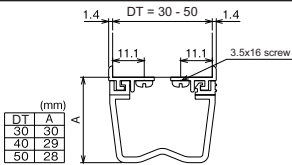
Mã sản phẩm / Model No.

SD10-X2RS & SD-X2LS

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none"> ● Tải trọng cửa tối đa: 30kg/cánh ● Độ mở cho phép: 600 - 1280mm ● Độ dày cửa: 28 - 33mm | <ul style="list-style-type: none"> ● Maximum door weight: 30kg/panel ● Min. & Max. opening: 600 - 1,280mm ● Door thickness 28 - 33mm |
|--|---|



Rail - Ray trượt		
Wheel with square ba bracket Bánh xe đi kèm pát vuông		
Wheel with catch Bánh xe pát cố định		
Wheel with gear Phụ kiện bánh xe		
Connecting wheel Bánh xe		
Catch receiver Pát cố định		
Movable rack case Ray giá đỡ		
Off set guide Dẫn hướng		
Floor guide Dẫn hướng sàn		
Door stopper Chặn cửa		

Name	Size
SD40 Door edge Ron	

Color	Code	Size mm
Ivory Màu ngà voi	SD40-E20W SD40-E25W	2000 2500
Black Màu đen	SD40-E20 SD40-E25	2000 2500



KHÓA VÂN TAY

Fingerprint door lock







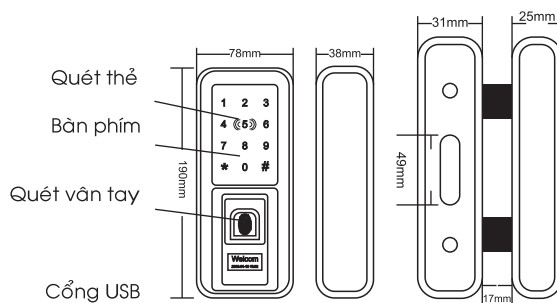
Vân tay Mã số Thẻ từ Remote

Mã sản phẩm / Model No.

DYP-ZW02

Để dàng lắp đặt, sử dụng cho cửa kính bản lề sàn

- **Chức năng** : Vân tay, Mã số, Thẻ từ, Remote
- **Functions** : Fingerprint, Passcode, Card, Remote control
- **Chất liệu** : Kính cường lực - Nhựa ABS - Hợp kim cao cấp
- **Material** : Tempered Glass - ABS - Zinc Alloy
- **Dung lượng lưu trữ** : 499 vân tay, 01 mã số, 2000 thẻ từ
- **Capacity** : 499 Fingerprints, 01 Passcode, 2000 Cards
- **Độ hở cửa thích hợp** : 5 - 8 mm
- **Suitable door gap** : 5 - 8 mm



Easy to use, no need to drill glass

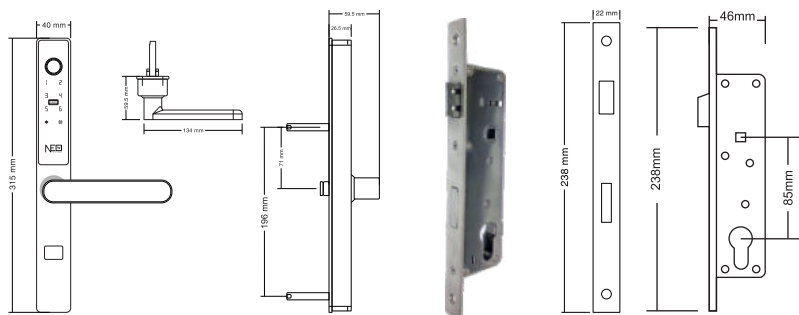


Vân tay Mã số Thẻ từ Khóa cơ

Mã sản phẩm / Model No.

D101

- **Chức năng** : Vân tay, Mã số, Thẻ từ, Khóa cơ
- **Functions** : Fingerprint, Passcode, Card, Key
- **Chất liệu** : Hợp kim nhôm
- **Material** : Aluminum Alloy
- **Dung lượng lưu trữ** : 200 người dùng
- **Capacity** : 200 Users
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 6 cm
- **Door Frame and Thickness** : 4 x 6 cm



Sử dụng cho cửa nhôm, nhựa lõi thép / Suitable with aluminum doors



Vân tay



Thẻ từ

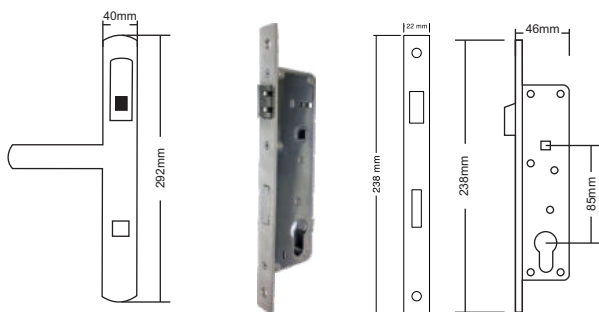


Chìa cơ

Mã sản phẩm / Model No.

LMX-290P

- **Chức năng** : Vân tay, Thẻ từ, Chìa cơ
- **Functions** : Fingerprint, Card, Key
- **Chất liệu** : SUS 304
- **Material** : SUS 304
- **Dung lượng lưu trữ** : 200 người dùng
- **Capacity** : 200 Users
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 6 cm
- **Door Frame and Thickness** : 4 x 6 cm



Sử dụng cho cửa nhôm, nhựa lõi thép / Suitable with aluminum doors



Vân tay



Mã số



Thẻ từ

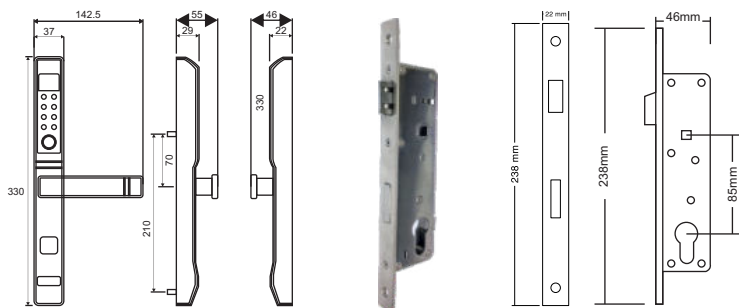


Chìa cơ

Mã sản phẩm / Model No.

LMX-300

- **Chức năng** : Vân tay, Mã số, Thẻ từ, Chìa cơ
- **Functions** : Fingerprint, Passcode, Card, Key
- **Chất liệu** : SUS 304
- **Material** : SUS 304
- **Dung lượng lưu trữ** : 200 người dùng
- **Capacity** : 200 Users
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 6 cm
- **Door Frame and Thickness** : 4 x 6 cm



Sử dụng cho cửa nhôm, nhựa lõi thép / Suitable with aluminum doors



- **Chức năng** : Vân tay, Mã số, Thẻ từ, Chìa cơ, App
- **Functions** : *Fingerprint, Passcode, Card, Key, Mobile App*
- **Chất liệu** : Khung nhôm - Kính cường lực
- **Material** : *Space Aluminum - Tempered Glass*
- **Dung lượng lưu trữ** : 100 vân tay, 200 mã số, 200 thẻ từ
- **Capacity** : *100 Fingerprints, 200 Passcodes, 200 Cards*
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 10 cm
- **Door Frame and Thickness** : *4 x 10 cm*



Vân tay



Mã số



Thẻ từ



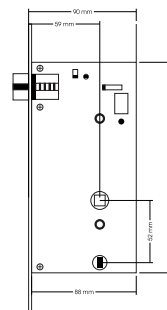
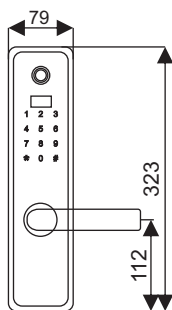
Chìa cơ



APP

Mã sản phẩm / Model No.

L661



- **Chức năng** : Vân tay, Mã số, Thẻ từ, Chìa cơ, App
- **Functions** : *Fingerprint, Passcode, Card, Key, Mobile App*
- **Chất liệu** : Khung nhôm - Kính cường lực
- **Material** : *Space Aluminum - Tempered Glass*
- **Dung lượng lưu trữ** : 100 vân tay, 200 mã số, 200 thẻ từ
- **Capacity** : *100 Fingerprints, 200 Passcodes, 200 Cards*
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 10 cm
- **Door Frame and Thickness** : *4 x 10 cm*



Vân tay



Mã số



Thẻ từ



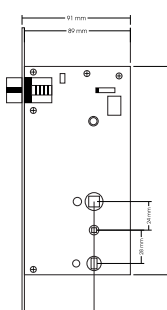
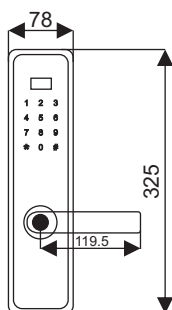
Chìa cơ

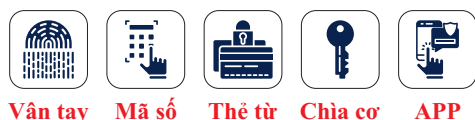


APP

Mã sản phẩm / Model No.

U501



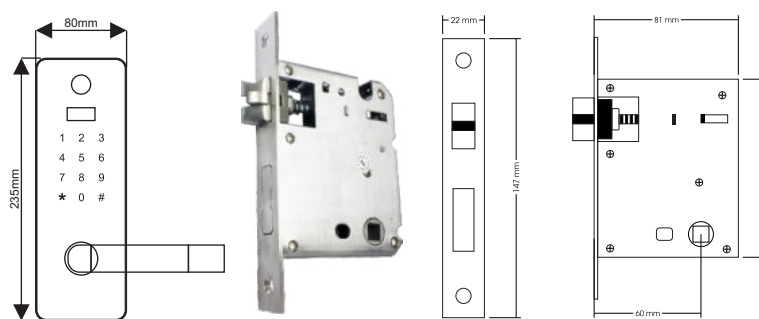


Vân tay Mã số Thẻ từ Khóa cơ APP

Mã sản phẩm / Model No.

K501

- **Chức năng** : Vân tay, Mã số, Thẻ từ, Khóa cơ, App
- **Functions** : Fingerprint, Passcode, Card, Key, Mobile App
- **Chất liệu** : Khung nhôm - Kính cường lực
- **Material** : Space Aluminum - Tempered Glass
- **Dung lượng lưu trữ** : 100 vân tay, 200 mã số, 200 thẻ từ
- **Capacity** : 100 Fingerprints, 200 Passcodes, 200 Cards
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 10 cm
- **Door Frame and Thickness** : 4 x 10 cm



- **Chức năng** : Kết nối WIFI với bộ khóa
- **Functions** : WIFI connection in order to set passcode from remote area

Mã sản phẩm / Model No.

GATEWAY



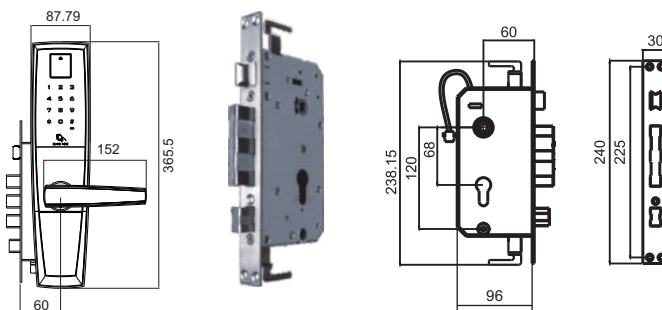
- **Chức năng** : Vân tay, Mã số, Thẻ từ, Chìa cơ
- **Functions** : *Fingerprint, Passcode, Card, Key*
- **Chất liệu** : Hợp kim cao cấp
- **Material** : *Zinc Alloy*
- **Dung lượng lưu trữ** : 100 vân tay, 200 mã số, 800 thẻ từ
- **Capacity** : *100 Fingerprints, 200 Passcodes, 800 Cards*
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 12 cm
- **Door Frame and Thickness** : *4 x 12 cm*



Vân tay Mã số Thẻ từ Chìa cơ

Mã sản phẩm / Model No.

M116C98F



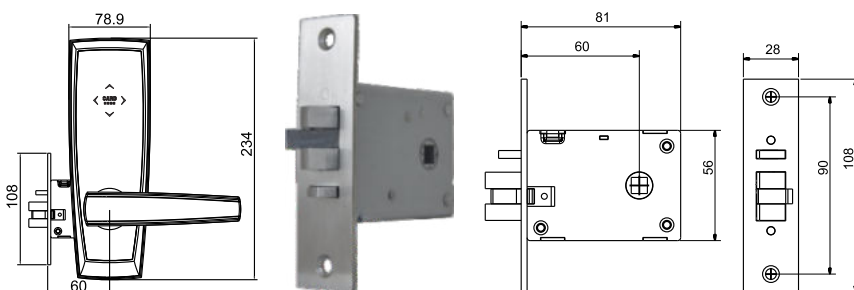
- **Chức năng** : Vân tay, Mã số, Thẻ từ, Chìa cơ
- **Functions** : *Fingerprint, Passcode, Card, Key*
- **Chất liệu** : Hợp kim cao cấp
- **Material** : *Zinc Alloy*
- **Dung lượng lưu trữ** : 100 vân tay, 100 mã số - thẻ từ
- **Capacity** : *100 Fingerprints, 100 Passcodes - Cards*
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 10 cm
- **Door Frame and Thickness** : *4 x 10 cm*



Vân tay Mã số Thẻ từ Chìa cơ

Mã sản phẩm / Model No.

M116E98F



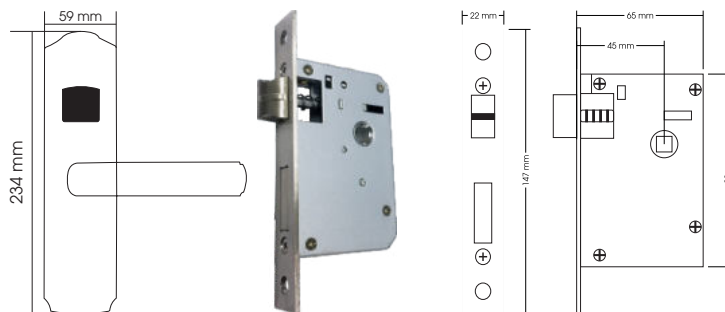


Vân tay Khóa cơ

Mã sản phẩm / Model No.

MY-2001

- **Chức năng** : Vân tay, Khóa cơ
- **Functions** : Fingerprint, Key
- **Chất liệu** : Hợp kim cao cấp
- **Material** : Zinc Alloy
- **Dung lượng lưu trữ** : 100 vân tay
- **Capacity** : 100 Fingerprints
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 8 cm
- **Door Frame and Thickness** : 4 x 8 cm

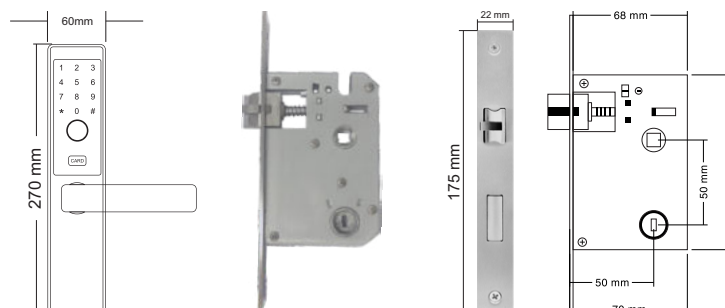


Vân tay Mã số Thẻ từ Khóa cơ

Mã sản phẩm / Model No.

I 1

- **Chức năng** : Vân tay, Mã số, Thẻ từ, Khóa cơ
- **Functions** : Fingerprint, Passcode, Card, Key
- **Chất liệu** : Hợp kim cao cấp - Kính cường lực
- **Material** : Zinc Alloy - Tempered Glass
- **Dung lượng lưu trữ** : 100 vân tay, 10 mã số, 10 thẻ từ
- **Capacity** : 100 Fingerprints, 10 Passcodes, 10 Cards
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 8 cm
- **Door Frame and Thickness** : 4 x 8 cm



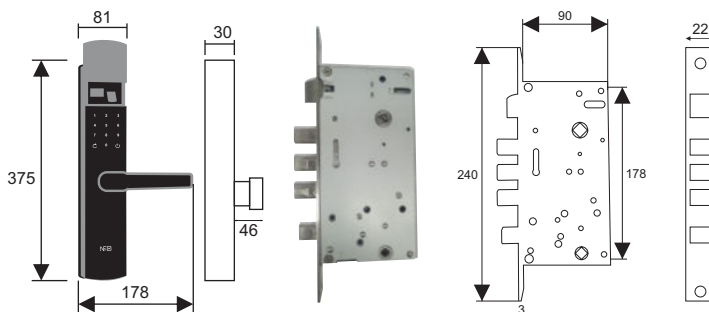


Vân tay Mã số Thẻ từ Khóa cơ

Mã sản phẩm / Model No.

F6615

- **Chức năng** : Vân tay, Mã số, Thẻ từ, Khóa cơ
- **Functions** : Fingerprint, Passcode, Card, Key
- **Chất liệu** : Hợp kim cao cấp
- **Material** : Zinc Alloy
- **Dung lượng lưu trữ** : 200 vân tay, 10 mã số, 50 thẻ từ
- **Capacity** : 200 Fingerprints, 10 Passcodes, 50 Cards
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 11 cm
- **Door Frame and Thickness** : 4 x 11 cm



MADE IN KOREA

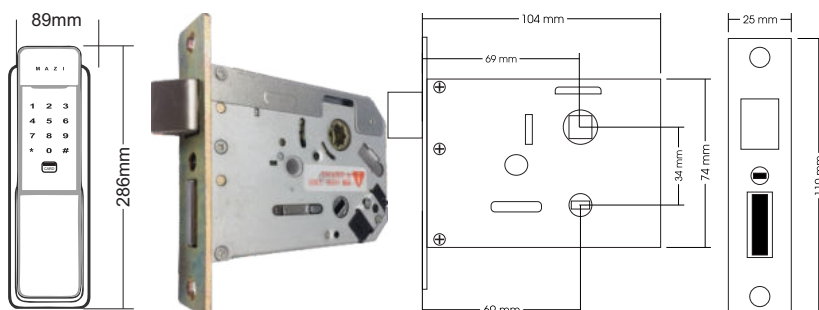


Vân tay Mã số Thẻ từ

Mã sản phẩm / Model No.

H-7290

- **Chức năng** : Vân tay, Mã số, Thẻ từ
- **Functions** : Fingerprint, Passcode, Card
- **Chất liệu** : Nhựa ABS - Kính cường lực
- **Material** : ABS - Tempered Glass
- **Dung lượng lưu trữ** : 100 vân tay, 01 mã số, 50 thẻ từ
- **Capacity** : 100 Fingerprints, 01 Passcode, 50 Cards
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 12 cm
- **Door Frame and Thickness** : 4 x 12 cm





- **Chức năng** : Vân tay, Mã số, Thẻ từ, Chìa cơ
- **Functions** : *Fingerprint, Passcode, Card, Key*
- **Chất liệu** : Hợp kim
- **Material** : *Zinc Alloy*
- **Dung lượng lưu trữ** : 200 Users
- **Capacity** : *200 Users*
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 8 cm
- **Door Frame and Thickness** : *4 x 8 cm*



Vân tay



Mã số



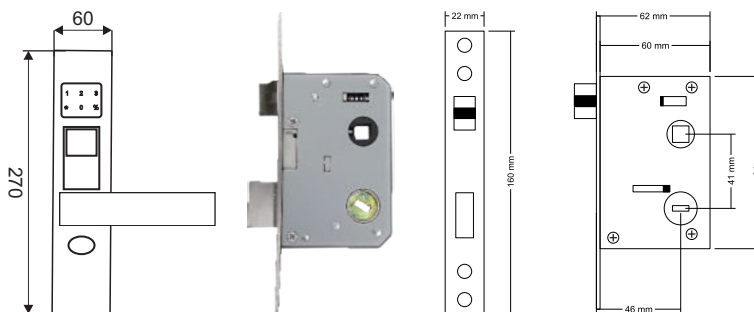
Thẻ từ



Chìa cơ

Mã sản phẩm / Model No.

AZ1-10-C



NEO
Premium Quality



KHÓA ĐIỆN TỬ



Smart Locks







Mã số



Thẻ từ



Chìa cơ



Chíp từ

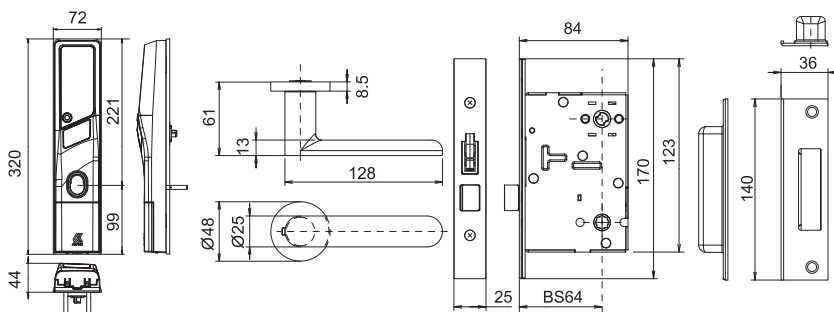


Chống nước
Waterproof

Mã sản phẩm / Model No.

WS200

- **Chức năng** : Mã số, Thẻ từ, Chíp từ, Chìa cơ dự phòng
- **Functions** : Passcode, Card, Round Tag Key, Dimple Key
- **Chất liệu** : Nhôm đúc khuôn - Kính cường lực
- **Material** : Die-cast Aluminum - Tempered Glass
- **Dung lượng lưu trữ** : 20 mã số, thẻ từ, chip từ
- **Capacity** : 20 Passcodes, Cards
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 10 cm
- **Door Frame and Thickness** : 4 x 10 cm



Thẻ từ



Chìa cơ

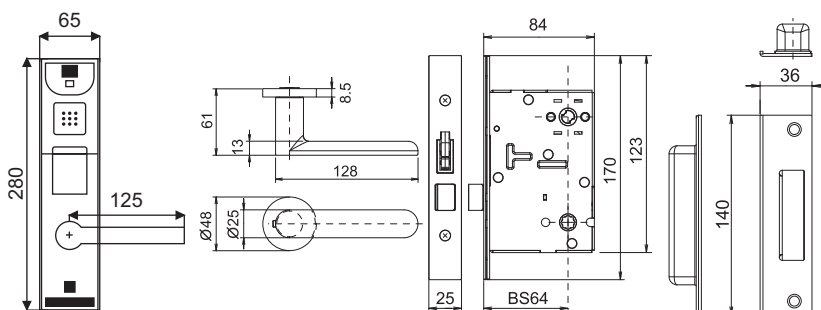


Chống nước
Waterproof

Mã sản phẩm / Model No.

RS200

- **Chức năng** : Thẻ từ, Chìa cơ dự phòng
- **Functions** : Card, Dimple Key
- **Chất liệu** : Nhôm đúc khuôn - Nhựa ABS cao cấp
- **Material** : Die-cast Aluminum - ABS
- **Dung lượng lưu trữ** : 20 thẻ từ
- **Capacity** : 20 Cards
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 10 cm
- **Door Frame and Thickness** : 4 x 10 cm



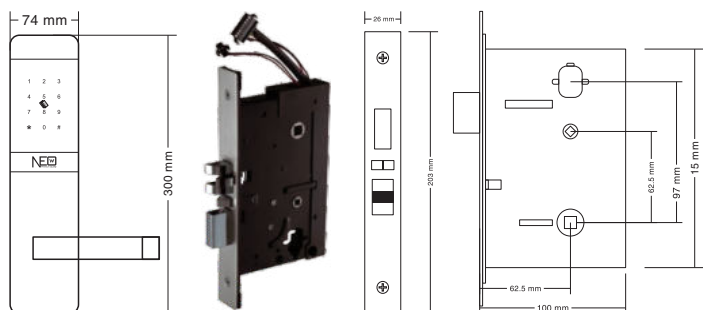


Mã số Thẻ từ Khóa cơ

Mã sản phẩm / Model No.

JD206T

- **Chức năng** : Mã số, Thẻ từ, Khóa cơ
- **Functions** : Passcode, Card, Key
- **Chất liệu** : Hợp kim nhôm
- **Material** : Aluminum Alloy
- **Dung lượng lưu trữ** : 500 Users
- **Capacity** : 500 Users
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 8 cm
- **Door Frame and Thickness** : 4 x 8 cm

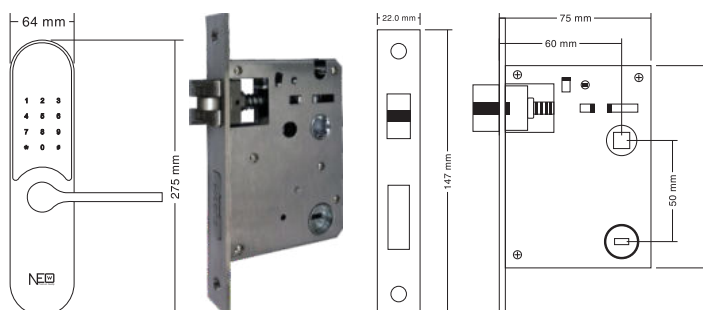


Mã số Thẻ từ Khóa cơ

Mã sản phẩm / Model No.

JD204A

- **Chức năng** : Mã số, Thẻ từ, Khóa cơ
- **Functions** : Passcode, Card, Key
- **Chất liệu** : Hợp kim nhôm
- **Material** : Aluminum Alloy
- **Dung lượng lưu trữ** : 500 người dùng
- **Capacity** : 500 Users
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 8 cm
- **Door Frame and Thickness** : 4 x 8 cm





Mã số



Thẻ từ

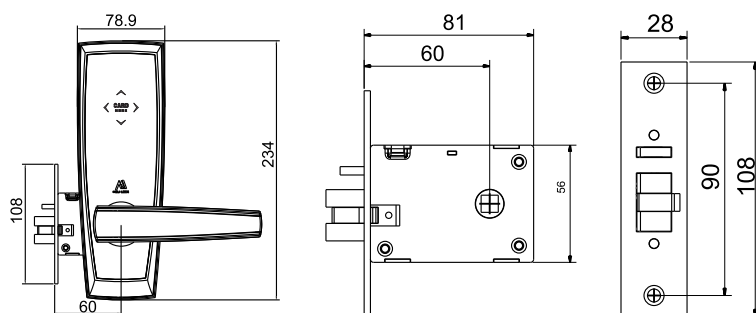


Chìa cơ

Mã sản phẩm / Model No.

M116E98C

- **Chức năng** : Mã số, Thẻ từ, Chìa cơ
- **Functions** : Passcode, Card, Key
- **Chất liệu** : Hợp kim cao cấp
- **Material** : Zinc Alloy
- **Dung lượng lưu trữ** : 200 mã số, 800 thẻ từ
- **Capacity** : 200 Passcodes, 800 Cards
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 10 cm
- **Door Frame and Thickness** : 4 x 10 cm



Mã số



Thẻ từ

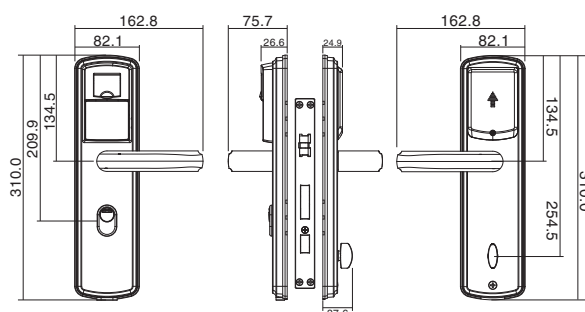


Chìa cơ

Mã sản phẩm / Model No.

LS8105

- **Chức năng** : Mã số, Thẻ từ, Chìa cơ
- **Functions** : Pin code, Card, Key
- **Chất liệu** : SUS 304
- **Material** : SUS 304
- **Dung lượng lưu trữ** : 100 mã số, 100 thẻ từ
- **Capacity** : 100 Passcodes, 100 Cards
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 11 cm
- **Door Frame and Thickness** : 4 x 11 cm





Mã số



Thẻ từ

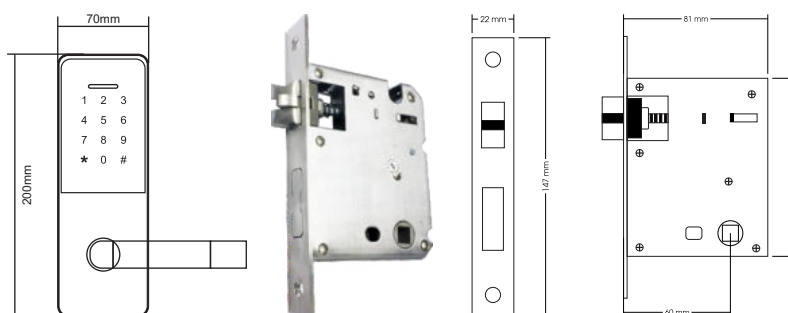


Chìa cơ

Mã sản phẩm / Model No.

6675

- **Chức năng** : Mã số, Thẻ từ, Chìa cơ
- **Functions** : Passcode, Card, Key
- **Chất liệu** : Hợp kim cao cấp
- **Material** : Zinc Alloy
- **Dung lượng lưu trữ** : 30 mã số, 100 thẻ từ
- **Capacity** : 30 Passcodes, 100 Cards
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 10 cm
- **Door Frame and Thickness** : 4 x 10 cm



Thẻ từ

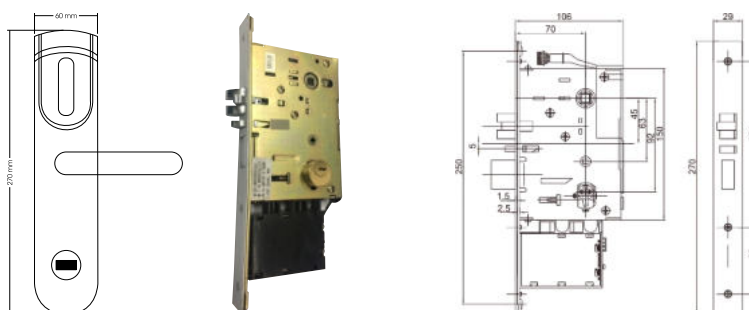


Chìa cơ

Mã sản phẩm / Model No.

H968SL-2

- **Chức năng** : Thẻ từ, Chìa cơ
- **Functions** : Card, Key
- **Chất liệu** : Hợp kim cao cấp
- **Material** : Zinc Alloy
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 12 cm
- **Door Frame and Thickness** : 4 x 12 cm





KHÓA KHÁCH SẠN
Hotel door lock





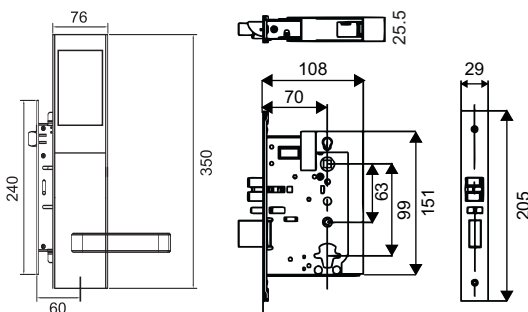


Thẻ từ Chia cơ

Mã sản phẩm / Model No.

F61ST01 SS

- **Chức năng** : Thẻ từ, Chia cơ
- *Functions* : Card, Key
- **Chất liệu** : SUS 304
- *Material* : SUS 304
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 12 cm
- *Door Frame and Thickness* : 4 x 12 cm

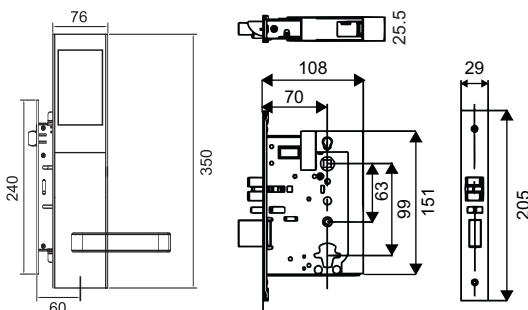


Thẻ từ Chia cơ

Mã sản phẩm / Model No.

F61ST01 GOLD

- **Chức năng** : Thẻ từ, Chia cơ
- *Functions* : Card, Key
- **Chất liệu** : SUS 304
- *Material* : SUS 304
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 12 cm
- *Door Frame and Thickness* : 4 x 12 cm



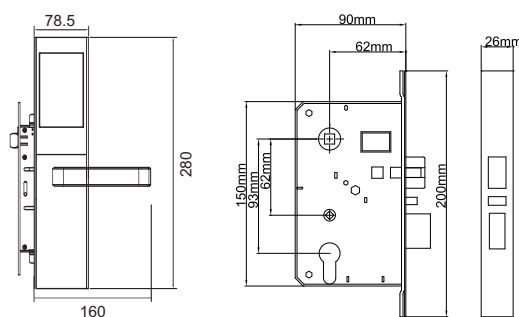


Thẻ từ Khóa cơ

Mã sản phẩm / Model No.

F61ST02 SS

- **Chức năng** : Thẻ từ, Khóa cơ
- **Functions** : Card, Key
- **Chất liệu** : SUS 304
- **Material** : SUS 304
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 12 cm
- **Door Frame and Thickness** : 4 x 12 cm

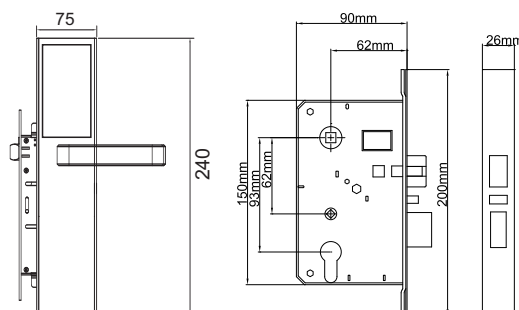


Thẻ từ Khóa cơ

Mã sản phẩm / Model No.

F62ST03 SS

- **Chức năng** : Thẻ từ, Khóa cơ
- **Functions** : Card, Key
- **Chất liệu** : SUS 304
- **Material** : SUS 304
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 12 cm
- **Door Frame and Thickness** : 4 x 12 cm



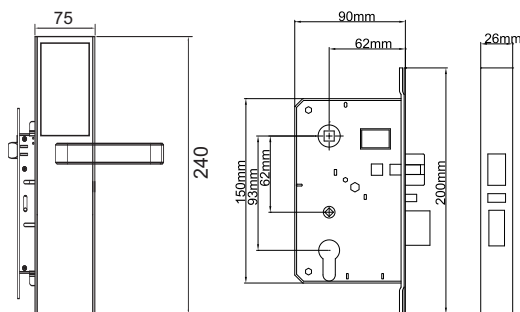


Thẻ từ Chia cơ

Mã sản phẩm / Model No.

F62ST03 PVD

- **Chức năng** : Thẻ từ, Chia cơ
- *Functions* : Card, Key
- **Chất liệu** : SUS 304
- *Material* : SUS 304
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 12 cm
- *Door Frame and Thickness* : 4 x 12 cm

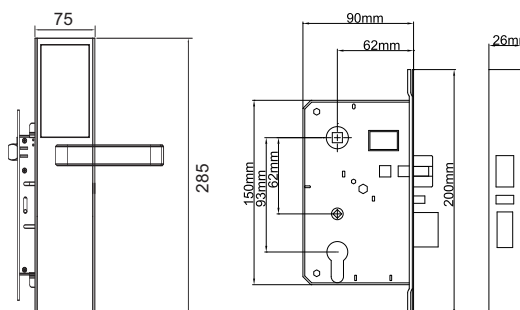


Thẻ từ Chia cơ

Mã sản phẩm / Model No.

26C70N

- **Chức năng** : Thẻ từ, Chia cơ
- *Functions* : Card, Key
- **Chất liệu** : Inox
- *Material* : Stainless steel
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 12 cm
- *Door Frame and Thickness* : 4 x 12 cm



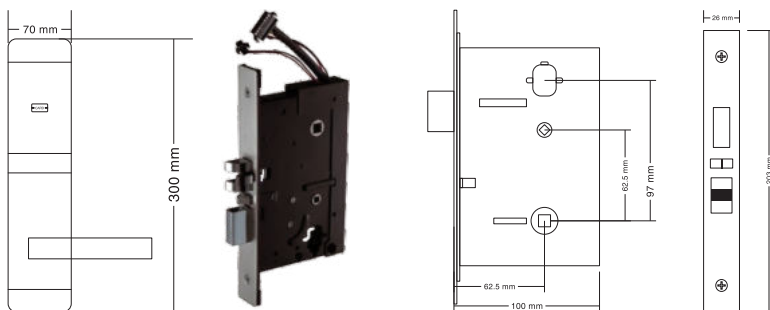


Thẻ từ Khóa cơ

Mã sản phẩm / Model No.

JD104A BLACK

- **Chức năng** : Thẻ từ, Khóa cơ
- *Functions* : Card, Key
- **Chất liệu** : Hợp kim cao cấp
- *Material* : Zinc Alloy
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 11 cm
- *Door Frame and Thickness* : 4 x 11cm

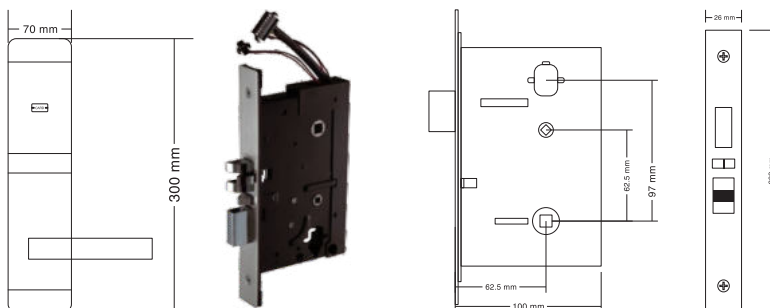


Thẻ từ Khóa cơ

Mã sản phẩm / Model No.

JD104A ROSE GOLD

- **Chức năng** : Thẻ từ, Khóa cơ
- *Functions* : Card, Key
- **Chất liệu** : Hợp kim cao cấp
- *Material* : Zinc Alloy
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 11 cm
- *Door Frame and Thickness* : 4 x 11cm



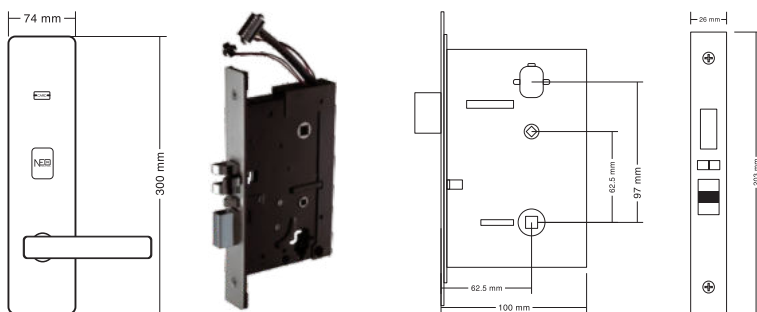


Thẻ từ Chia cơ

Mã sản phẩm / Model No.

JD142 SN

- **Chức năng** : Thẻ từ, Chia cơ
- *Functions* : Card, Key
- **Chất liệu** : Hợp kim cao cấp
- *Material* : Zinc Alloy
- **Đố cửa thích hợp** : 4 x 11 cm
- *Door Frame and Thickness* : 4 x 11 cm

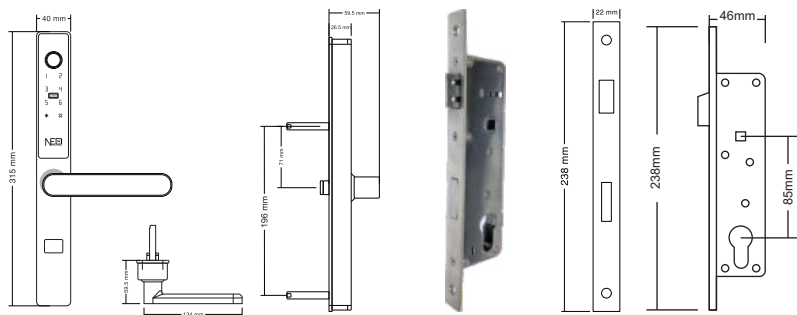


Thẻ từ Chia cơ

Mã sản phẩm / Model No.

D103

- **Chức năng** : Thẻ từ, Chia cơ
- *Functions* : Card, Key
- **Chất liệu** : Hợp kim nhôm
- *Material* : Aluminum Alloy
- **Đố cửa thích hợp** : 4 x 6 cm
- *Door Frame and Thickness* : 4 x 6 cm



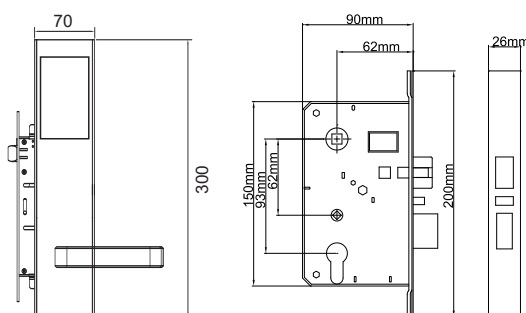


Thẻ từ Khóa cơ

Mã sản phẩm / Model No.

T1

- **Chức năng** : Thẻ từ, Khóa cơ
- *Functions* : Card, Key
- **Chất liệu** : Hợp kim nhôm
- *Material* : Aluminum Alloy
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 11 cm
- *Door Frame and Thickness* : 4 x 11 cm

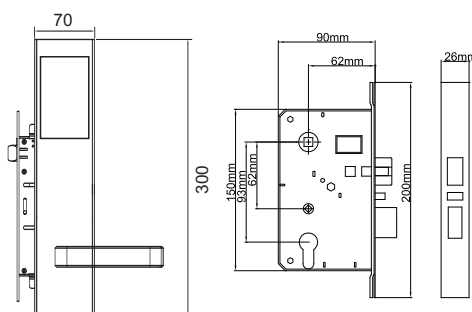


Thẻ từ Khóa cơ

Mã sản phẩm / Model No.

T2

- **Chức năng** : Thẻ từ, Khóa cơ
- *Functions* : Card, Key
- **Chất liệu** : Hợp kim nhôm
- *Material* : Aluminum Alloy
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 11 cm
- *Door Frame and Thickness* : 4 x 11 cm



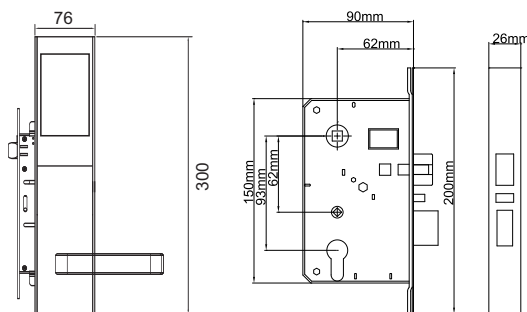


Thẻ từ Chia cơ

Mã sản phẩm / Model No.

F6101 DSN ET

- **Chức năng** : Thẻ từ, Chia cơ
- *Functions* : Card, Key
- **Chất liệu** : Hợp kim cao cấp
- *Material* : Zinc Alloy
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 11 cm
- *Door Frame and Thickness* : 4 x 11 cm

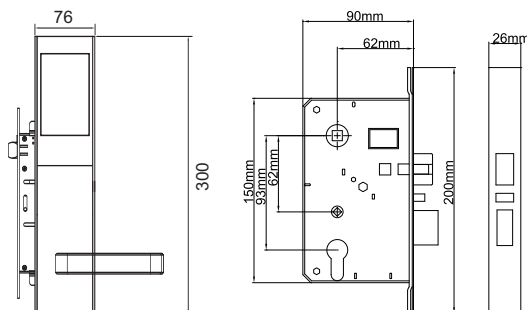


Thẻ từ Chia cơ

Mã sản phẩm / Model No.

F6103 DAB ET

- **Chức năng** : Thẻ từ, Chia cơ
- *Functions* : Card, Key
- **Chất liệu** : Hợp kim nhôm
- *Material* : Aluminum Alloy
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 11 cm
- *Door Frame and Thickness* : 4 x 11 cm



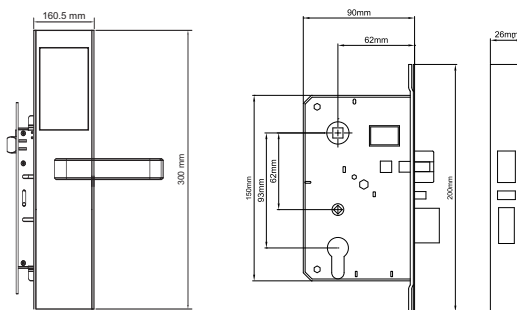


Thẻ từ Khóa cơ

Mã sản phẩm / Model No.

F6105 DAB ET

- **Chức năng** : Thẻ từ, Khóa cơ
- **Functions** : Card, Key
- **Chất liệu** : Hợp kim cao cấp
- **Material** : Zinc Alloy
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 12 cm
- **Door Frame and Thickness** : 4 x 12 cm

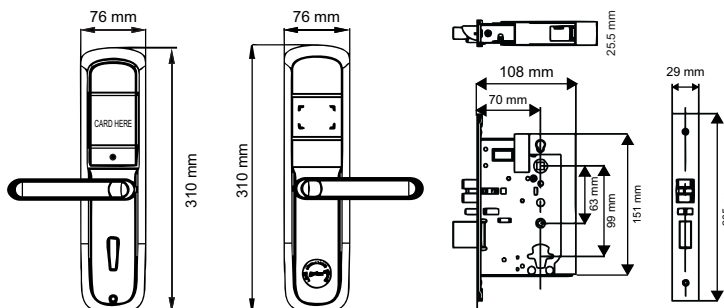


Thẻ từ Khóa cơ

Mã sản phẩm / Model No.

LIS 2008- MF 1150

- **Chức năng** : Thẻ từ, Khóa cơ
- **Functions** : Card, Key
- **Chất liệu** : Hợp kim cao cấp
- **Material** : Zinc Alloy
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 12 cm
- **Door Frame and Thickness** : 4 x 12 cm



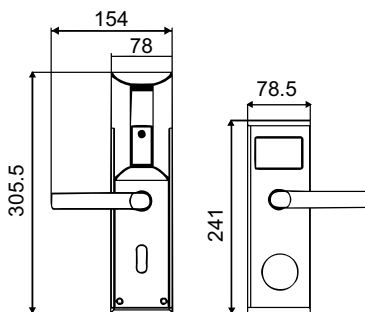


Thẻ từ Chia cơ

Mã sản phẩm / Model No.

LIS 2008-MF S800 AS/32

- **Chức năng** : Thẻ từ, Chia cơ
- *Functions* : Card, Key
- **Chất liệu** : Inox
- *Material* : Stainless steel
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 12 cm
- *Door Frame and Thickness* : 4 x 12 cm

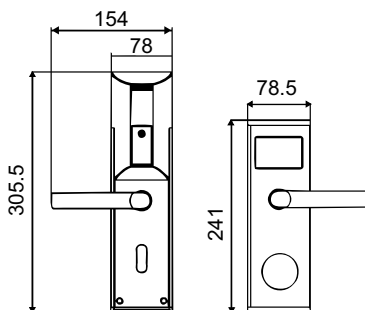


Thẻ từ Chia cơ

Mã sản phẩm / Model No.

LIS 2008-MF S800 AST/32

- **Chức năng** : Thẻ từ, Chia cơ
- *Functions* : Card, Key
- **Chất liệu** : Inox
- *Material* : Stainless steel
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 12 cm
- *Door Frame and Thickness* : 4 x 12 cm



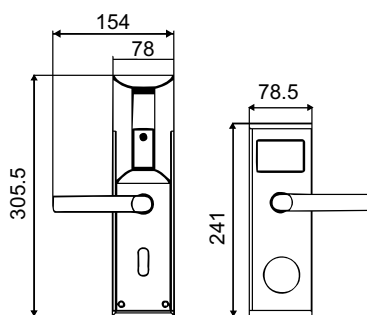


Thẻ từ Khóa cơ

Mã sản phẩm / Model No.

LIS 2008-MF S800 LAS/32

- **Chức năng** : Thẻ từ, Khóa cơ
- *Functions* : Card, Key
- **Chất liệu** : Inox
- *Material* : Stainless steel
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 12 cm
- *Door Frame and Thickness* : 4 x 12 cm

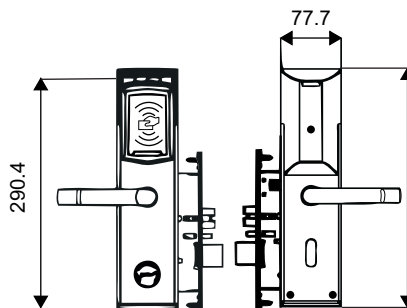


Thẻ từ Khóa cơ

Mã sản phẩm / Model No.

LIS 2008- MF 1280/1 PVD

- **Chức năng** : Thẻ từ, Khóa cơ
- *Functions* : Card, Key
- **Chất liệu** : Inox
- *Material* : Stainless steel
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 12 cm
- *Door Frame and Thickness* : 4 x 12 cm



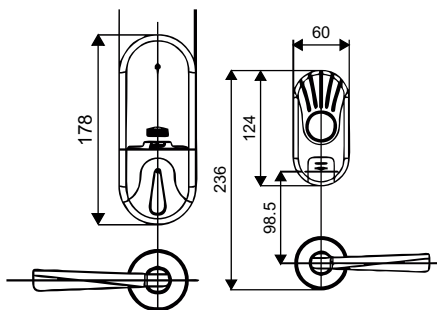


Thẻ từ Chia cơ

Mã sản phẩm / Model No.

LIS 2008-MF 1260/22

- **Chức năng** : Thẻ từ, Chia cơ
- *Functions* : Card, Key
- **Chất liệu** : Hợp kim cao cấp
- *Material* : Zinc Alloy
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 12 cm
- *Door Frame and Thickness* : 4 x 12 cm

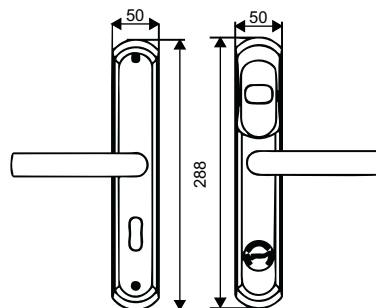
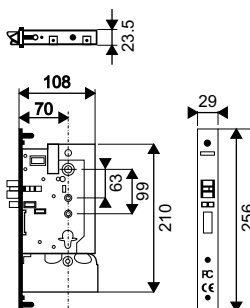


Thẻ từ Chia cơ

Mã sản phẩm / Model No.

LIS 2008-MF N300/4

- **Chức năng** : Thẻ từ, Chia cơ
- *Functions* : Card, Key
- **Chất liệu** : Hợp kim cao cấp
- *Material* : Zinc Alloy
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 12 cm
- *Door Frame and Thickness* : 4 x 12 cm



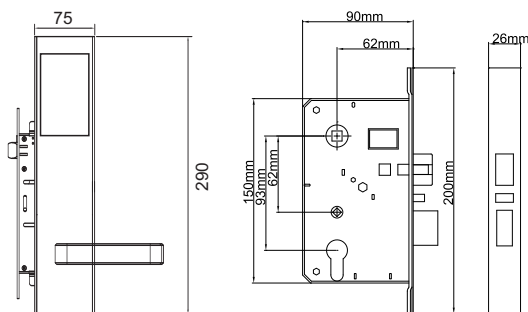


Thẻ từ Khóa cơ

Mã sản phẩm / Model No.

F62ST05

- **Chức năng** : Thẻ từ, Khóa cơ
- *Functions* : Card, Key
- **Chất liệu** : Hợp kim cao cấp
- *Material* : Zinc Alloy
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 12 cm
- *Door Frame and Thickness* : 4 x 12 cm

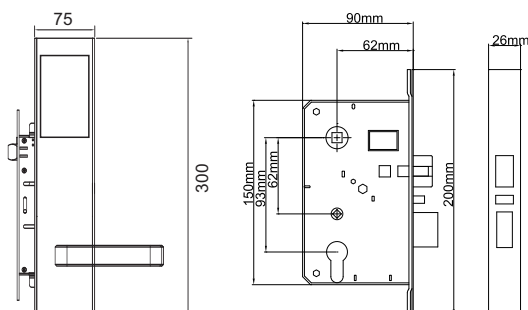


Thẻ từ Khóa cơ

Mã sản phẩm / Model No.

F62ST06 OAC

- **Chức năng** : Thẻ từ, Khóa cơ
- *Functions* : Card, Key
- **Chất liệu** : Hợp kim cao cấp
- *Material* : Zinc Alloy
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 12 cm
- *Door Frame and Thickness* : 4 x 12 cm



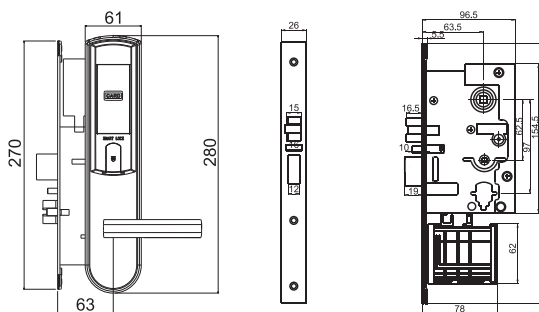


Thẻ từ Chia cơ

Mã sản phẩm / Model No.

M126C135 SS

- **Chức năng** : Thẻ từ, Chia cơ
- *Functions* : Card, Key
- **Chất liệu** : SUS 304
- *Material* : SUS 304
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 11 cm
- *Door Frame and Thickness* : 4 x 11 cm

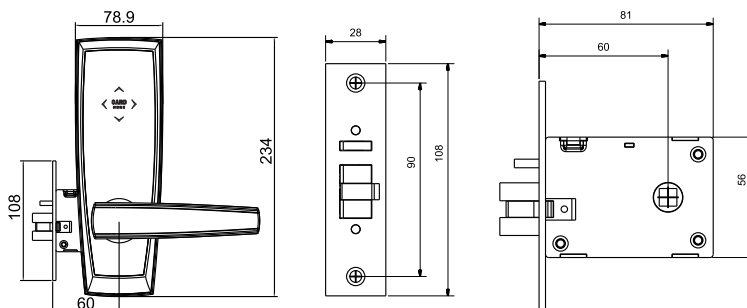


Thẻ từ Chia cơ

Mã sản phẩm / Model No.

M116E98

- **Chức năng** : Thẻ từ, Chia cơ
- *Functions* : Card, Key
- **Chất liệu** : Hợp kim cao cấp
- *Material* : Zinc Alloy
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 10 cm
- *Door Frame and Thickness* : 4 x 10 cm



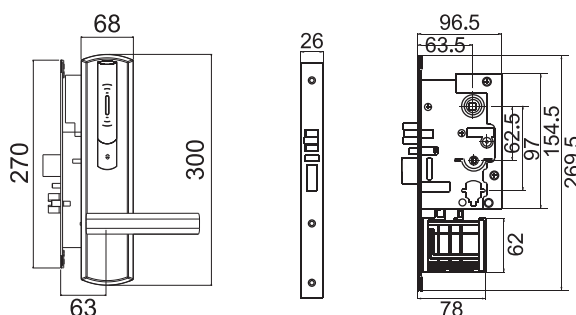


Thẻ từ Khóa cơ

Mã sản phẩm / Model No.

M156C136 PVD

- **Chức năng** : Thẻ từ, Khóa cơ
- **Functions** : Card, Key
- **Chất liệu** : SUS 304
- **Material** : SUS 304
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 11 cm
- **Door Frame and Thickness** : 4 x 11 cm

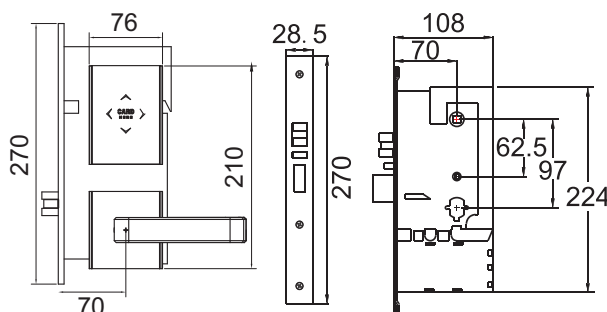


Thẻ từ Khóa cơ

Mã sản phẩm / Model No.

M117C99-A

- **Chức năng** : Thẻ từ, Khóa cơ
- **Functions** : Card, Key
- **Chất liệu** : Hợp kim nhôm
- **Material** : Aluminum Alloy
- **Đổ cửa thích hợp** : 4 x 12 cm
- **Door Frame and Thickness** : 4 x 12 cm





Mã sản phẩm / Model No.

HOTEL MANAGEMENT SYSTEM

- **Chức năng** : Dùng để quản lý khóa, cài đặt thẻ
- *Functions* : Set up cards, to manage the hotel system



- **Chức năng** : Dùng để kết nối phần mềm và thẻ từ để cài đặt thẻ
- *Functions* : The encoder for reading and encoding the card

Mã sản phẩm / Model No.

CARD ENCODER



- **Chức năng** : Dùng để (cài đặt) và kiểm tra dữ liệu của khóa
- *Functions : Portable Data collector/ Handhold Programming PDA for hotel system*

Mã sản phẩm / Model No.

PORTABLE DATA COLLECTOR



- **Chức năng** : Dùng để mở cửa
- *Functions : Swipe cards to open door lock*

Mã sản phẩm / Model No.

HOTEL CARD



Mã sản phẩm / Model No.

ENERGY SAVING SWITCH

- **Chức năng** : Dùng để đóng/mở điện trong phòng (Chỉ dùng thẻ khách sạn)
- *Functions* : *Insert hotel card to get power*



Mã sản phẩm / Model No.

ENERGY SAVING SWITCH

- **Chức năng** : Dùng để đóng/mở điện trong phòng (Tất cả loại thẻ từ)
- *Functions* : *Insert any card to get power*





ACCESS CONTROL SYSTEM

**THIẾT BỊ CHẤM CÔNG VÀ
KIỂM SOÁT RA VÀO**

NEO 
Premium Quality





Mã sản phẩm / Model No.

TFS70

- **Chức năng** : Vân tay, Mã số, Thẻ từ
- *Functions* : Fingerprint, Passcode, Card
- **Chất liệu** : PVC
- *Material* : PVC
- **Bộ nhớ** : 3000 Vân tay, 3000 thẻ từ
- *Memory* : 3000 Fingerprints, 3000 Cards
- **Dung lượng lưu trữ** : 200.000
- *Record Capacity* : 200.000
- **Kích thước** : 185 x 64 x 47 mm
- *Dimensions* : 185 x 64 x 47 mm



Vân tay



Mã số



Thẻ từ

Kết nối : LAN, USB

Communication : LAN, USB

Chăm công

Time Attendance



Mã sản phẩm / Model No.

TFS30

- **Chức năng** : Vân tay, Mã số, Thẻ từ
- *Functions* : Fingerprint, Passcode, Card
- **Chất liệu** : PVC
- *Material* : PVC
- **Bộ nhớ** : 6000
- *Fingerprint & Card capacity* : 6000
- **Dung lượng lưu trữ** : 100.000
- *Record Capacity* : 100.000
- **Kích thước** : 187 x 77 x 33 mm
- *Dimensions* : 187 x 77 x 33 mm



Vân tay



Mã số



Thẻ từ

Kết nối : LAN, USB

Communication : LAN, USB

Chăm công

Time Attendance



Mã sản phẩm / Model No.

TM1600

- **Chức năng** : Vân tay, Mã số, Thẻ từ
- *Functions* : Fingerprint, Passcode, Card
- **Chất liệu** : PVC
- *Material* : PVC
- **Bộ nhớ** : 1000
- *Memory* : 1000
- **Dung lượng lưu trữ** : 100.000
- *Record Capacity* : 100.000
- **Kích thước** : 180 x 130 x 38 mm
- *Dimensions* : 180 x 130 x 38 mm



Vân tay



Mã số



Thẻ từ

Kết nối : USB

Communication : USB



Mã sản phẩm / Model No.

TFS200

- **Chức năng** : Mã số, Thẻ từ
- *Functions* : Passcode, Card
- **Chất liệu** : PVC
- *Material* : PVC
- **Bộ nhớ** : 10.000
- *Memory* : 10.000
- **Dung lượng lưu trữ** : 100.000
- *Record Capacity* : 100.000
- **Kích thước** : 187 x 77 x 33 mm
- *Dimensions* : 187 x 77 x 33 mm



Mã số



Thẻ từ

Kết nối : LAN

Communication : LAN

Chấm công

Time Attendance



Mã sản phẩm / Model No.

TDS19

- **Chức năng** : Mã số, Thẻ từ
- *Functions* : Passcode, Card
- **Chất liệu** : Kim loại
- *Material* : Metal
- **Bộ nhớ** : 2000
- *Memory* : 2000
- **Kích thước** : 84 x 84 x 20 mm
- *Dimensions* : 84 x 84 x 20 mm



Mã số



Thẻ từ



Mã sản phẩm / Model No.

TFS10

- **Chức năng** : Vân tay, Mã số, Thẻ từ
- *Functions* : Fingerprint, Passcode, Card
- **Chất liệu** : PVC
- *Material* : PVC
- **Bộ nhớ** : 1000
- *Memory* : 1000
- **Dung lượng lưu trữ** : 1000
- *Record Capacity* : 1000
- **Kích thước** : 145 x 80 x 30 mm
- *Dimensions* : 145 x 80 x 30 mm



Vân tay



Mã số



Thẻ từ



Mã sản phẩm / Model No.

NON TOUCH EXIT BUTTON

- **Chức năng** : Mở cửa không chạm
- *Functions* : Touch to open the door
- **Kích thước** : 86 x 86 mm
- *Dimensions* : 86 x 86 mm



Mã sản phẩm / Model No.

EXIT BUTTON

- **Chức năng** : Nhấn để mở cửa từ bên trong
- *Functions* : Press to open the door
- **Kích thước** : 86 x 86 x 25 mm
- *Dimensions* : 86 x 86 x 25 mm



Mã sản phẩm / Model No.

ELECTRIC LOCK

- **Chức năng** : Dùng để khóa cửa
- *Functions* : To keep the door lock
- **Nguồn điện** : 12V DC
- *Power Supply* : 12V DC
- **Kích thước** : 200 x 34 x 42 mm
- *Dimensions* : 200 x 34 x 42 mm



Mã sản phẩm / Model No.

ELECTROMAGNETIC LOCK

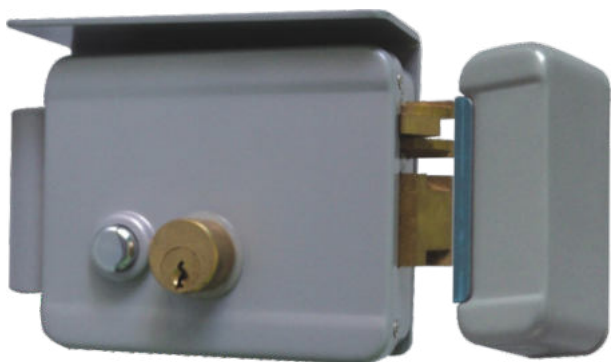
- **Chức năng** : Dùng để khóa cửa
- *Functions* : To keep the door lock
- **Nguồn điện** : 12V DC
- *Power Supply* : 12V DC
- **Kích thước** : 250 x 43 x 26 mm
- *Dimensions* : 250 x 43 x 26 mm
- **Lực hút** 280kg
- *Holding Force* 280kg



Mã sản phẩm / Model No.

DOOR HOLDER

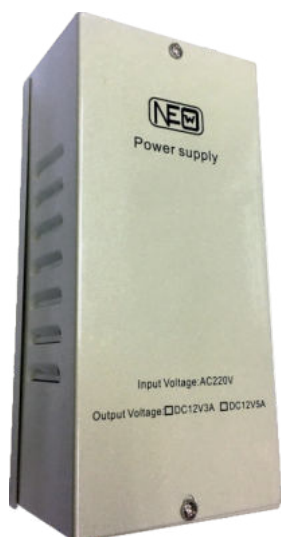
- **Chức năng** : Hộp che chốt dùng cho cửa kính không có đồ nhôm
- *Functions : Applicable glass door without frame*
- **Kích thước** : 207 x 58 x 46 mm
- *Dimensions : 207 x 58 x 46 mm*



Mã sản phẩm / Model No.

KHÓA CỔNG ĐIỆN

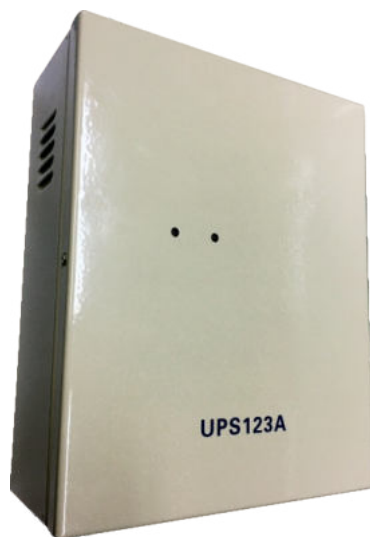
- **Chức năng** : Khóa cửa có thể kết nối với đầu đọc
- *Functions : Connect with Devices/ Readers*
- **Chất liệu** : Thép cao cấp
- *Material : Steel*
- **Nguồn điện** : 12V DC
- *Power Supply : 12V DC*



Mã sản phẩm / Model No.

ADAPTER

- **Chức năng** : Dùng để chuyển nguồn điện 220V sang 12V DC
- *Functions : Convert power from 220V to 12V DC*
- **Kích thước** : 180 x 80 x 60 mm
- *Dimensions : 180 x 80 x 60 mm*



Mã sản phẩm / Model No.

UPS

- **Chức năng** : Dùng để lưu điện cho thiết bị kiểm soát ra vào trong vòng 3-5 tiếng
- *Functions : Provides emergency power to the Access Device within 3 - 5 hours when the input power source or main power fails.*
- **Kích thước** : 200 x 164 x 77 mm
- *Dimensions : 200 x 164 x 77 mm*



- **Chức năng** : Dùng để mở cửa
- *Functions* : *Swipe cards to open the lock*

Mã sản phẩm / Model No.

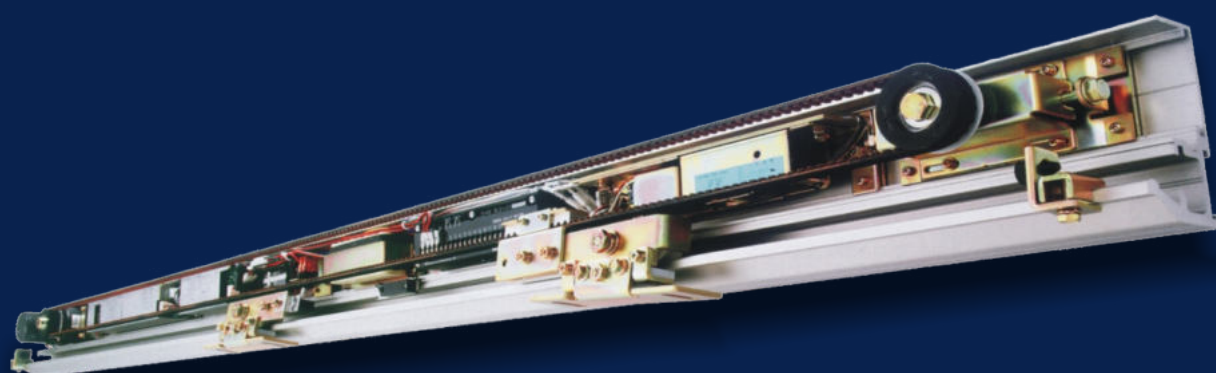
RF CARD



- **Chức năng** : Dùng để đóng/mở cửa từ xa
- *Functions* : *Using the remote control to lock/open the door*

Mã sản phẩm / Model No.

REMOTE CONTROL



YANK
MADE IN JAPAN

NEOW
Premium Quality

CỬA TRƯỢT TỰ ĐỘNG
Automatic door





● Thông tin

- Ưu việt với tính năng chạy test tự động giúp hệ thống hoạt động trơn tru.
- Động cơ DC 24V hoạt động êm ái với hiệu suất cực cao.
Tích hợp bộ giải mã và hệ thống khóa điện tử.
- Mạch bảo vệ tự động giúp bộ điều khiển trung tâm ổn định khi vận hành.
- Bộ nguồn chuyển mạch giúp điện thế luôn ổn định
- Dễ dàng lắp đặt và thi công mà không cần phải gia công cơ khí hoặc hàn.
- Kiểu dáng kết nối trực tiếp, giúp tăng độ thẩm mỹ.



● Miêu tả chi tiết

Made in Korea

CHI TIẾT	NEO-803D
Nguồn điện	AC 220V(50~60 Hz) , AC 110V (Phụ kiện thêm)
Bộ điều khiển	Bộ vi xử lý Micro
Motor	DC 24V 60W/90W
Độ nặng cửa	Tối đa 80kg/120kg X 2
Chiều dài cửa	Tối đa .2000mm
Thời gian mở	0~10s (Điều chỉnh)
Phụ kiện	Bình lưu điện, Bộ chuyển tín hiệu

Mã sản phẩm / Model No.

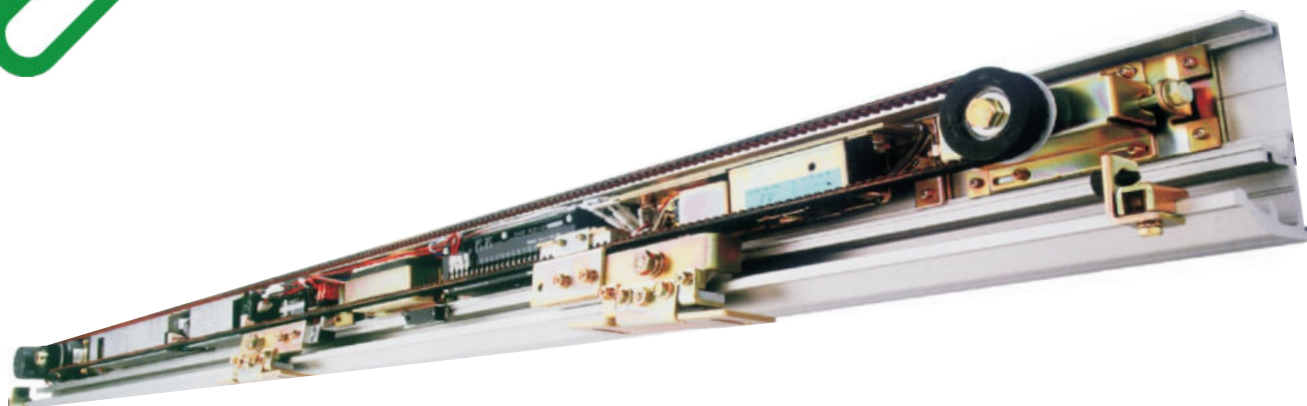
CỬA TRƯỢT TỰ ĐỘNG NEO 803D

YANK

MADE IN JAPAN



CỬA TRƯỢT TỰ ĐỘNG



KẸP KÍNH CỬA TRƯỢT

10mm - 12mm. Tải Lực 500 kg



Bộ điều khiển trung tâm



Dây Curoa



Mô tơ



Puli (hộp số)
truyền động



Mắt an toàn



Bộ chuyển nguồn



Bộ giá và con lăn



Mắt thần

Mã sản phẩm / Model No.

CỬA TRƯỢT TỰ ĐỘNG YANK AD-SXW



Chức năng / Functions

- Dùng cho cửa trượt
- Tải trọng treo : 500 kg
- Không cần khoang kính khi lắp đặt

Mã sản phẩm / Model No.

KẸP KÍNH



Chức năng / Functions

- **Cảm biến 2 bên hông cửa trượt**
- **Nguồn điện : 220V**
- *Power supply : 220V*
- **Sản xuất tại Hàn Quốc**
- *Made in Korea*

Mã sản phẩm / Model No.

DOOR BEAM

BẢNG KÝ TỰ VIẾT TẮT THỂ HIỆN MÀU SẮC SẢN PHẨM

MÀU SẮC	FINISH	Viết tắt
Trắng mờ	Satin Stainless Steel	SS
Trắng Bóng	Polish Stainless Steel	PS
Chrome mờ	Satin Chrome	SC
Chrome bóng	Polish Chrome	CP
Nickel mờ	Satin Nickel	SN
Nickel bóng	Polished Nickel	PN
Đồng cổ	Antique Brass	AB
Vàng đồng	Rose Gold	RG
Vàng Bóng	Physical Vapor Deposition	PVD
Trắng sữa	White	W
Bạc	Silver	SL
Rêu	Bronze Naif	BN

Hình ảnh của bảng màu





Since 1993

KHÓA CỬA & PHỤ KIỆN

CÔNG TY TNHH VLXD NGUYỄN ĐẠT



Your Security Our Passion

Hotline: 1900.29.29.93



www.nguyendatlock.com - www.newneo.vn



5-7 Trịnh Văn Cấn - P. Cầu Ông Lãnh - Q. 1